



Trọn vẹn  
từ thiên nhiên

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, Thành phố Vinh,  
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Số điện thoại: 02383 853.322

Số fax: 02383 853.902

Website: [www.nafoodsgroup.com.vn](http://www.nafoodsgroup.com.vn)



## DANH MỤC VIẾT TẮT

Công ty:	Công ty Cổ phần Nafoods Group
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng Cổ đông
HĐQT:	Hội đồng quản trị
BKS:	Ban kiểm soát
TGD:	Tổng Giám đốc
PTGD:	Phó Tổng Giám đốc
CB CNV:	Cán bộ công nhân viên
SXKD:	Sản xuất kinh doanh
HOSE:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

## MỤC LỤC

<b>A</b>	Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	05
	Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	07
	10 sự kiện nổi bật năm 2016	09
	Thành tích đạt được năm 2016	11
<b>NAFOODS GROUP 2016</b>		
<b>B</b>	Thông tin tổng quan	14
	Quá trình hình thành và phát triển	15
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	17
	Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	21
	Giới thiệu Ban lãnh đạo công ty	23
Định hướng phát triển	29	
<b>C</b>	<b>Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016</b>	<b>35</b>
	Tổng quan kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016	35
	Tổ chức và nhân sự	37
	Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	39
	Cổ phần, cổ đông và cổ phiếu NAF	40
	<b>Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>43</b>
	Đánh giá tổng quát kết quả kinh doanh năm 2016	45
	Phân tích kết quả kinh doanh năm 2016	47
	Tình hình tài chính	55
	Tái cấu trúc mô hình hoạt động	58
	Kế hoạch hoạt động trong năm 2017	59
	<b>Đánh giá của Hội đồng quản trị</b>	<b>60</b>
	Đánh giá chung về nền kinh tế và ngành nông nghiệp	61
	Đánh giá các mặt hoạt động của công ty	62
Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	63	
Kế hoạch và định hướng	64	
<b>D</b>	Mô hình quản trị công ty	67
	Hội đồng quản trị	71
	Ban kiểm soát	74
	Lương, thù lao của HĐQT, BKS	79
	Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan	79
	Quản trị rủi ro	80
<b>E</b>	Mục tiêu phát triển bền vững	85
	Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp xanh và khép kín	85
	Quản trị mục tiêu và điều hành doanh nghiệp bằng phương pháp quản lý hiện đại	87
	Phát triển nguồn nhân lực	89
	Trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội và các bên liên quan	92
Trách nhiệm đối với môi trường	93	
<b>F</b>	Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	98
	Ý kiến của đơn vị kiểm toán kiểm toán	100
	Báo cáo tài chính năm 2016	103
	Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2016	108
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>		

## THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Kính thưa Quý cổ đông,*

Năm 2017, năm mở đầu thực hiện mục tiêu chiến lược giai đoạn 5 năm 2017 – 2021 của Nafoods Group, đây là giai đoạn bản lề với tôn chỉ “**Kiên định, tập trung và bền vững**” để tạo sức bật cho một chiến lược dài hạn.

Ngành nông nghiệp Việt Nam năm 2017, tuy có đà tăng trưởng ấn tượng của năm 2016 nhưng vẫn còn phải đối mặt với nhiều thách thức và cần nỗ lực hơn nữa để vượt qua những khó khăn về thị trường xuất khẩu, đảm bảo ATVS nông sản thực phẩm, nhất là tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu diễn ra ngày càng khó lường. Tuy nhiên, nhìn rộng hơn, kinh tế Việt Nam tiếp tục có những khởi sắc với mức dự báo tăng trưởng lên đến 6,7%, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, hội nhập sâu rộng với thị trường Thế giới, đặc biệt việc Chính Phủ đang ưu tiên tập trung phát triển Nông nghiệp sạch Công nghệ cao, sẽ mang lại nhiều cơ hội thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển, nhất là đối với Doanh nghiệp Nông nghiệp.

Với bề dày 22 năm kinh nghiệm tổ chức sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường và 15 năm trải nghiệm với ngành chế biến nước ép trái cây xuất khẩu, sản phẩm của Nafoods Group đã khẳng định được uy tín trên thị trường Quốc tế, như: EU, Mỹ, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc,...từ đó giúp Nafoods Group tận dụng triệt để thời cơ và quản trị tốt thách thức kiên định với mục tiêu **trở thành một tập đoàn kinh tế hàng đầu Việt Nam và khu vực Châu Á trong lĩnh vực sản xuất chuỗi giá trị nông nghiệp xanh cạnh tranh toàn cầu** bằng chiến lược phát triển chuyên nghiệp, bền vững, khép kín từ sản xuất giống, trồng, chăm sóc, chế biến và tiêu thụ.

Năm 2016 đã kết thúc, để lại những kết quả đáng ghi nhận làm nền tảng cho giai đoạn 2017 – 2021, đó là:

- Năm quyết liệt tái cấu trúc, hoàn thiện mô hình quản trị và hệ thống quản lý;
- Năm có doanh thu từ các dòng sản phẩm cốt lõi vượt trội;
- Năm triển khai và đưa Dự án mở rộng quy mô Viện giống Chanh leo sạch bệnh từ công suất 500 ngàn cây/năm lên 3,5 triệu cây/năm tại xã Tri Lễ, huyện Quế Phong, Nghệ An trên diện tích 5 ha đi vào hoạt động, doanh thu từ sản phẩm Cây giống Chanh leo 2016 tăng 35,19% so với năm 2015;
- Năm triển khai Dự án xây dựng Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu Long An;
- Năm đầu tư thành lập hai công ty liên kết phát triển nguyên liệu tại Tây Bắc và Tây Nguyên;
- Năm nền tảng để Nafoods Group tiếp cận và vận dụng các chính sách thu hút của Chính Phủ về đầu tư, áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp;
- Năm nghiên cứu tiền khả thi, khả thi các Dự án đi vào trọng tâm và chiều sâu của chuỗi giá trị: Dự án cây giống mới kháng bệnh, năng suất cao; Dự án các dòng sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao mang thương hiệu Nafoods như quả tươi, nước quả nguyên chất.

Mặc dù kết quả năm 2016 chưa đạt như kỳ vọng, nhưng những thành tích nêu trên đã là nền tảng để tạo tiền đề tốt cho giai đoạn tiếp theo.

Kiên định với Tầm nhìn và Sứ mệnh đã tuyên bố, Nafoods Group tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị, đào tạo và thu hút nguồn nhân lực, tập trung đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi, mạnh mẽ đưa khoa học công nghệ áp dụng vào Chuỗi giá trị nông nghiệp xanh, khép kín, tạo ra những sản phẩm thương hiệu Nafoods có giá trị dinh dưỡng tốt và hoàn toàn tự nhiên mang lại giá trị gia tăng cao nhằm đáp ứng sự mong đợi của khách hàng Quốc tế và hướng tới phục vụ người tiêu dùng trong nước.

Mỗi một thành viên của Nafoods Group đang ngày đêm nỗ lực hết mình, không ngừng học hỏi, cầu thị, làm việc có hiệu quả vì **chung một khát vọng chinh phục chuỗi giá trị Nông nghiệp xanh cạnh tranh toàn cầu**. Tôi luôn trân trọng và cảm kích tinh thần này. Sự nhiệt tâm, cố gắng và đồng hành đó luôn là niềm cổ vũ để quyết tâm đưa Nafoods Group phát triển chuyên nghiệp, bền vững, đồng hành cùng Đất nước góp phần làm thay đổi và đưa nền Nông nghiệp Việt Nam cất cánh vươn xa. Tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và gắn bó của Quý vị cổ đông! Với cơ hội từ dự báo tăng trưởng của nền kinh tế nước nhà, với nền tảng và tiền đề từ năm 2016 của Nafoods Group, cùng với hệ thống quản trị ngày càng hoàn thiện và chuyên nghiệp, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CB CNV quyết tâm hoàn thành những kế hoạch, mục tiêu năm 2017 đã đặt ra.

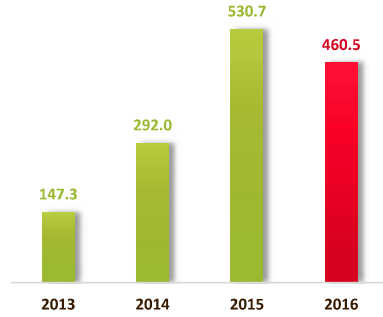
*Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
NGUYỄN MẠNH HÙNG

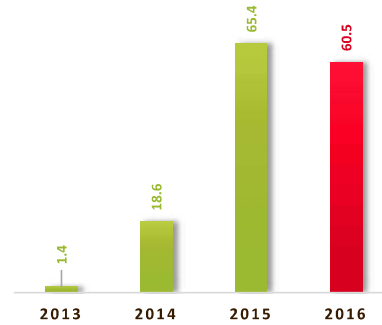


**CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN NĂM 2016**

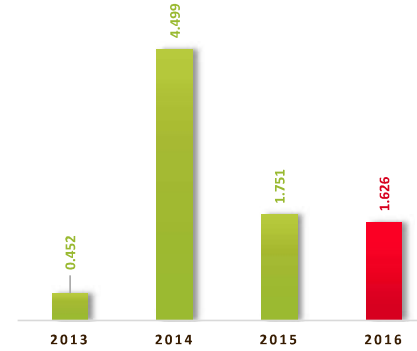
**DOANH THU THUẦN**  
Đơn vị: tỷ đồng



**LỢI NHUẬN SAU THUẾ**  
Đơn vị: tỷ đồng

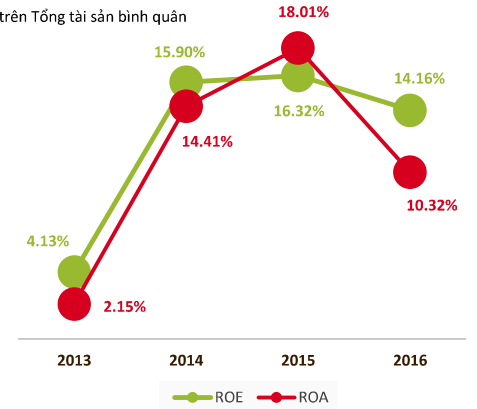


**EPS**



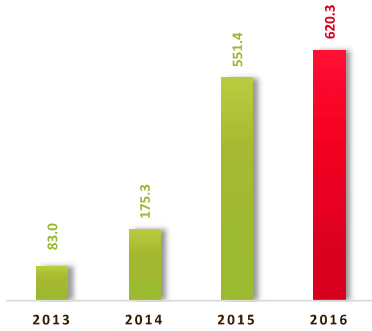
**Chỉ số ROE, ROA**

ROA tính theo Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản bình quân



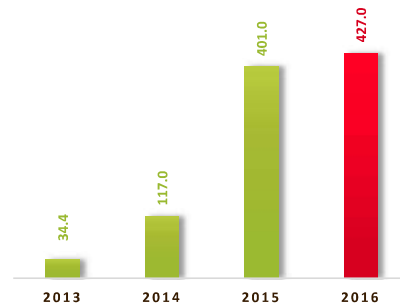
**TỔNG TÀI SẢN**

Đơn vị: tỷ đồng



**VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị: tỷ đồng



**KẾT QUẢ KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2013 – 2016**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	% tăng/giảm
Doanh thu thuần	147,30	292,00	530,73	460,51	-13,27%
Lợi nhuận gộp	11,76	34,18	111,36	126,20	13,32%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1,30	19,84	69,40	67,82	-2,27%
Lợi nhuận trước thuế	1,42	19,69	69,18	67,67	-2,17%
Lợi nhuận sau thuế	1,42	18,60	65,44	60,46	-7,61%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	1,42	18,60	45,38	48,79	7,51%

**10 SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2016**

**1.** Ngày 26/03/2016 Ông Đỗ Hữu Lâm - Chủ tịch UBND Tỉnh Long An cùng đại diện các sở, ban ngành Tỉnh Long An thăm và làm việc với Công ty Cổ phần Nafoods Group, tìm hiểu về chuỗi giá trị Nông nghiệp mà Công ty đang áp dụng.



**2.** Năm 2016, Nafoods Group đã góp vốn thành lập hai công ty liên kết là Công ty Cổ phần Nafoods Pleiku và Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc với tỷ lệ sở hữu 35%.



**3.** Ngày 7 – 8/4/2016, Dự án hợp tác kỹ thuật về quy hoạch phát triển ngành Nông Nghiệp tại Việt Nam thuộc JICA – Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản đã có chuyến thăm và làm việc tại vùng nguyên liệu Chanh leo và Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu của Công ty Cổ phần Nafoods Group.



**4.** Sáng ngày 12/04/2016, Lễ động thổ dự án: Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu Long An do Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam (thuộc Nafoods Group) làm chủ đầu tư chính thức được khởi công xây dựng. Nhà máy được đặt tại Ấp Hóc thơm 1, xã Hòa Khánh Tây, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Đây là Nhà máy thứ hai thuộc hệ thống Nafoods Group, hứa hẹn sẽ mang đến những cơ hội lớn cho kế hoạch sản xuất kinh doanh của

Công ty trong thời gian tới.

**5.** Kể từ khi chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE), ngày 23/04/2016 Nafoods Group lần đầu tiên tổ chức thành công phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.



**6.** Triển khai và đưa Dự án mở rộng quy mô Viện giống Chanh leo sạch bệnh từ công suất 500 ngàn cây/năm lên 3,5 triệu cây/năm cây tại xã Tri Lễ, huyện Quế Phong, Nghệ An trên diện tích 5 ha chính thức đi vào hoạt động.



**7.** Tháng 5/2016 Nafoods Group ký hợp đồng “hợp tác đào tạo sinh viên” với Khoa Nông học – Trường Đại học Nông lâm Huế.



**8.** Nafoods Group là 1 trong top 10 doanh nghiệp vinh dự tham gia vào câu lạc bộ “Nông nghiệp công nghệ cao của Việt Nam.



**9.** Ngày 12/12/2016 tại Trường Đại học Quốc gia Chung Hsing - Đài Loan đã diễn ra lễ ký kết Thỏa thuận chuyển giao công nghệ phân tích và kiểm soát virus trên cây chanh leo, giữa Nafoods Group và Trường Đại học Quốc gia Chung Hsing.

**10.** Trong năm Nafoods Group đã tham gia rất nhiều hội chợ trên thế giới và các hội chợ chính trong năm 2016 như sau:

- Hội chợ Thực phẩm đông lạnh AFFI tại Mỹ;
- Hội chợ Thực phẩm Foodex Japan tại Nhật;
- Hội chợ Fine Food Expo Shanghai tại Thượng Hải Trung Quốc;
  - Hội chợ Thực phẩm đông lạnh B2B tại Thái Lan;
  - Hội chợ Quốc tế công nghiệp Thực phẩm Sial Paris tại Pháp (Nafoods Group tự hào là một trong 30 doanh nghiệp tại Việt Nam tham gia Hội chợ, góp phần xây dựng và quảng bá ngành Thực phẩm Việt Nam trên thị trường Quốc tế. Tham gia chương trình Nafoods Group mang đến những sản phẩm rau củ quả đông lạnh, nước ép trái cây, .... là niềm tự hào của Nông Nghiệp Việt Nam)
- Hội chợ Food Week (Asian – Korea – Trade Fair)



**CÁC THÀNH TÍCH NỔI BẬT NĂM 2016**

★ 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững ở Việt Nam năm 2016



Nổi bật là doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển theo mô hình khép kín chuỗi giá trị nông nghiệp xanh cạnh tranh toàn cầu từ việc tự chủ về giống, vùng trồng, sản xuất đến tiêu thụ. Ngày 08/11/2016 lần đầu tiên đã diễn ra Lễ công bố Bảng xếp hạng 100 doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam năm 2016. Và Nafoods Group vinh dự là một trong 100 doanh nghiệp phát triển bền vững của Việt Nam.

★ Tổ chức Công đoàn của Nafoods Group được Tổng liên đoàn lao động Việt nam tặng Bằng khen với thành tích là Công đoàn cơ sở đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh 2016



★ Đạt “Cúp vàng doanh nhân xứ Nghệ” lần thứ V do UBND Tỉnh Nghệ An tổ chức.



★ Tham gia chương trình chào mừng 65 năm ngày truyền thống ngành công thương Việt Nam và đạt giải khuyến khích hội thi tiết kiệm năng lượng do công đoàn ngành Công Thương - Sở Công Thương Nghệ An tổ chức vào ngày 12 tháng 05 năm 2016



## B. TỔNG QUAN CÔNG TY

### TẦM NHÌN



NAFOODS trở thành một tập đoàn kinh tế hàng đầu Việt Nam và khu vực Châu Á trong lĩnh vực sản xuất chuỗi giá trị nông nghiệp cạnh tranh toàn cầu bằng chiến lược phát triển chuyên nghiệp, bền vững, khép kín từ giống, trồng, chăm sóc, chế biến, xuất khẩu và phân phối – bán lẻ đến tận tay người tiêu dùng, trong đó hướng vào thị trường xuất khẩu chính là Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc và Trung Đông tập trung vào các sản phẩm truyền thống từ nước ép hoa quả, sản phẩm IQF và dược liệu nhằm mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho cổ đông, người lao động và xã hội.

### SỨ MỆNH



Cung cấp những sản phẩm tự nhiên mang thương hiệu NAFOODS với chất lượng và giá cả cạnh tranh, nhằm thỏa mãn nhu cầu của các thị trường xuất khẩu và người tiêu dùng trong nước, góp phần thay đổi diện mạo ngành sản xuất nông nghiệp chế biến rau củ quả của Việt Nam nhằm phát triển cộng đồng và làm thay đổi tích cực cuộc sống của bà con nông dân Việt.

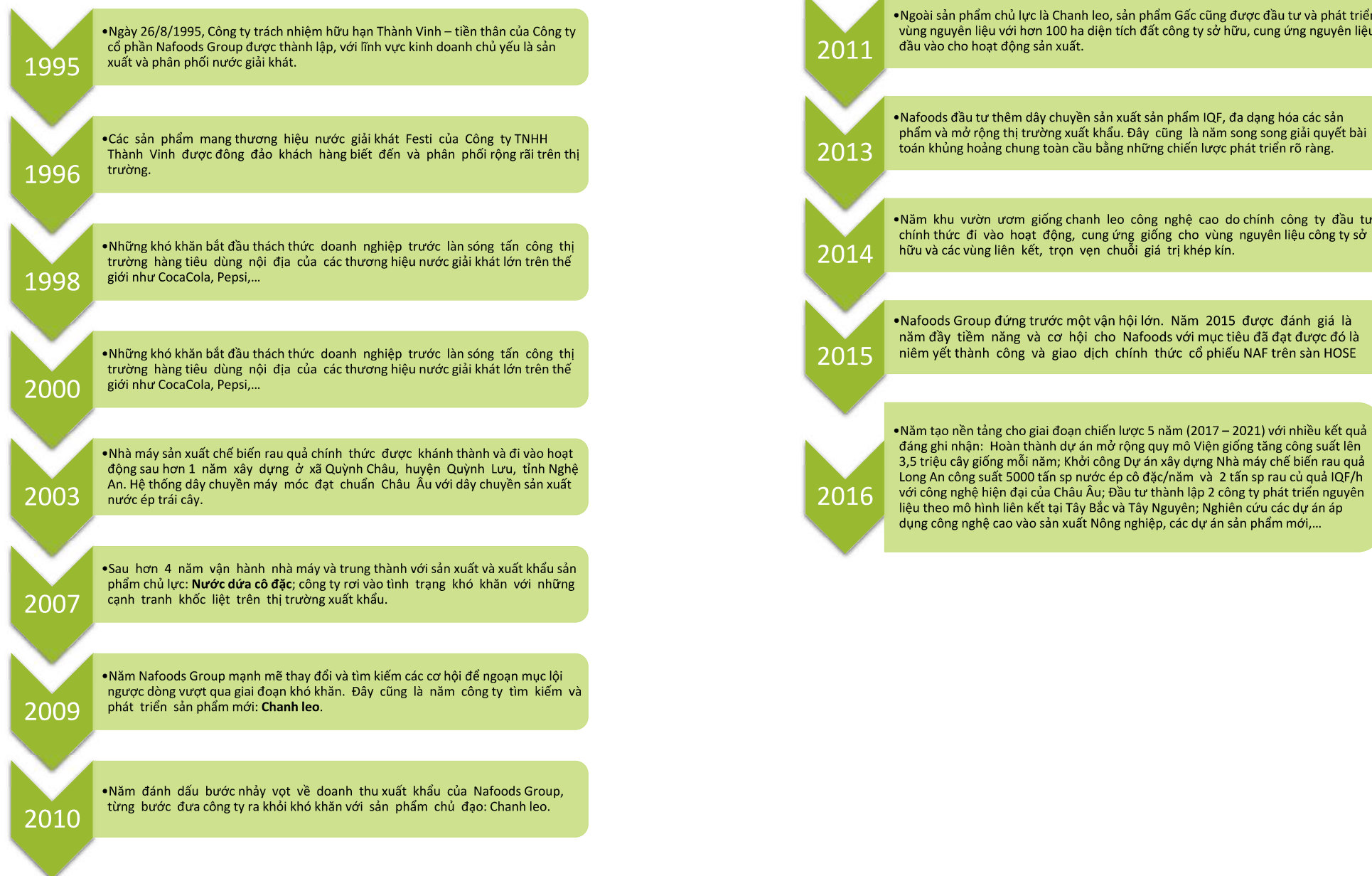
### GIÁ TRỊ CỐT



### THÔNG TIN TỔNG QUAN

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Nafoods Group
Tên tiếng Anh	NAFOODS GROUP JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	2900326375
Ngày thành lập	26/08/1995
Vốn điều lệ	300.000.000.000 VND
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	30.000.000 cổ phiếu
Địa chỉ	Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Số điện thoại	02383 853.322
Số fax	02383 853.902
Website	<a href="http://www.nafoodsgroup.com.vn">http://www.nafoodsgroup.com.vn</a>
Mã cổ phiếu	NAF

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Ngành nghề kinh doanh chính:

Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả, sản phẩm rau củ quả đông lạnh và kinh doanh giống cây trồng.

### Các sản phẩm chính

- Nước ép cô đặc từ các loại trái cây
- Nước ép Puree từ các loại trái cây, củ
- Trái cây và rau củ quả đông lạnh (IQF)
- Giống cây chanh leo

#### Một số sản phẩm tiêu biểu

- **Nước ép chanh leo**



Sản phẩm chanh leo, cụ thể là nước ép chanh leo ngày càng được ưa chuộng không những tại các nước tiêu thụ truyền thống như Châu Âu, Mỹ mà còn phát triển mạnh ở các nước Châu Á và Trung Đông

Nafoods Group từ lâu đã xác định nước ép Chanh leo là dòng sản phẩm chủ đạo số 1 của mình bao gồm các loại:

- Nước ép Chanh leo cô đặc – đây là sản phẩm có tỷ trọng Doanh thu cao nhất hiện nay;
- Nước ép Chanh leo (puree) – Nafoods Group sẽ đẩy mạnh sản lượng và doanh thu khi Nhà máy Chế biến rau quả Long An đi vào hoạt động;
- Bên cạnh đó, sản phẩm dịch chanh leo có hạt – đang có xu hướng tăng mạnh tại các nước Trung Đông và Châu Á, đặc biệt là Trung Quốc

Quả Gấc Việt Nam được xếp vào loại siêu trái cây với các đặc tính đặc biệt như chứa hàm lượng beta-caroten cao gấp đôi cà rốt và hàm lượng Lycopene cao gấp 70 lần cà chua.

Nafoods Group đã sớm nắm bắt những lợi thế đặc biệt này của quả Gấc Việt Nam và đã đầu tư phát triển Gấc trở thành sản phẩm chiến lược của công ty. Hiện tại Nafoods Group đang là đơn vị xuất khẩu sản phẩm nước ép Gấc (puree) lớn nhất vào thị trường Mỹ.



- **Nước ép quả Puree Gấc**

- **Rau củ quả đông lạnh IQF**

Bao gồm các loại rau, củ, quả chế biến cấp đông nhanh như: Chuối IQF, Dứa IQF, Chanh leo IQF, Cà rốt IQF, gừng IQF, Ớt, Dưa đông lạnh,...

Vì tính chất đặc thù của sản phẩm, Nafoods Group đã xác định chiến lược đẩy mạnh sản lượng và doanh thu dòng sản phẩm này khi Nhà máy chế biến rau quả Miền Nam đi vào hoạt động, cụ thể là các sản phẩm Xoài IQF, Dứa IQF, Dứa IQF



Dứa IQF



Chanh leo IQF



Xoài IQF

- **Giống cây chanh leo, gấc**



Sản phẩm cây giống Chanh leo Đài nông 1 được Nafoods Group sản xuất và giới thiệu ra thị trường từ năm 2015, sự ra đời của sản phẩm này tạo nên vòng tròn khép kín của một chuỗi giá trị nông nghiệp dọc ở Nafoods Group. Hơn thế, sản phẩm này không những mang lại cho Nafoods Group một cơ cấu doanh thu đáng kể mà quan trọng hơn sẽ làm cầu nối là phương tiện để Nafoods Group kiểm soát và quản trị tốt vùng nguyên liệu đảm bảo nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất ổn định. Bởi vậy Nafoods Group xác định Cây giống chanh leo sẽ là sản phẩm quan trọng góp phần tạo nên sự khác biệt và phát triển bền vững của Nafoods Group.

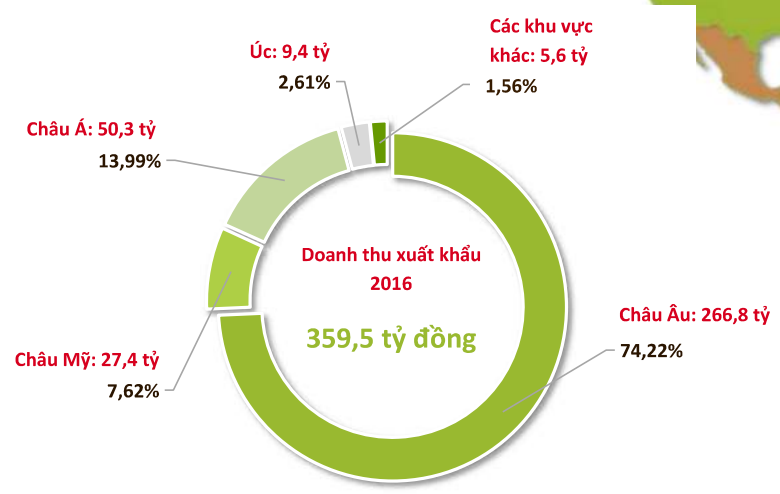
Sản phẩm Cây giống chanh leo Đài nông 1 của Nafoods Group là sản phẩm của Viện giống Nafoods, được sản xuất trong Hệ thống nhà kính hiện đại với một quy trình khép kín, nghiêm ngặt kiểm soát tốt virus, với quy mô 5 ha, công suất 3,5 triệu cây/năm.

## Thị trường xuất khẩu

Nafoods Group đã chinh phục được những thị trường khó tính nhất thế giới, cụ thể: Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Đông và Úc. Hiện nay, các sản phẩm của Nafoods đang xuất khẩu sang hơn 60 quốc gia trên thế giới, bao gồm:

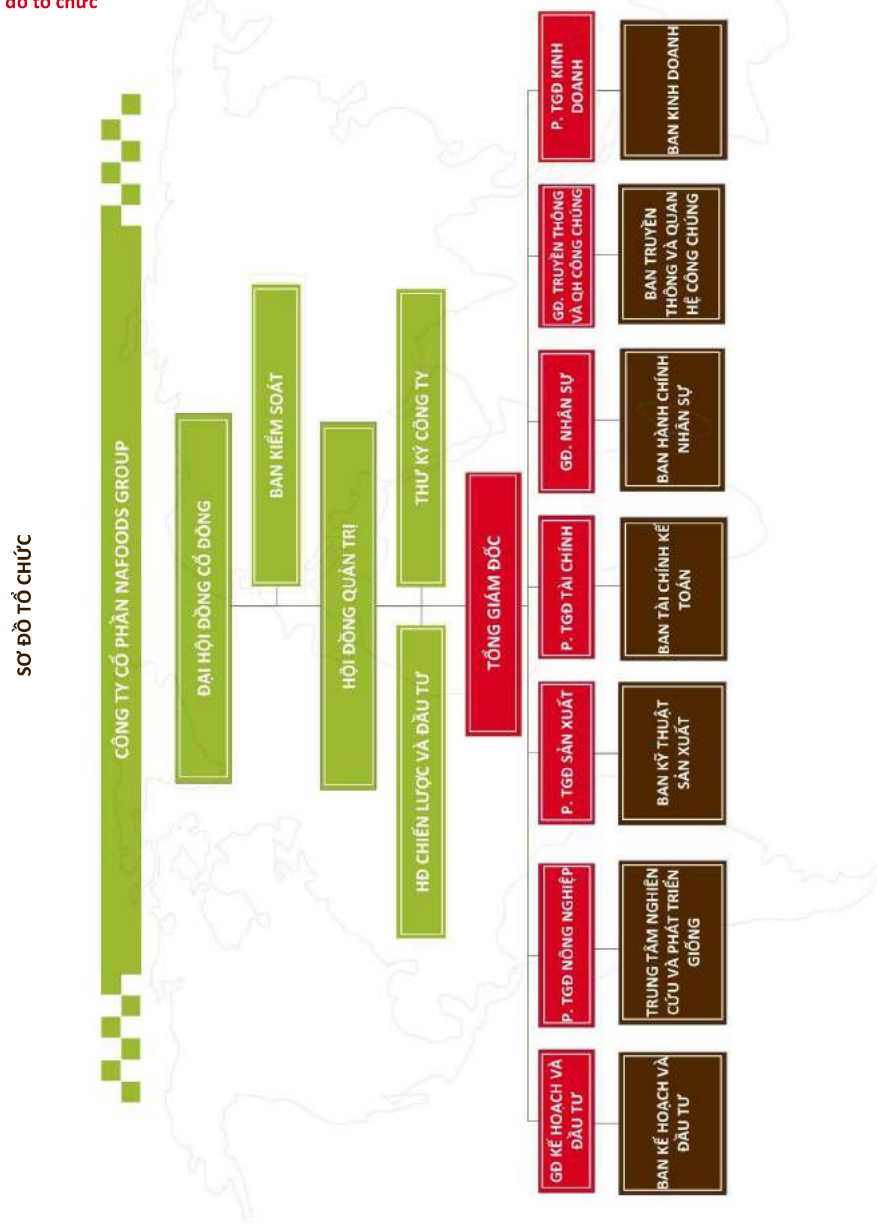
- **Châu Âu:** Hà Lan, Thụy Sĩ, Đức, Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Thụy Điển, Bỉ, Đan Mạch, Ý, Belarus, Nga, Lithuania, Latvia, Slovakia, Serbia, Croatia, Áo.
- **Châu Mỹ:** Hoa Kỳ, Canada, Puerto Rico, Jamaica, Brazil, Mexico, Nicaragua, Bolivia, Dominica.
- **Châu Úc:** Úc, New Zealand.
- **Châu Á:** Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Sri Lanka, Đài Loan, Singapore, Kazakhstan, Pakistan, Philippines.
- **Châu Phi:** Nam Phi, Angeria, Senegal, Kenya, Nigeria, Cameroon, Ghana, Uganda.
- **Trung Đông:** Ai Cập, Iran, Iraq, Israel, Jordan, Kuwait, Liban, Palestine, Oman, Qatar, Ả Rập Saudi, Sudan, Syria, Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất, Yemen, Bahrain.

Một số thị trường xuất khẩu chính



## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Sơ đồ tổ chức



### Công ty con

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods	Trồng trọt và sản xuất giống cây trồng	60 tỷ đồng	65%
2	Công ty Cổ phần đầu tư LMC	Kinh doanh thương mại đồ uống, thực phẩm	10 tỷ đồng	65%
3	Công ty Cổ phần Gác Tân Thắng	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	40 tỷ đồng	65%
4	Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam	Sản xuất chế biến các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh	120 tỷ đồng	95%
5	Công ty TNHH một thành viên Quốc tế Nafoods	Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và rau củ quả đông lạnh; kinh doanh giống cây trồng	60 tỷ đồng	100%

### Công ty liên kết

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Dược liệu Quế Phong	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	40 tỷ đồng	30%
2	Công ty Cổ phần Nông nghiệp La Giang	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	40 tỷ đồng	30%
3	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Tân Thắng	Chăn nuôi bò và các gia súc khác	20 tỷ đồng	30%
4	Công ty Cổ phần Giống Nafoods	Sản xuất giống cây trồng; Hoạt động dịch vụ trồng trọt.	60 tỷ đồng	40%
5	Công ty Cổ phần Nafoods Pleiku	Trồng chanh leo và kinh doanh thương mại Chanh leo quả	7 tỷ đồng	35%
6	Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc	Trồng chanh leo và kinh doanh thương mại Chanh leo quả	4 tỷ đồng	35%
7	Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	Sản xuất nước ép hoa quả, rau củ quả IQF.	62 tỷ đồng	5%

## GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

### Giới thiệu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	<b>Ông Nguyễn Mạnh Hùng</b>	Chủ tịch
2	<b>Bà Phan Thị Minh Châu</b>	Phó chủ tịch
3	<b>Ông Nguyễn Tiến Chinh</b>	Thành viên
4	<b>Ông Lê Văn Minh</b>	Thành viên
5	<b>Ông Nguyễn Văn Bộ</b>	Thành viên



#### **Ông Nguyễn Mạnh Hùng**

##### **Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc**

Làm CEO khi tuổi đời còn rất trẻ, Ông là người đứng đầu, sáng lập và dẫn dắt Nafoods Group từ ngày đầu thành lập cho đến nay. Ông luôn là gương mặt tiêu biểu đảm nhiệm vai trò chủ chốt trong các hoạt động của Hội doanh nghiệp trẻ Nghệ An với vị trí chủ tịch trong 12 năm liền và là Ủy viên BCH Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam trong nhiều khóa. Trong suốt thời gian 22 năm chèo lái con thuyền “Nafoods Group”, Ông đã vinh dự dành được nhiều giải thưởng, dự án và đề tài nghiên cứu. Liên tục nhiều năm Ông được nhận bằng khen của UBND tỉnh Nghệ An, Bộ công Thương, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, đặc biệt năm 2015 Ông được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Với niềm đam mê, khát vọng và hoài bão góp phần làm thay đổi diện mạo nền Nông nghiệp Việt Nam, trong vai trò “thuyền

trưởng” của Nafoods Group, Ông đã định hướng, lãnh đạo và xác định kim chỉ nam hành động cho toàn hệ thống hoạt động theo chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín, đưa thương hiệu Nafoods khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế.

##### **Quá trình công tác:**

- Từ 1996 đến 1997: Giám đốc Nhà máy nước giải khát Festi
- Từ 1998 đến 2008: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thành Vinh
- Từ 2000 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An
- Từ 2009 đến 2014: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần ChoaViet (tiền thân của Công ty Cổ phần Nafoods Group)
- Từ 2013 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods
- Từ 2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nafoods Group
- Từ 2015 đến nay: Chủ tịch công ty TNHH MTV Quốc Tế Nafoods, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Nafoods Miền Nam.
- Từ 2016 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nafoods Pleiku và Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc.



#### **Bà Phan Thị Minh Châu**

##### **Phó chủ tịch HĐQT / Phó TGD tài chính**

Là một trong những người thuộc thế hệ Lãnh đạo đầu tiên của Nafoods Group, đồng thời là cổ đông sáng lập của công ty. Với 21 năm đồng hành cùng Nafoods Group, đã có gần 20 năm kinh nghiệm trong nhiều vai trò quản lý, Bà Phan Thị Minh Châu đã tham gia nhiều dự án và đạt được nhiều giải thưởng trong quá trình hoạt động, đặc biệt nắm giữ vai trò chủ chốt trong hệ thống với vị trí Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính kiêm Giám đốc điều hành trong nhiều năm. Bà là người đã có sự đóng góp rất lớn cùng Ban Lãnh đạo của Nafoods Group quyết tâm đưa phương pháp BSC và công cụ KPI vào áp dụng để điều hành và quản trị mục tiêu của doanh nghiệp từ năm 2014.

##### **Quá trình công tác:**

- Từ 1996 đến 1997: Kế toán viên Nhà máy nước giải khát Festi
- Từ 1998 đến 2008: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thành Vinh
- Từ 2000 đến 2007: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An
- Từ 2008 đến 2014: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An
- Từ 2009 đến 2015: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần ChoaViet (nay là Công ty Cổ phần Nafoods Group)
- Từ 2014 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Công ty Cổ phần Nafoods Group
- Từ 2016 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc và Công ty Cổ Phần Nafoods Pleiku

#### **Ông Nguyễn Tiến Chinh**

##### **Thành viên HĐQT/ Phó TGD Sản xuất**

Ông là một trong những người thuộc thế hệ Lãnh đạo đầu tiên của Nafoods Group từ ngày đầu thành lập cho đến nay. Với sự thông thạo và am hiểu sâu về hoạt động sản xuất chế biến nông sản, Ông là người dẫn dắt khâu “sản xuất chế biến” – một “mắt xích” rất quan trọng trong chuỗi giá trị của Nafoods Group. Với chiều dài 21 năm gắn bó, Ông trải qua nhiều vai trò quản lý và hiện nay đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách Sản xuất chế biến của Nafoods Group. Ông là người đã có sự đóng góp rất lớn cùng Ban Lãnh đạo quyết tâm để mắt xích sản xuất chế biến của Nafoods Group đạt các chứng chỉ khắt khe nhất, như: A1JN, Halal, Kosher, BRC, SGF, ISO 22000:2005, .... nhờ đó sản phẩm của Nafoods Group đã đáp ứng được các đòi hỏi của thị trường khó tính nhất trên thế giới. Hiện nay, Ông còn giữ



chức vụ Bí thư Chi bộ Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu

##### **Quá trình công tác:**

- Từ 1985 đến 1996: Quản đốc phân xưởng Nhà máy phân đạm Hà Bắc
- Từ 1996 đến 1997: Phó Giám đốc Nhà máy nước giải khát Festi
- Từ 1998 đến 2008: Phó Giám đốc Công ty TNHH Thành Vinh
- Từ 2000 đến 2002: Trưởng Ban quản lý Dự án Nhà máy chế biến nước ép rau quả cô đặc 10 tấn NL/h thuộc Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An
- Từ 2003 đến nay: Giám đốc sản xuất Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An
- Từ 2014 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất chế biến Công ty Cổ phần Nafoods Group
- Từ 2015 đến nay: Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An



### **Ông Lê Văn Minh**

#### **Thành viên HĐQT**

Trách nhiệm và đam mê với nền Nông nghiệp Việt Nam, chính vì vậy suốt cả sự nghiệp của mình Ông đã gắn bó và trải qua nhiều chức vụ khác nhau ở các Bộ Ngành. Ông luôn đổi theo và trân trọng mô hình Chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín của Nafoods Group, khi về nghỉ hưu Ông đã được tin nhiệm đề cử là thành viên HĐQT độc lập của Nafoods Group – một doanh nghiệp SXKD trong lĩnh vực Nông nghiệp đặt chân ngay chính trên quê hương Nghệ An của Ông.

Với sự am hiểu sâu rộng về ngành, Ông luôn luôn thể hiện vai trò độc lập để phản biện cũng như có những ý kiến đóng góp đầy tâm huyết, thẳng thắn và trách nhiệm vào chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của Nafoods Group.

Ông là người đã có công giới thiệu và kết nối Nafoods Group với các Viện Nghiên cứu khoa học Nông nghiệp và các Chuyên gia, các Nhà khoa học.

#### **Quá trình công tác:**

- Từ 1972 đến 1988: Nhân viên Vụ Khoa học – Kỹ thuật
- Từ 1989 đến 1994: Phó vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Thủy lợi
- Từ 1994 đến 10/1994: Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Thủy lợi
- Từ 10/1994 đến 10/1996: Tổng thư ký Ủy ban Sông Mê Kông Việt Nam
- Từ 1996 đến 2010: Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Nông nghiệp & phát triển nông thôn
- Từ 2010 đến 2012: Chủ tịch Mạng lưới nước Đông Nam Á
- Từ 2012 đến nay: Chủ tịch Mạng lưới nước Việt Nam
- Từ 2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nafoods Group



### **Ông Nguyễn Văn Bộ**

#### **Thành viên HĐQT**

Là người suốt sự nghiệp của mình tâm huyết và gắn bó với sự phát triển của Khoa học Nông nghiệp nước nhà. Ông biết đến Nafoods Group khi đang đương nhiệm chức Giám đốc Viện Khoa học Nông Nghiệp Việt Nam – Viện nghiên cứu khoa học Nông nghiệp lớn nhất Việt Nam.

Ông đánh giá cao và rất tâm đắc với bản lĩnh và sự mạnh dạn của Nafoods Group khi gắn sứ mệnh của mình với một Chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín nhiều cơ hội nhưng không ít những thách thức. Năm 2014, Ông là người đã giới thiệu Nafoods Group với các Giáo sư đầu ngành về khoa học Nông nghiệp của Đài Loan làm tiền đề cho sự hợp tác chặt chẽ giữa Nafoods Group và Đại học Quốc gia Chung Hsing - Đài Loan hiện nay.

Vừa mới nghỉ hưu, Ông đã được tin nhiệm đề cử là thành viên HĐQT độc lập của Nafoods Group.

#### **Quá trình công tác:**

- Từ năm 1995 đến năm 1999: Viện trưởng Viện Thổ nhưỡng Nông hóa
- Từ năm 1999 đến 2005: Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công Nghệ, Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn
- Từ 2005 đến 2014: Giám đốc Viện Khoa học Nông Nghiệp Việt Nam
- Từ 2014 đến nay: Chủ tịch Hội đồng nghiên cứu và đào tạo, Viện Khoa học Nông Nghiệp Việt Nam
- Từ ngày 23/04/2016 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nafoods Group



### **Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc**

STT	Thành viên Ban TGD	Chức vụ
1	<b>Ông Nguyễn Mạnh Hùng</b>	Tổng Giám đốc
2	<b>Bà Phan Thị Minh Châu</b>	Phó TGD Tài chính
3	<b>Ông Nguyễn Tiến Chinh</b>	Phó TGD Sản xuất
4	<b>Ông Nguyễn Trung Kiên</b>	Phó TGD Kinh doanh
5	<b>Ông Phạm Duy Thái</b>	Phó TGD Nông nghiệp

**Ông Nguyễn Mạnh Hùng**

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc (Đã giới thiệu ở trên)

**Bà Phan Thị Minh Châu**

Phó chủ tịch HĐQT/ Phó TGD Tài chính (Đã giới thiệu ở trên)

**Ông Nguyễn Tiến Chinh**

Thành viên HĐQT/ Phó TGD Sản xuất (Đã giới thiệu ở trên)

**Ông Nguyễn Trung Kiên**

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Là thành viên Ban Lãnh đạo trẻ tuổi nhất hiện nay của Nafoods Group – hiện tại với chức danh Phó Tổng giám đốc phụ trách Kinh doanh kiêm Giám đốc điều hành Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods, Ông tốt nghiệp Đại học Ngoại thương Hà Nội năm 2006, với hoài bão đưa sản phẩm nông nghiệp Việt Nam chinh phục các thị trường khó tính nhất thế giới, Ông gia nhập Nafoods Group từ năm 2011 - những ngày công ty đứng trước cả vận hội và thách thức.

Bằng sức trẻ, tâm huyết và niềm đam mê, Ông đã mang lại những dấu ấn trong hoạt động kinh doanh của công ty, là người đã có sự đóng góp rất lớn cùng Ban Lãnh đạo đưa sản phẩm của Nafoods Group đến với nhiều thị trường thế giới ngày một nhiều hơn, đặc biệt là các thị trường khó tính.

**Quá trình công tác:**

- Từ 2011 đến 2013: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An
- Từ 2014 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Nafoods Group
- Từ 2016 đến nay: Giám đốc điều hành Công ty TNHH MTV Quốc tế Nafoods

**Ông Phạm Duy Thái**

Phó Tổng Giám đốc Nông nghiệp

Gắn bó và đam mê với hoạt động sản xuất nông nghiệp, ngay sau khi tốt nghiệp trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội vào năm 2004, Ông đã gia nhập vào Nafoods Group. Với 11 năm gắn bó, trải qua nhiều vị trí khác nhau, Ông tâm đắc với những lợi thế cạnh tranh cũng như ý thức được những thách thức mà chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín Nafoods Group đã theo đuổi, năm 2010 Ông được giao phó tiếp cận và phụ trách Dự án nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu với chuỗi giá trị cây Chanh leo của Nafoods Group được tổ chức Danida – Đan Mạch tài trợ và nhiều dự án nông nghiệp khác. Năm 2013, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc điều hành của Công ty cổ phần chanh leo Nafoods và giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách Nông nghiệp từ năm 2014 đến nay.

**Quá trình công tác:**

- Từ 2006 đến 2008: Kế toán Tổng hợp Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An
- Từ 2008 đến 2012: Thư ký Tài chính TGD Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An
- Từ 2010 đến 2013: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần ChoaViet
- Từ 2013 đến nay: Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods
- Từ 2014 đến nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách Nông nghiệp Công ty Cổ phần Nafoods Group.

**Giới thiệu Ban kiểm soát**

STT	Thành viên BKS	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Phương Hồng	Trưởng BKS
2	Ông Hồ Minh Tuấn	Thành viên BKS
3	Ông Hồ Quốc Công	Thành viên BKS

**Bà Nguyễn Thị Phương Hồng**

Trưởng Ban kiểm soát

**Quá trình công tác:**

- Từ năm 2003 đến năm 2004: Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An
- Từ năm 2005 đến 10/2015: Trưởng phòng Tài Chính – Kế toán Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu – Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An
- Từ 11/2015 – nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An
- Từ 23/04/2016 – nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nafoods Group.

**Ông Hồ Minh Tuấn**

Thành viên Ban kiểm soát

**Quá trình công tác:**

- Từ 2002 đến 2014: Trưởng ca sản xuất Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An
- Từ 2014 đến nay: Trưởng phòng Kế hoạch vật tư Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An
- Từ 2015 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nafoods Group

**Ông Hồ Quốc Công**

Thành viên Ban kiểm soát

**Quá trình công tác:**

- Từ 2006 đến 2008: Kế toán Tổng Công ty hợp tác kinh tế Quận khu 4
- Từ 2008 đến 2011: Kế toán TH Công ty Cổ phần công nghiệp cao su COECCO
- Từ 2011 đến 2014: PP.TCKT Công ty Cổ phần công nghiệp cao su COECCO
- Từ 2014 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods
- Từ 23/04/2016 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nafoods Group

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Vị thế của Nafoods Group

Sau hơn 20 năm hình thành và phát triển, Nafoods Group đã khẳng định được vị thế trong lĩnh vực chế biến các sản phẩm nước ép trái cây và rau củ đông lạnh xuất khẩu. Với hai loại trái cây chủ đạo là Chanh leo và Gấc, Nafoods Group đã chinh phục được các thị trường khắt khe nhất thế giới.

#### Nhà cung cấp chanh leo cô đặc lớn nhất Châu Á

Ở Việt Nam, Nafoods Group là đơn vị tiên phong và dẫn đầu trong việc sản xuất nước chanh leo cô đặc. Hiện nay, sản lượng quả chanh leo Công ty thu mua để sản xuất sản phẩm nước ép chanh leo chiếm khoảng 80% sản lượng chanh leo của Việt Nam với vùng nguyên liệu rộng lớn trải dài khắp các vùng miền.

Trên trường quốc tế, sản phẩm của Nafoods Group đã chinh phục được những thị trường khó tính nhất như Nhật Bản, Châu Âu, Mỹ, ... Hiện tại, Nafoods Group cung cấp khoảng 8% sản lượng chanh leo cô đặc trên thế giới và là nhà cung cấp chanh leo cô đặc lớn nhất Châu Á.



#### Doanh nghiệp tiên phong nghiên cứu và phát triển sản phẩm Gấc Puree xuất khẩu lớn nhất sang Mỹ

Đối với cây Gấc là loại cây có nguồn gốc xuất phát từ Việt Nam và phù hợp với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng của Việt Nam, đặc biệt là Miền Bắc và Miền Trung. Hiện tại, Việt Nam là vùng trồng gấc lớn nhất thế giới, Nafoods là nhà xuất khẩu gấc Puree vào thị trường Mỹ lớn nhất thế giới.



## Triển vọng năm 2017

### Triển vọng kinh tế thế giới

Kinh tế thế giới vừa trải qua năm 2016 với nhiều khó khăn và thách thức. Bước sang năm 2017, kinh tế thế giới được dự báo với những tín hiệu lạc quan hơn với sự ổn định và tăng trưởng tương đối tốt của các nền kinh tế đầu tàu như Mỹ, Trung Quốc,.... Ngân hàng Thế giới dự báo năm 2017, GDP toàn cầu dự kiến tăng trưởng 2,7% cao hơn so với mức 2,3% năm 2016. Tuy nhiên, sự tăng trưởng này vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro:

- Việc FED dự kiến tăng lãi suất trong năm 2017 sẽ tiếp tục gây áp lực lên tỷ giá USD và dòng vốn đầu tư nước ngoài
- Nhiều khả năng, Tổng thống Mỹ - Donald Trump sẽ chính thức ký sắc lệnh để Mỹ rút khỏi hiệp định TPP. Việc này cùng với làn sóng bảo hộ mậu dịch ngày càng gia tăng sẽ gây cản trở cho sự phát triển của hoạt động thương mại toàn cầu
- Các biến động chính trị, các cuộc xung đột vũ trang trên thế giới diễn biến khó lường, tác động xấu đến tình hình tài chính cũng như giá nhiên liệu trên thế giới.

### Triển vọng kinh tế Việt Nam

Nhìn chung, năm 2017 dự báo sẽ là một năm mà kinh tế vĩ mô Việt Nam cơ bản ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng trở lại.

Quốc Hội đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2017 của Việt Nam là 6,7% (cao hơn so với mức 6,21% năm 2016); chỉ số CPI dự kiến tăng không quá 4%; nhập siêu không quá 3,5% và tăng trưởng tín dụng đạt 18%. Đây là những chỉ tiêu tương đối thách thức trong bối cảnh tốc độ tăng trưởng của Việt Nam năm 2016 đã có dấu hiệu chậm lại và nền kinh tế vẫn còn những khó khăn mang tính nội tại.

Bên cạnh đó, năm 2017 cũng hứa hẹn tiếp tục là một năm hội nhập sâu rộng của kinh tế Việt Nam với nhiều hiệp định thương mại tự do có hiệu lực. Điều này đòi hỏi Chính phủ và cả nền kinh tế phải nỗ lực hơn nữa để kịp thời nắm bắt những cơ hội và hạn chế những thách thức.

### Triển vọng ngành nông nghiệp Việt Nam

Năm 2017, ngành nông nghiệp phấn đấu tăng trưởng GDP đạt từ 2,5-2,8%, kim ngạch xuất khẩu khoảng 32-32,5 tỷ USD. Năm 2017, các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết tiếp tục sẽ là động lực tăng trưởng cũng như tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư cho ngành nông nghiệp Việt Nam. Việc Tổng thống Mỹ Donald Trump tuyên bố rút lui khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) được đánh giá là sẽ gây khó khăn cho tăng trưởng xuất khẩu vào thị trường này, tuy nhiên các tác động đến ngành nông nghiệp Việt Nam không phải là quá nặng nề.

### Triển vọng của ngành chế biến rau quả

Ngành chế biến thực phẩm rau củ quả của Việt Nam đã từng bước đáp ứng nhiều sản phẩm thiết yếu cho nền kinh tế quốc dân, phục vụ nhu cầu trong nước, thay thế nhập khẩu và tham gia xuất khẩu với sự đa dạng về mẫu mã, chủng loại. Nhiều sản phẩm đã có sức cạnh tranh cả trên thị trường trong nước và quốc tế.

Riêng đối với ngành sản xuất rau củ quả, nước ép trái cây hiện nay còn rất nhiều tiềm năng phát triển khi có những chính sách khuyến khích và hỗ trợ của Nhà nước. Bên cạnh đó, đối với thị trường trong nước, nền kinh tế phát triển nhanh cùng với nhu cầu thực phẩm từ thiên nhiên của người dân ngày càng tăng cao sẽ tạo đà tăng trưởng mạnh mẽ. Đối với thị trường nước ngoài, ngành sản xuất thực phẩm từ rau củ quả của Việt Nam có hai ưu thế lớn là:

- Khí hậu và thổ nhưỡng nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm giúp cho Việt Nam có nguồn nông sản đa dạng phong phú, trong đó có nhiều sản phẩm có hương vị đặc trưng và giàu dinh dưỡng
- Việc Việt Nam đẩy mạnh quá trình toàn cầu hóa với các hiệp định thương mại tự do tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa nước ta nói chung và các sản phẩm rau củ quả chế biến nói riêng xuất khẩu ra thị trường thế giới

## Phân tích SWOT

### Điểm mạnh

- Nafoods Group phát triển trên mô hình chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín giúp công ty chủ động được tất cả các khâu trong quá trình sản xuất kinh doanh từ bước tạo cây giống cho đến khâu tiêu thụ sản phẩm.
- Nafoods Group tập trung các nguồn lực để phát triển các sản phẩm mà Việt Nam và công ty có lợi thế cạnh tranh cao.
- Nafoods Group có vùng nguyên liệu rộng, trải dài ở nhiều vùng miền, trong đó có nhiều khu vực được ưu đãi về thuế.
- Sản phẩm của Nafoods Group được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, thỏa mãn nhiều chứng chỉ khắt khe đối với thực phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt.
- Lãnh đạo và cán bộ nhân viên của Nafoods Group là những người có trình độ, kinh nghiệm cũng như có niềm đam mê trong lĩnh vực nông nghiệp để mang đến những giá trị tốt đẹp cho cộng đồng.
- Các sản phẩm của Nafoods Group đã khẳng định được chỗ đứng của mình trên trường quốc tế sau 15 năm xuất khẩu tới 60 quốc gia trên thế giới.

### Cơ hội

- Khí hậu và thổ nhưỡng nước ta đem đến nguồn nông sản đa dạng phong phú cũng như có giá trị dinh dưỡng cao. Là một doanh nghiệp đã khẳng định được tên tuổi trên trường quốc tế, Nafoods Group có nhiều thuận lợi trong việc quảng bá những sản phẩm của mình cho bạn bè quốc tế.
- Chính Phủ đặc biệt quan tâm, chú trọng phát triển nông nghiệp và xuất khẩu, ban hành nhiều chính sách hỗ trợ như miễn giảm thuế, hỗ trợ nghiên cứu giống cây trồng mới, đem lại hiệu quả kinh tế cao.
- Nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp có chi phí thấp, giá thành nguyên vật liệu rẻ so với giá bình quân trên thế giới.

### Điểm yếu

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trải dài trên nhiều địa bàn, bên cạnh đó hoạt động theo chuỗi giá trị dọc nên mô hình quản trị của Nafoods Group khá đa dạng và phức tạp.

### Thách thức

- Sản phẩm của Nafoods Group là sản phẩm nông nghiệp do vậy phụ thuộc nhiều và có thể gánh chịu rủi ro bởi yếu tố thời tiết, dịch bệnh.
- Nguồn lao động trong lĩnh vực nông nghiệp ngày càng thu hẹp do xu hướng toàn cầu hóa. Bên cạnh đó, địa bàn hoạt động của Nafoods Group thường ở những vùng kinh tế còn khó khăn, vì vậy việc thu hút nhân tài sẽ là một thách thức đối với Công ty.
- Ngành nông nghiệp nước ta nói chung còn tương đối manh mún, bà con nông dân canh tác chủ yếu theo kinh nghiệm và tự phát, vì vậy việc áp dụng khoa học kỹ thuật để tăng năng suất, giảm giá thành còn nhiều khó khăn.

## Định hướng phát triển

### Mục tiêu

*"Nafoods Group trở thành tập đoàn kinh tế hàng đầu Việt Nam và khu vực Châu Á trong lĩnh vực sản xuất chuỗi giá trị nông nghiệp xanh; cạnh tranh toàn cầu bằng chiến lược phát triển chuyên nghiệp, bền vững, khép kín từ giống, trồng, chăm sóc, chế biến, xuất khẩu và phân phối – bán lẻ đến tận tay người tiêu dùng."*

### Mục tiêu thị trường và phát triển sản phẩm

- Bên cạnh thị trường xuất khẩu Châu Âu, Mỹ, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Công ty tập trung đẩy mạnh thị trường Trung Quốc, Trung Đông, khối ASEAN và hướng tới thị trường nội địa.
- Tập trung vào sản phẩm chủ lực gồm: nước ép trái cây; rau củ quả tươi, đông lạnh; nước uống bổ dưỡng và thực phẩm chức năng; cây giống sạch bệnh.
- Phát triển thị trường quả tươi và nước trái cây nguyên chất thương hiệu Nafoods trong nước và Quốc Tế.

### Mục tiêu kinh doanh:



**Tốc độ tăng trưởng bình quân 17% - 20%/năm**



**Mục tiêu doanh thu xuất khẩu đến năm 2020 đạt 1500 tỷ VND**



**Cổ tức 10 -12%/năm**

### Mục tiêu phát triển sản phẩm:

*Năm 2017, Nafoods Group tập trung đầu tư nguồn lực cho Viện nghiên cứu phát triển và Ban phát triển Kinh doanh để khai thác triệt để các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế cạnh tranh và sự khác biệt như Chanh leo và Gấc.*



### Chanh leo:

- Nghiên cứu và sớm cho ra đời 2 loại giống Chanh leo kháng bệnh, năng suất cao, phù hợp với điều kiện thời tiết, thổ nhưỡng Miền Trung và Miền Bắc Việt Nam;
- Áp dụng công nghệ cao vào thâm canh vùng nguyên liệu tự trồng;
- Phát triển vùng nguyên liệu chú trọng vào mô hình các công ty liên kết, liên doanh;
- Duy trì và phát triển mối liên kết giữa Nafoods Group với các doanh nghiệp đối tác (vừa là nhà cung cấp nguyên liệu vừa làm đại lý phân phối cây giống) và bà con nông dân;
- Phát triển và tung ra thị trường nội địa và quốc tế các sản phẩm có giá trị gia tăng cao mang thương hiệu Nafoods, như: Quả Chanh leo tươi, dịch chanh leo đóng túi, ...

### Gấc:

- Nhân giống thành công cây giống Gấc lai đen có năng suất, hàm lượng lycopene và beta-carotene cao;
- Áp dụng công nghệ cao vào thâm canh vùng trồng;
- Xúc tiến thương mại để đưa sản phẩm Gấc Puree vào các thị trường tiềm năng như Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc;
- Nghiên cứu và phát triển các dòng sản phẩm thực phẩm chức năng và nước uống bổ dưỡng từ Gấc.



## C.TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

## TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2016

Năm 2016 là năm đánh dấu sự chuyển đổi rõ nét trọng tâm trong chiến lược kinh doanh của Nafoods Group khi Công ty tập trung phát triển các sản phẩm cốt lõi có lợi thế cạnh tranh là Chanh leo và Gấc.

### Các chỉ tiêu kết quả hoạt động SXKD 2016

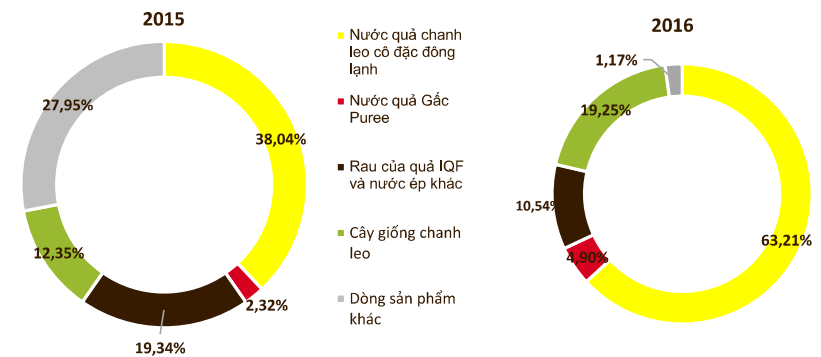
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/giảm
1	Doanh thu thuần	Triệu Đồng	530.726	<b>460.507</b>	-13,23%
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu Đồng	69.400	<b>67.824</b>	-2,27%
3	Lợi nhuận khác	Triệu Đồng	-221	<b>-150</b>	-32,16%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu Đồng	69.179	<b>67.674</b>	-2,17%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu Đồng	65.438	<b>60.460</b>	-7,61%

### Các chỉ tiêu 2016 so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2016	TH 2016	TH 2016/KH 2016
1	Doanh thu thuần	Triệu Đồng	640.000	460.507	<b>71,95%</b>
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu Đồng	70.000	60.460	<b>86,37%</b>

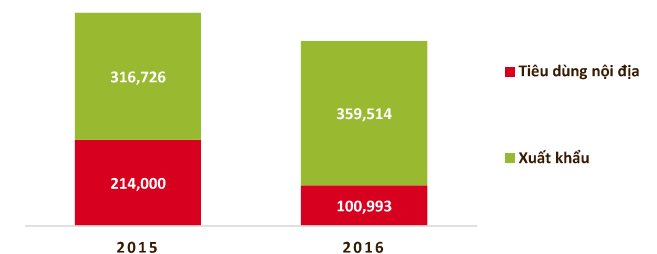
Kết thúc 2016, Doanh thu thuần đạt 460,51 tỷ đồng – giảm 13,23% và Lợi nhuận sau thuế đạt 60,46 tỷ đồng – giảm 7,61%. Mức doanh thu và lợi nhuận trên tuy chưa đạt kế hoạch đặt ra đầu năm tuy nhiên nó hoàn toàn phù hợp với chiến lược và định hướng phát triển lâu dài của Nafoods Group.

### Về cơ cấu doanh thu theo sản phẩm

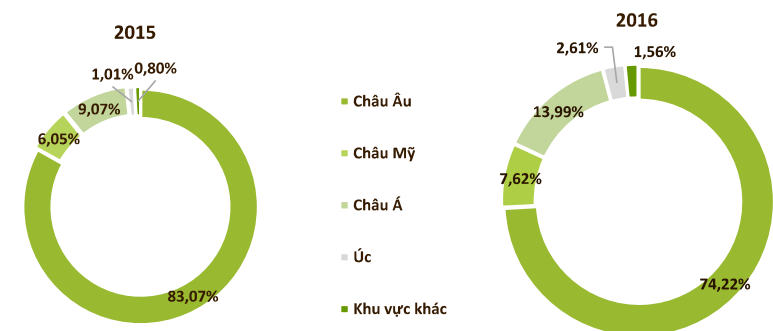


Doanh thu và tỷ trọng các sản phẩm từ chanh leo và gấc năm 2016 đều tăng mạnh so với năm 2015. Trong khi đối với các sản phẩm khác, Công ty chưa đẩy mạnh phát triển, để tập trung nguồn lực cho các sản phẩm cốt lõi.

### Về cơ cấu doanh thu thị trường



### Về cơ cấu doanh thu theo thị trường xuất khẩu



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Giới thiệu Ban lãnh đạo Công ty (*Vui lòng xem ở phần B – Tổng quan công ty*)

Những thay đổi trong Ban lãnh đạo Công ty năm 2016

- Miễn nhiệm Thành viên HĐQT là Ông Hoàng Tất Thắng và bầu bổ sung Ông Nguyễn Văn Bộ (Ngày bổ nhiệm: 23/04/2016 với chức vụ: Thành viên HĐQT theo Nghị quyết số 01/NAF-ĐHĐCĐ.2016)
- Miễn nhiệm Trưởng ban kiểm soát là Bà Đặng Thị Loan và bầu bổ sung Bà Nguyễn Thị Phương Hồng (Ngày bổ nhiệm: 23/04/2016 với chức vụ: Trưởng ban kiểm soát theo Nghị quyết số 01/NAF-ĐHĐCĐ.2016)
- Miễn nhiệm thành viên ban kiểm soát là Bà Trần Thị Đào và bầu bổ sung Ông Hồ Quốc Công (Ngày bổ nhiệm: 23/04/2016 với chức vụ: Thành viên HĐQT theo Nghị quyết số 01/NAF-ĐHĐCĐ.2016)

Lao động và chính sách lao động

Thống kê lao động năm 2016

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	108	25,71%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	62	14,76%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	20	4,76%
4	Lao động phổ thông	230	54,76%
<b>II</b>	<b>Theo đối tượng lao động</b>		
1	Lao động trực tiếp	289	68,81%
2	Lao động gián tiếp	131	31,19%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>		
1	Nam	230	54,76%
2	Nữ	190	45,24%
<b>Tổng cộng</b>		<b>420</b>	<b>100%</b>

**Chính sách đối với người lao động:**

- Chế độ làm việc:**

**Thời gian làm việc:** Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 7 ngày/tuần, nghỉ trưa 2h. Thực hiện nghỉ vào ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

**Điều kiện làm việc:** Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.

- Chính sách tuyển dụng, đào tạo:**

**Chính sách tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

**Chính sách đào tạo:** Lấy phương pháp thẻ điểm cân bằng BSC để điều hành doanh nghiệp và công cụ KPI để quản trị mục tiêu/kế hoạch. Trong đó, Nafoods Group tập trung vào khía cạnh gốc rễ “Học hỏi và Phát triển”, vì vậy chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là đào tạo nội bộ.

Đối với lao động trực tiếp: Mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa học trong và ngoài nước có chương trình phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

- Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:**

**Chính sách lương:** Công ty áp dụng chính sách lương 3P (Một trong những chính sách lương tiến bộ nhất hiện nay) để tạo động lực cho người lao động, Cụ thể:

- Lương P1: Trả theo vị trí người lao động đang nắm giữ trong doanh nghiệp, bằng cấp, thâm niên công

tác.

- Lương P2: Trả theo năng lực (Đánh giá định kỳ 6 tháng – 12 tháng/1 lần)
- Lương P3: Trả theo mức độ hoàn thành công việc hay trả theo hiệu quả công việc được đánh giá định kỳ tháng/quý bằng công cụ KPI để quản trị mục tiêu doanh nghiệp gắn với việc quản trị chỉ tiêu trọng yếu giao đến từng phòng ban và từng cá nhân.

**Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân và tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức SXKD, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong SXKD, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân làm việc kém hiệu quả hay có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hiệu quả hoạt động SXKD của công ty.

**Chính sách bảo hiểm và phúc lợi:** Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống của CB CNV. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho khối lao động trực tiếp. Công ty thực hiện đúng chế độ nghỉ Lễ, Tết, nghỉ phép, nghỉ việc riêng thuộc tiêu chuẩn được hưởng lương theo quy định của Luật hiện hành. Định kỳ hàng năm, Công ty tổ chức cho người lao động các chương trình tham quan, nghỉ mát định kỳ,...

**Hoạt động đoàn thể :** Công ty xác định rằng sinh hoạt đoàn thể cũng là một trong những chính sách để thu hút và chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động, bởi vậy các hoạt động đoàn thể được Công ty chú trọng quan tâm, như: Chi bộ Đảng của Công ty được bình bầu là Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2016; tổ chức Công đoàn của Nafoods Group được Tổng liên đoàn lao động Việt nam tặng Bằng khen với thành tích là Công đoàn

cơ sở đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh 2016; Chi đoàn Thanh niên của Công ty luôn có những hoạt động ý nghĩa và thiết thực. Các hoạt động thi văn nghệ, thi viết về Nafoods, thi đấu thể dục thể thao giữa các công ty trong hệ thống từ trước tới nay đã trở thành một nét văn hóa truyền thống của Nafoods Group.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Năm 2016 là năm Công ty Cổ phần Nafoods Group có nhiều biến chuyển và phát triển mạnh mẽ với nhiều dự án mới:

### Dự án xây dựng Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu tại Long An

- Địa điểm: Ấp Hóc Thơm 1, xã Hòa Khánh Tây, Đức Hòa, Long An
- Tổng mức đầu tư: 380 tỷ
- Thời gian hoàn thành dự kiến: Quý IV/2017



### Đầu tư dự án Viện giống công nghệ cao

- Địa điểm: Tri Lễ, Quế Phong, Nghệ An
- Diện tích: 5 ha
- Năng suất: 3,5 triệu cây giống/năm
- Bắt đầu đi vào hoạt động từ 10/2016

- Thành lập thêm 2 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc và Công ty Cổ phần Nafoods Pleiku.
  - Góp 1,4 tỷ tương đương 35% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc.
  - Góp 2,45 tỷ tương đương 35% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nafoods Pleiku.

## CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHIẾU NAF

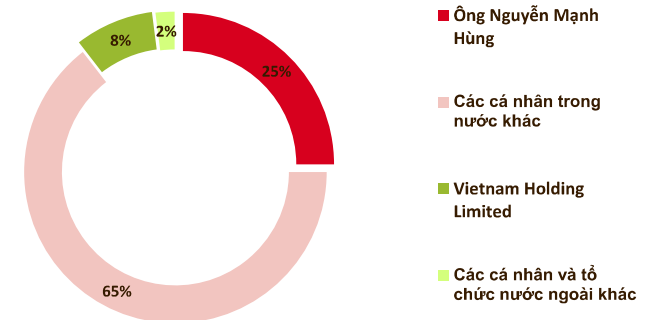
### Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2016, Công ty Cổ phần Nafoods Group đã phát hành 30,000,000 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phổ thông: 30,000,000 cổ phiếu.
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu.
- Số cổ phần đang lưu hành: 30,000,000 cổ phiếu.
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng.

### Cơ cấu cổ đông của công ty

Cơ cấu cổ đông



Cơ cấu cổ đông của công ty

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
1	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>426</b>	<b>89,5425</b>
	- Tổ chức	0	0,0000
	- Cá nhân	426	89,5425
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>11</b>	<b>10,4575</b>
	- Tổ chức	5	10,4140
	- Cá nhân	6	0,0435
	<b>Tổng</b>	<b>437</b>	<b>100,0000</b>

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Cổ đông Nhà nước	-	-
2	Cổ đông lớn (sở hữu ≥ 5% vốn CP)	10.022.840	33,4095
	- Trong nước	7.500.000	25,0000
	- Nước ngoài	2.522.840	8,4095
3	Cổ đông khác	19.977.160	66,5905
	- Trong nước	19.362.770	64,5425
	- Nước ngoài	614.390	2,0480
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.000.000</b>	<b>100,0000</b>

#### Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	CMTND	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Mạnh Hùng	Phường Trường Thi – TP Vinh – Nghệ An	182134923	7.500.000	25,0000
2	Vietnam Holding Limited	Collas Crill Corporate Services Limited, Willow House, Cricket Square, PO Box 709, Grand Cayman KY1 - 1107, Cayman Islands	CS1077	2.522.840	8,4095
	<b>Tổng cộng</b>			<b>10.022.840</b>	<b>33,4095</b>

(Các số liệu trên dựa theo Danh sách Cổ đông chốt tại ngày 07/07/2016)

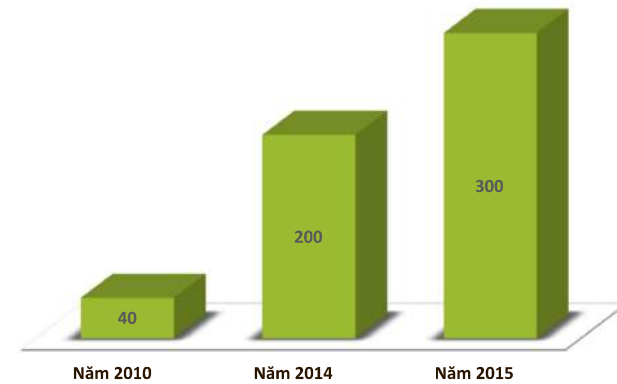
#### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2010 với số vốn điều lệ là 40,000,000,000 đồng. Từ đó đến nay, Công ty đã có 02 lần phát hành để tăng vốn điều lệ. Cụ thể như sau:

- Năm 2014: Phát hành cho cổ đông hiện hữu 1,600,000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng.
- Năm 2015: Phát hành cho cổ đông hiện hữu 1,000,000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng.
- Trong năm 2016, Công ty không có đợt phát hành tăng vốn nào.

#### Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Đơn vị: Tỷ đồng



#### Giao dịch cổ phiếu quý: Không có Cổ phiếu NAF 2016



# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



**Ông Nguyễn Trung Kiên**

Phó TGD Kinh Doanh

Tỷ lệ nắm giữ: 0,167%

**Ông Nguyễn Tiến Chinh**

Phó TGD Sản xuất

Tỷ lệ nắm giữ: 0,167%

**Ông Nguyễn Mạnh Hùng**

Tổng giám đốc

Tỷ lệ nắm giữ: 25 %

**Bà Phan Thị Minh Châu**

Phó TGD Tài Chính

Tỷ lệ nắm giữ: 4,8 %

**Ông Phạm Duy Thái**

Phó TGD Nông Nghiệp

Tỷ lệ nắm giữ: 0,167%

## ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2016

Mục tiêu tăng trưởng kinh tế của Chính phủ là 6,7% đã không được hoàn thành năm 2016. Kinh tế Việt Nam chỉ tăng trưởng 6,21%, thấp hơn mức tăng trưởng năm 2015 là 6,68%. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế thế giới nói chung và tình hình kinh tế Việt Nam nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn thì mức tăng trưởng trên được đánh giá là tương đối thành công.

Năm 2016 cũng là năm nền nông nghiệp Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ thiên tai, ô nhiễm môi trường, thị trường xuất khẩu phải đối mặt với các rào cản thương mại ngày càng phức tạp, khắt khe. Tuy nhiên, đối với ngành hẹp và chuỗi giá trị của Nafoods Group đang theo đuổi thì những ảnh hưởng tiêu cực đó tác động không nhiều lên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổng doanh thu **462,7 tỷ đồng** đạt **71,95%** kế hoạch

Lợi nhuận sau thuế **60,5 tỷ đồng** đạt **86,37%** kế hoạch

Với Nafoods Group, mặc dù năm 2016 chưa đạt được kế hoạch doanh thu lợi nhuận đề ra nhưng thực sự là một năm tích cực, chuyển dịch cơ cấu thành công, làm tiền đề phát triển một chuỗi giá trị nông nghiệp đúng trọng tâm và bền vững trong tương lai.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Kế hoạch 2016	Tăng trưởng	Thực hiện so với kế hoạch
Tổng doanh thu	533.499	462.721	640.000	86,32%	71,95%
Lợi nhuận sau thuế	65.438	60.460	70.000	92,39%	86,37%

Nhìn trên tổng thể, kết quả kinh doanh năm 2016 chỉ đạt 71,95% so với kế hoạch doanh thu, giảm 13,68% so với doanh thu thực hiện năm 2015. Lợi nhuận năm 2016 của Công ty cũng chỉ đạt 86,37% kế hoạch và giảm 7,61% so với lợi nhuận thực hiện năm 2015.



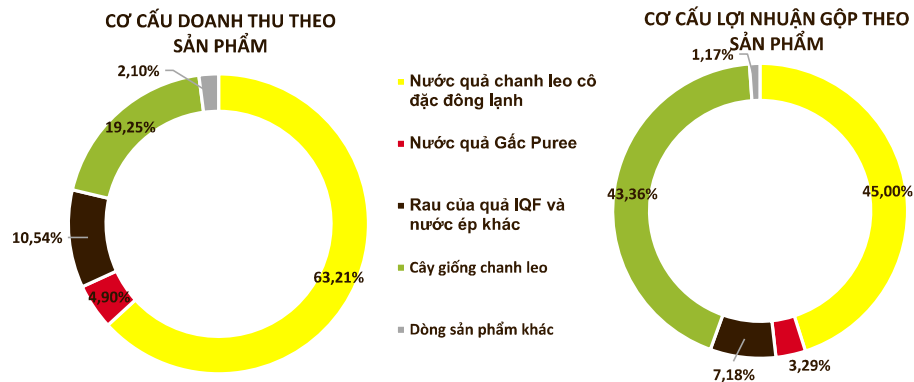
*Chuyển dịch cơ cấu thành công, làm tiền đề phát triển một chuỗi giá trị nông nghiệp đúng trọng tâm và bền vững trong tương lai*

Tuy nhiên, xét về cơ cấu doanh thu chi tiết, kết quả kinh doanh năm 2016 phản ánh rõ bước chuyển mình cơ bản trong hoạt động kinh doanh của Nafoods Group. Công ty chủ động giảm mạnh tỷ trọng của những hoạt động không thuộc mục tiêu chiến lược và chuỗi giá trị của công ty đồng thời gia tăng tỷ trọng của những dòng sản phẩm chiến lược, hiệu quả cao trong chuỗi giá trị của Nafoods Group, cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	2016 so với 2015
1	Nước quả chanh leo cô đặc đông lạnh	201.911	291.081	144,16%
2	Nước quả Gấc Puree	12.290	22.558	183,55%
3	Rau củ quả IQF và nước ép khác	102.657	48.516	47,26%
4	Cây giống chanh leo	65.567	88.642	135,19%
5	Dòng sản phẩm khác	148.301	9.710	6,55%
	<b>Tổng</b>	<b>530.726</b>	<b>460.507</b>	<b>86,77%</b>

## PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2016



### Chanh leo cô đặc đông lạnh – Dòng sản phẩm chủ đạo

Chanh leo là sản phẩm giàu dinh dưỡng, phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu Việt Nam. Thực tế tại nước ta, cây chanh leo cũng được bà con nông dân trồng nhiều và gọi nó với cái tên thân thương là “*cây tiền mặt*” vì hiệu quả kinh tế cao mà nó đem lại. Trên thế giới, Chanh leo – là thứ trái cây mà được thế giới rất ưa chuộng từ trước tới nay, đặc biệt là các nước phát triển, chính vì thế quả Chanh leo còn có tên tiếng Anh là “Passion” fruit – tức là quả “Niềm đam mê”

Nhận thức được điều trên, Nafoods Group xác định chanh leo là mặt hàng chủ lực để phát triển với việc hoàn thiện chuỗi giá trị cho sản phẩm này từ nghiên cứu giống, chủ động nguồn nguyên liệu, sản xuất cho đến tiêu thụ.

Trên trường quốc tế, sản phẩm của Nafoods Group đã chinh phục được những thị trường khó tính nhất như Nhật Bản, Châu Âu, Mỹ, ... Hiện tại, Nafoods Group cung cấp khoảng 8% sản lượng chanh leo cô đặc trên thế giới và là nhà cung cấp chanh leo cô đặc lớn nhất Châu Á.

### Doanh thu chanh leo cô đặc năm 2016 tăng trưởng 44% chiếm 63% tỷ trọng doanh thu

Doanh thu nước ép chanh leo cô đặc năm 2016 đạt hơn 291 tỷ đồng, tăng hơn 44% so với cùng kỳ năm 2015. Vì vậy, sản phẩm này tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Cụ thể, nước ép chanh leo cô đặc chiếm 63% tỷ trọng doanh thu và chiếm 45% tỷ trọng lợi nhuận của Nafoods Group trong năm 2016.

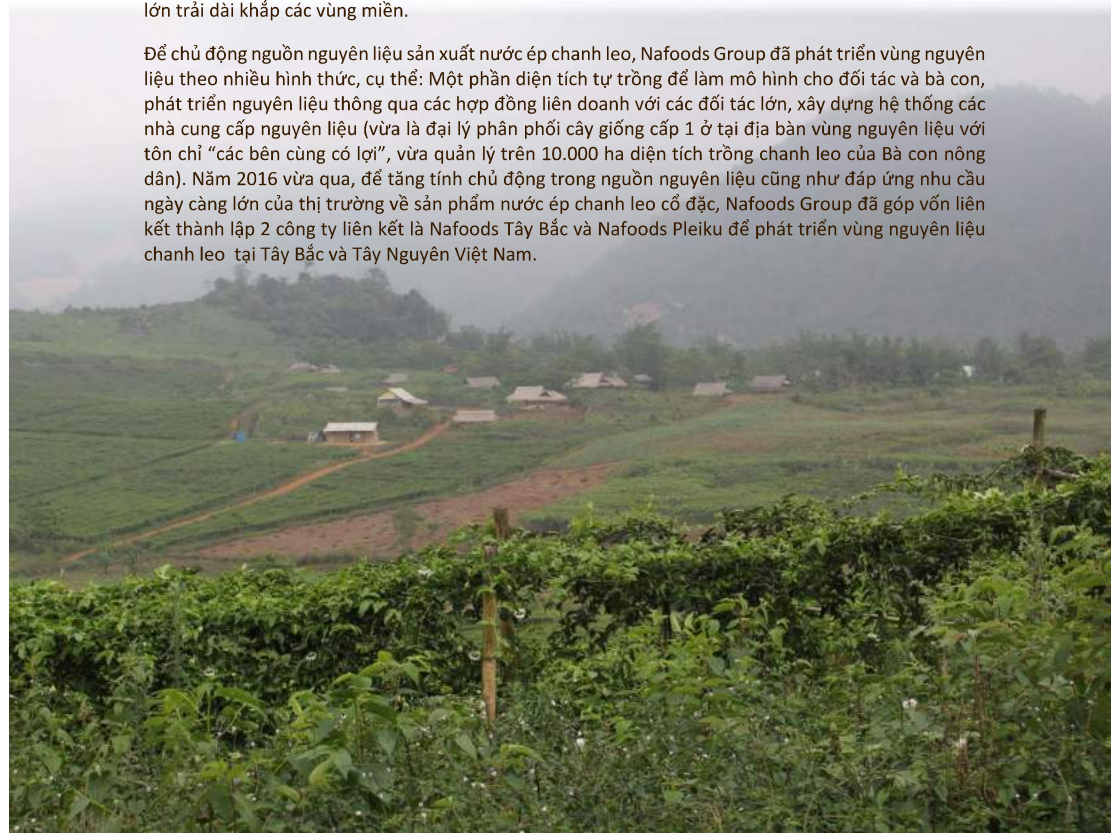
Dù sản xuất nước chanh leo cô đặc không mang lại lợi nhuận biên lớn bằng sản phẩm cây giống, nhưng đây lại là bước giúp đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm cây giống nên được Công ty phát triển đồng thời. Hơn nữa, sản phẩm nước chanh leo cô đặc của Nafoods Group đã khẳng định được thương hiệu trên thị trường quốc tế và hứa hẹn sẽ tiếp tục mang lại doanh thu lớn cho Công ty.



### Vùng nguyên liệu chanh leo ngày càng được mở rộng

Tại Việt Nam, hiện nay Nafoods Group là đơn vị tiên phong và dẫn đầu trong việc sản xuất và xuất khẩu nước chanh leo cô đặc. Hiện nay, sản lượng quả chanh leo Công ty thu mua để sản xuất sản phẩm nước ép chanh leo chiếm khoảng 80% sản lượng chanh leo của Việt Nam với vùng nguyên liệu rộng lớn trải dài khắp các vùng miền.

Để chủ động nguồn nguyên liệu sản xuất nước ép chanh leo, Nafoods Group đã phát triển vùng nguyên liệu theo nhiều hình thức, cụ thể: Một phần diện tích tự trồng để làm mô hình cho đối tác và bà con, phát triển nguyên liệu thông qua các hợp đồng liên doanh với các đối tác lớn, xây dựng hệ thống các nhà cung cấp nguyên liệu (vừa là đại lý phân phối cây giống cấp 1 ở địa bàn vùng nguyên liệu với tôn chỉ “các bên cùng có lợi”, vừa quản lý trên 10.000 ha diện tích trồng chanh leo của Bà con nông dân). Năm 2016 vừa qua, để tăng tính chủ động trong nguồn nguyên liệu cũng như đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của thị trường về sản phẩm nước ép chanh leo cô đặc, Nafoods Group đã góp vốn liên kết thành lập 2 công ty liên kết là Nafoods Tây Bắc và Nafoods Pleiku để phát triển vùng nguyên liệu chanh leo tại Tây Bắc và Tây Nguyên Việt Nam.





**Dây chuyền sản xuất khép kín, hiện đại, đảm bảo chất lượng sản phẩm**



Sản phẩm Nước ép chanh leo cô đặc của Nafoods Group được sản xuất từ dây chuyền sản xuất nước ép hoa quả được lắp đặt từ các thiết bị, máy móc của Đức và Italy có công suất: 5.000 tấn sản phẩm/năm. Hệ thống trên đảm bảo sản lượng để Nafoods Group cung ứng sản phẩm cho thị trường. Hiện nay, Nafoods Group cũng đang tiến hành xây dựng thêm 1 Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu ở Long An. Nhà máy này dự kiến đi vào hoạt động vào cuối năm 2017 với 1 dây chuyền sản xuất nước ép và 2 dây chuyền sản xuất IQF đều là công nghệ hiện đại của Châu Âu sẽ giúp nâng cao đáng kể sản lượng và doanh thu của Công ty.

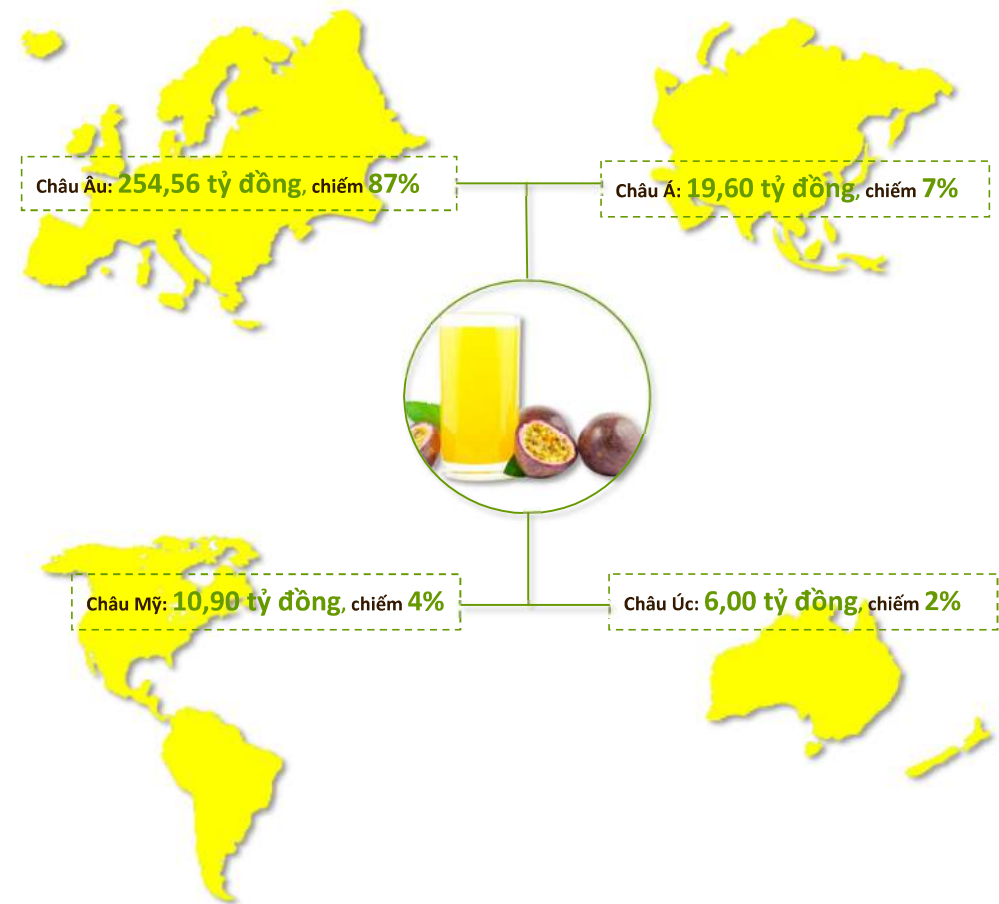
Từ năm 2003, Nafoods Group đã xuất cont hàng sản phẩm nước ép cô đặc đầu tiên sang Châu Âu, Công ty đã đặc biệt chú trọng đến vấn đề chất lượng sản phẩm để thỏa mãn những đòi hỏi khắt khe về chất lượng của những khách hàng khó tính nhất thế giới.

Hiện nay, sản phẩm của Công ty thỏa mãn các tiêu chuẩn chất lượng sau: Tiêu chuẩn ISO 22000:2005, Tiêu chuẩn AIJN, Tiêu chuẩn BRC, Tiêu chuẩn HALAL, Tiêu chuẩn KOSHER, Tiêu chuẩn SGF, Tiêu chuẩn HACCP.

**Sự đón nhận tích cực của thị trường**

Từ những năm 2009 – 2010, sau thời gian đầu tiếp cận thị trường, sản phẩm nước ép chanh leo tím của Nafoods Group đã dần trở nên quen thuộc và nhận được sự phản hồi tích cực từ khách hàng khắp nơi trên thế giới. Sở dĩ như vậy, là do: (i) Sản phẩm của Nafoods Group có chất lượng tốt và ổn định; (ii) Nafoods Group đã khẳng định được vị thế của mình sau 15 năm xuất khẩu dòng sản phẩm nước ép; (iii) Nafoods Group luôn đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, hàng năm tham gia tích cực và nhiều Hội chợ Quốc tế để giới thiệu sản phẩm. Bên cạnh đó, đặc tính quả chanh leo tím của Việt Nam có những sự khác biệt so với quả chanh leo vàng của vùng Nam Mỹ cũng là tạo nên một lợi thế cho Nafoods Group.

**Doanh thu sản phẩm Chanh leo tím từ các thị trường xuất khẩu**



**Nước quả gấc Puree – Dòng sản phẩm chiến lược tiềm năng**

Cùng với chanh leo, Gấc là một trong hai loại trái cây mà Nafoods tập trung phát triển trong chuỗi giá trị nông nghiệp của mình. Năm 2016, sản phẩm Nước quả gấc Puree đã có bước phát triển mạnh về doanh thu và lợi nhuận đem lại.

**Doanh thu từ Nước quả gấc Puree tăng trưởng mạnh và giàu tiềm năng**

Doanh thu sản phẩm Nước quả gấc Puree tăng từ 12,3 tỷ đồng năm 2015 lên 22,6 tỷ đồng năm 2016 tương đương 84%. Tỷ trọng của sản phẩm này trong cơ cấu doanh thu cũng tăng gấp đôi từ mức 2,32% tổng doanh thu năm 2015 lên 4,90% tổng doanh thu năm 2016. Mặc dù chiếm tỷ trọng khiêm tốn nhưng gấc là mặt hàng có mức tăng trưởng cao nhất trong các sản phẩm của Công ty.

Trong thời gian nghiên cứu và trồng thử nghiệm khiến doanh thu và lợi nhuận từ gấc chưa cao. Bởi lẽ để xây trang trại trồng gấc nguyên liệu tập trung phải mất đến 3 – 5 năm. Vì vậy, doanh thu sản phẩm này giai đoạn 2013 -2015 chưa thể hiện hết quy mô và giá trị mà quả gấc mang lại. Từ năm 2016, sau khi đã hoàn thành xây dựng vùng nguyên liệu, doanh thu từ sản phẩm gấc sẽ dần đi vào ổn định

**Chủ động vùng nguyên liệu gấc**

Bên cạnh việc làm chủ nguồn cây giống, để chủ động nguồn nguyên liệu gấc đưa vào sản xuất, Nafoods tiến hành thu mua từ bà con nông dân cũng như tự trồng tại vùng nguyên liệu của mình. Hiện nay, Nafoods sở hữu vùng nguyên liệu lớn Gấc tự trồng ở Nghệ An do Công ty Cổ phần Gấc Tân Thăng phụ trách.



**Tổng doanh thu Nước quả gấc Puree**

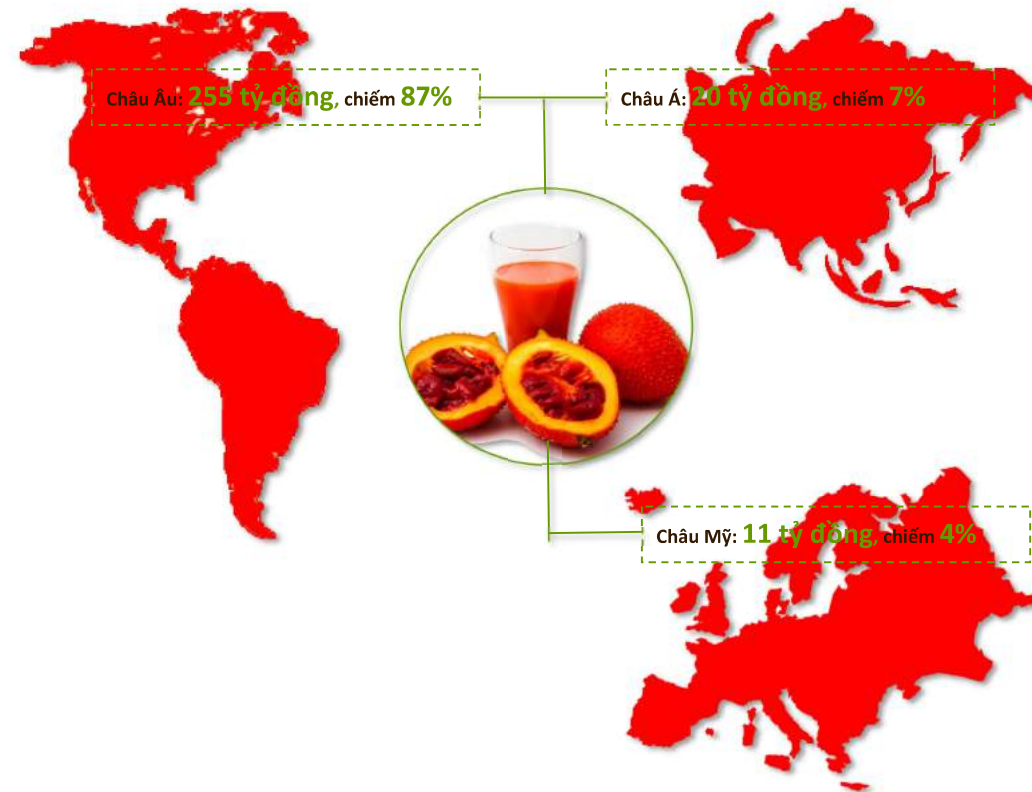
**22,6 tỷ đồng**

**▲ 84%**

**Gấc – sản phẩm đặc trưng – giàu giá trị dinh dưỡng**

Gấc là loại nông sản có nguồn gốc từ Việt Nam và đặc biệt phù hợp với khí hậu và thổ nhưỡng ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung nước ta. Bản thân quả gấc có giá trị dinh dưỡng rất cao với nhiều vitamin A cũng như có tác dụng chống lão hóa và ung thư. Hơn thế nữa, sản phẩm gấc của Việt Nam lại có chất lượng dinh dưỡng vượt trội, chứa hàm lượng beta-caroten cao gấp đôi cà rốt và hàm lượng Lycopene cao gấp 70 lần cà chua.

Doanh thu sản phẩm Gấc từ các thị trường xuất khẩu



**Cây giống chanh leo – Dòng sản phẩm hiệu quả cao**

Cây giống là một phần thiết yếu trong chuỗi giá trị nông nghiệp mà Nafoods Group đang hướng tới. Chính vì vậy, việc đầu tư Dự án nghiên cứu các giống cây mới đang được Công ty chú trọng để đảm bảo những cây giống khỏe, sạch bệnh và thích nghi tốt với nhiều điều kiện thời tiết.

**Giống chanh leo sạch bệnh, năng suất cao**

Hiện tại, sản phẩm cây giống chanh leo Đài nông 1 của Nafoods Group sản xuất sạch bệnh được cung cấp rộng rãi cho các vùng nguyên liệu trên cả nước. Như đã phân tích ở nội dung trước, sự ra đời của dòng sản phẩm này tạo nên vòng tròn khép kín của một chuỗi giá trị nông nghiệp độc ở Nafoods Group. Hơn thế, sản phẩm này không những mang lại cho Nafoods Group một cơ cấu doanh thu đáng kể mà quan trọng hơn sẽ làm cầu nối, là phương tiện để Nafoods Group kiểm soát và quản trị tốt vùng nguyên liệu đảm bảo nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất ổn định. Bởi vậy Nafoods Group xác định Cây giống Chanh leo sẽ là sản phẩm quan trọng góp phần tạo nên sự khác biệt và phát triển bền vững của Nafoods Group

**Doanh thu cây giống đạt gần 89 tỷ đồng, tăng hơn 35% so với năm 2015**

Doanh thu cây giống năm 2016 tăng mạnh – 35% so với năm 2015 – đạt gần 89 tỷ đồng. Điều này giúp cho tỷ trọng doanh thu của cây giống trong cơ cấu doanh thu tăng từ 13% năm 2015 lên 19% năm 2016. Hơn thế nữa, trong cơ cấu lợi nhuận gộp, sản phẩm cây giống đóng góp tới 43% (đứng thứ 2 chỉ sau sản phẩm chanh leo cô đặc). Sở dĩ như vậy vì sản phẩm này có biên lợi nhuận cao do công ty đã làm chủ được kỹ thuật nhân giống cũng như thị trường cung cấp ổn định, không mất nhiều chi phí marketing.



**Dòng sản phẩm Rau củ quả IQF và một số sản phẩm nước ép khác giảm cơ cấu tỷ trọng doanh thu so với 2015**

Dòng sản phẩm Rau củ quả IQF và một số sản phẩm nước ép khác giảm tỷ trọng từ 19,34% tổng doanh thu năm 2015 còn 10,54% tổng doanh thu năm 2016. Năm 2016, Nafoods Group đã chủ động giảm phần doanh thu tương ứng với sản lượng thuê gia công từ các Nhà máy ở Miền Nam nhằm hạn chế những rủi ro không đáng có về bảo mật thông tin khách hàng, nên sản lượng sản phẩm IQF năm 2016 của Nafoods Group chủ yếu được sản xuất tại Nhà máy tại Nghệ An từ nguồn nguyên liệu rất khiếm tốn của các tỉnh phía Bắc. Bên cạnh đó trong năm 2016 Công ty tập trung nghiên cứu làm thử nghiệm các sản phẩm IQF mới như Gừng, Dừa, Chuối để chào hàng các đối tác tiềm năng ở thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Canada... nhằm chuẩn bị đón đầu cho một sản lượng lớn khi Nhà máy chế biến xuất khẩu rau quả tại Long An đi vào vận hành, đây là lý do dẫn đến tỷ trọng doanh thu dòng sản phẩm này năm 2016 giảm 8,80% so với năm 2015;



**Các dòng sản phẩm khác**

Dòng sản phẩm khác, thực chất chủ yếu là các hoạt động thương mại của công ty, giảm mạnh về tỷ trọng doanh thu, từ 27,94% tổng doanh thu năm 2015 giảm xuống chỉ còn 2,11% tổng doanh thu năm 2016. Nhận thấy cần thiết phải tập trung mọi nguồn lực trọng tâm vào chuỗi giá trị nông nghiệp, tránh sự dàn trải, chính vì vậy trong năm 2016 Ban Tổng Giám đốc Nafoods Group đã chủ động điều chỉnh cắt giảm các hoạt động không còn phù hợp với mục tiêu định hướng lâu dài về phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp, cho nên giá trị của các mảng kinh doanh không nằm trong chuỗi giá trị nông nghiệp giảm mạnh, doanh thu thực hiện năm 2016 chỉ bằng 6,55% doanh thu năm 2015. Đây cũng là một trong những nguyên nhân chính khiến tổng doanh thu của toàn hệ thống Nafoods Group giảm so với năm trước và kế hoạch năm 2016.

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

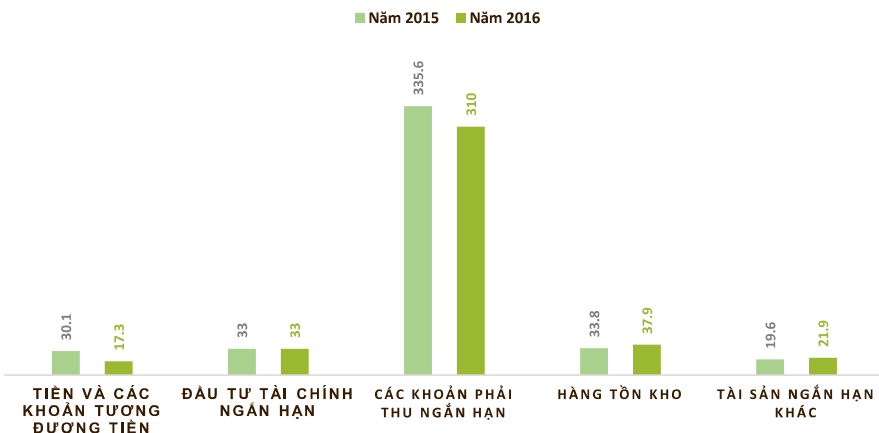
STT	Chỉ tiêu	2015	2016	% tăng/giảm
1	Tổng tài sản	551.374	<b>620.294</b>	12,50%
2	Doanh thu thuần	530.726	<b>460.507</b>	-13,23%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	69.400	<b>67.824</b>	13,32%
4	Lợi nhuận trước thuế	69.179	<b>67.674</b>	-2,17%
5	Lợi nhuận sau thuế	65.438	<b>60.460</b>	-7,61%
6	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	45.383	<b>48.790</b>	7,51%

**Tình hình tài sản**

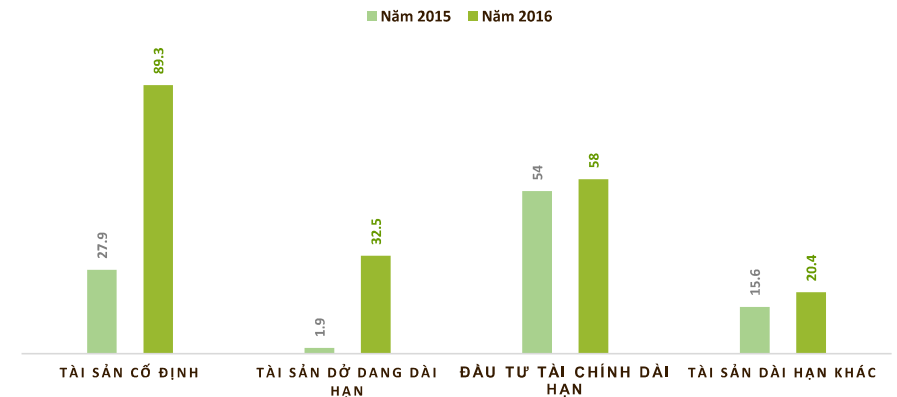
Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% 2016/2015
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	<b>452.088</b>	81,99%	<b>420.103</b>	67,73%	92,92%
Tài sản dài hạn	<b>99.286</b>	18,01%	<b>200.191</b>	32,27%	201,63%
Tổng tài sản	<b>551.374</b>	100,00%	<b>620.294</b>	100,00%	112,50%

Trong năm 2016, *Tổng tài sản* tăng nhẹ đạt 620,29 tỷ đồng, tăng 12,50% so với năm 2015. Cơ cấu tài sản có sự thay đổi khi tỷ trọng *Tài sản dài hạn* giảm từ 81,99% xuống 67,73%, tương ứng tỷ trọng của *Tài sản ngắn hạn* tăng lên từ 18,01% lên 32,27%. Sở dĩ có sự thay đổi lớn vì trong năm qua Công ty đẩy mạnh hoạt động đầu tư các dự án mới khiến chỉ tiêu *Tài sản dài hạn* có sự tăng mạnh. Kết thúc năm 2016, *Tài sản dài hạn* đạt hơn 200,19 tỷ đồng, tương ứng tăng hơn 200% so với năm 2015. Trong khi đó, *Tài sản ngắn hạn* lại giảm nhẹ 7,08% từ 452,10 tỷ đồng xuống 420,10 tỷ đồng

**TÀI SẢN NGẮN HẠN (TỶ ĐỒNG)**



**TÀI SẢN DÀI HẠN (TỶ ĐỒNG)**

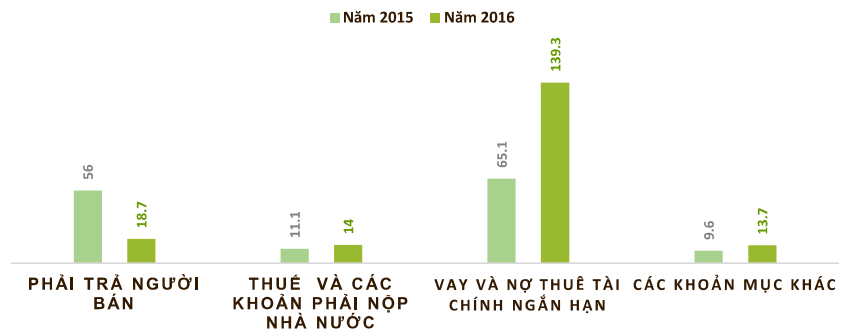


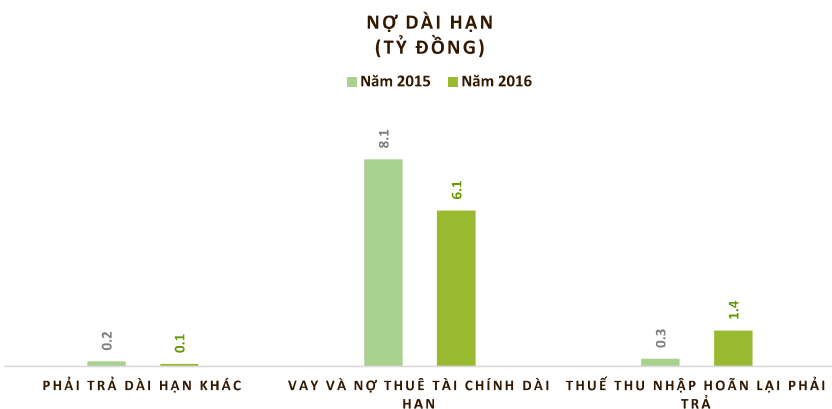
**Tình hình nợ phải trả**

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% 2016/2015
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	<b>141,84</b>	94,30%	<b>185,69</b>	96,08%	130,92%
Nợ dài hạn	<b>8,58</b>	5,70%	<b>7,57</b>	3,92%	88,22%
Tổng nợ phải trả	<b>150,42</b>	100,00%	<b>193,27</b>	100,00%	128,49%

Trong năm 2016, tỷ trọng các chỉ tiêu *Nợ ngắn hạn* và *Nợ dài hạn* không có sự thay đổi đáng kể so với năm 2015. Trong đó *Nợ ngắn hạn* chiếm phần lớn tỷ trọng của *Tổng nợ phải trả* (trên 90%) và tiếp tục tăng trong năm 2016. Về giá trị, năm 2016, chỉ tiêu *Tổng nợ phải trả* đạt hơn 193,27 tỷ đồng tăng hơn 28,49% so với năm 2015 chủ yếu là do chỉ tiêu *Nợ ngắn hạn* tăng 43,85 tỷ đồng so với năm 2015.

**NỢ NGẮN HẠN (TỶ ĐỒNG)**





## TÁI CẤU TRÚC MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Để phù hợp sự thay đổi nhanh chóng, mạnh mẽ của hệ thống Nafoods Group trong thời gian vừa qua, Ban TGD nhận thấy cần phải có sự thay đổi, cải tiến sâu sắc toàn diện từ bên trong hệ thống, nghiên cứu và triển khai các hoạt động tái cấu trúc tổng thể toàn bộ hệ thống, cụ thể:

- Triển khai Dự án soát xét và hoàn thiện chiến lược phát triển trong 5 năm (giai đoạn 2017 – 2021) lấy trọng tâm là phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp xanh, khép kín;
- Đã tiếp tục rà soát, tái cấu trúc và hoàn thiện Mô hình quản trị các phòng ban chức năng công ty mẹ, các công ty con theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, hiệu quả phù hợp với chiến lược phát triển;
- Tiếp tục rà soát và hoàn thiện hệ thống phương pháp BSC - KPI một cách khoa học và có hiệu quả nhất sau một thời gian áp dụng nhằm phát triển hệ thống 1 cách cân bằng, quản trị tốt mục tiêu và đo lường hiệu quả công việc của Người lao động sát thực và công bằng;
- Nghiên cứu về việc thành lập một số phòng/ban chiến lược của hệ thống Nafoods Group như Ban Phát triển kinh doanh và Marketing; Viện Nghiên cứu phát triển; ...
- Mạnh dạn cắt giảm hoặc tạm ngưng một số hoạt động SXKD không trọng tâm trong chuỗi giá trị nông nghiệp hoặc không mang lại hiệu quả cao, ví dụ như hoạt động chăn nuôi, hoạt động thương mại;
- Xúc tiến triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý vào quản trị hoạt động SXKD.

### Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
<b>1, Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	3,19	2,26
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	2,95	2,06
<b>2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	27,28	31,16
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	37,51	45,26
<b>3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	18,62	9,33
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0,96	0,74
<b>4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	12,33%	13,13%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	16,32%	14,16%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	11,87%	9,75%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	13,08%	14,73%
- EPS	Đồng	1,75	1,63

Trong cơ cấu nguồn vốn, hệ số nợ/tổng tài sản là 31,16% tương đương nợ phải trả 193,27 tỷ đồng, tỷ trọng nợ phải trả thấp hơn vốn chủ sở hữu cho thấy Công ty đang sử dụng vốn chủ sở hữu vào đầu tư tài sản nhiều hơn dùng đòn bẩy là công cụ nợ, chứng tỏ tình hình tài chính của Công ty khá lành mạnh và độ an toàn cao. Tuy nhiên, điều đó cũng thể hiện công ty chưa khai thác hết được lợi thế của đòn bẩy tài chính để khuếch đại hiệu quả hoạt động kinh doanh trong công ty



## KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

Năm 2017 là một năm quan trọng đối với Nafoods Group. Đây là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 5 năm (giai đoạn 2017 – 2021) phát triển theo chiến lược lấy chuỗi giá trị nông nghiệp xanh làm trọng tâm để phát triển bền vững. Do vậy, Ban TGD nhận định:



Ngành nông nghiệp Việt Nam năm 2017 vẫn còn phải đối mặt với nhiều thách thức và cần nỗ lực hơn nữa để vượt qua những khó khăn về thị trường xuất khẩu, đảm bảo an toàn nông sản thực phẩm, nhất là tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu diễn ra ngày càng khó lường. Tuy nhiên, nhìn rộng ra toàn thế, kinh tế Việt Nam tiếp tục có những khởi sắc với mức dự báo tăng trưởng lên đến 6,7%, các doanh nghiệp có nhiều cơ hội thuận lợi để phát triển, nhất là đối với khu vực kinh tế tư nhân. Từ đó, Ban TGD xác định mục tiêu nhiệm vụ năm 2017 như sau:

- Hoàn thành các hạng mục công việc còn tồn đọng theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2016;
- Sớm trình HĐQT phê duyệt Bản chiến lược phát triển của Nafoods Group giai đoạn 5 năm (2017-2021).
- **Về sản phẩm:**
  - Năm 2017, Nafoods Group tiếp tục dẫn đầu Việt Nam về thị phần nước chanh leo có đặc xuất khẩu;
  - Phát triển mạnh các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao như quả chanh leo tươi, dịch chanh leo đóng túi mang thương hiệu Nafoods xuất khẩu và tiêu thụ ở thị trường trong nước;
  - Tập trung công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, nhằm đưa ra những dòng sản phẩm từ Gấc và các loại trái cây siêu hoa quả của Việt Nam.
  - Nâng cao chất lượng cây giống hiện tại, nghiên cứu phát triển thêm 2 loại giống chanh leo mới phù hợp điều kiện thời tiết tại Miền Bắc và Miền Trung Việt Nam với năng suất, hiệu quả cao nhất.
- **Về thị trường:**
  - Duy trì tốt các thị trường sẵn có như Châu Âu, Mỹ, Úc, Nhật, Hàn Quốc... và phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao mang thương hiệu Nafoods trên thị trường này;
  - Phát triển thêm các thị trường xuất khẩu tiềm năng như Dubai, Trung Quốc và Đông Âu;
  - Tìm kiếm và mở rộng thị trường cho những sản phẩm chiến lược có lợi thế cạnh tranh của Việt Nam;
  - Ban hành chính sách bán hàng và quản lý đại lý phân phối đối với sản phẩm cây giống các nhà cung cấp nguyên liệu chính gắn với

chiến lược phát triển và chiến lược quản trị vùng nguyên liệu.

- **Về quản trị:**
  - Áp dụng triệt để hệ thống KPI/BSC quản trị hoạt động SXKD nhằm đem lại hiệu quả cao nhất;
  - Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin để quản trị cơ sở dữ liệu và điều hành hệ thống;
  - Thành lập và đưa vào hoạt động 2 bộ máy chức năng quan trọng, đó là: Viện R&D Nafoods và Ban Phát triển kinh doanh;
  - Quản trị tốt dòng tiền, hàng tồn kho, công nợ phải thu linh hoạt với các biến động về giá nguyên liệu đảm bảo dòng tiền lành mạnh, hiệu quả và bảo toàn vốn;
  - Tập trung thu hút, tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực quản lý.
- **Về việc thực hiện các dự án:**
  - Triển khai mô hình 10 ha Chanh leo công nghệ cao và Triển khai Dự án dây chuyền phân loại, bảo quản, đóng gói quả chanh leo tươi tại Pleiku, Gia Lai;
  - Quyết tâm đưa Dự án xây dựng Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu Long An đi vào vận hành trong quý 4/ 2017;
  - Khôi phục Văn phòng đại diện Nafoods tại Hà Nội và thành lập Văn phòng đại diện Nafoods Group tại Hồ Chí Minh đảm bảo hai Văn phòng hoạt động hiệu quả.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



## ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ NỀN KINH TẾ VÀ NGÀNH NÔNG NGHIỆP

### Kinh tế Thế giới và Việt Nam năm 2016

Năm 2016 là một năm với nhiều khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế Thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng.

Đối với kinh tế toàn cầu: Trong năm nay đã có nhiều sự kiện tác động mạnh mẽ đến tình hình kinh tế của thế giới. Theo số liệu của World Bank, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2016 là 2,3% - giảm so với mức tăng trưởng của năm 2015. Năm 2016 cũng đánh dấu những diễn biến khó lường trong các vấn đề chính trị, xã hội toàn cầu. Đơn cử như việc Anh trung cầu ý dân để rời khỏi Liên minh Châu Âu, việc bầu cử Tổng thống Mỹ Donald Trump hay các cuộc xung đột vũ trang ở Trung Đông. Tất cả những điều trên hứa hẹn một năm 2017 đầy thử thách với nhiều vấn đề cần giải quyết.

Đối với kinh tế Việt Nam: Theo Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng đạt 6,21% vẫn thấp hơn so với kế hoạch đặt ra đầu năm của Chính phủ là 6,7% và so với năm 2015 là 6,68%. Trong khi đó, lạm phát được duy trì ở mức 4,74% - trong phạm vi cho phép của Quốc Hội, thấp hơn mục tiêu đề ra cho năm nay là 5%. Cũng trong năm 2016, Việt Nam xuất siêu 2,6 tỷ USD với tổng kim ngạch Xuất Nhập khẩu đạt hơn 349,2 tỷ USD, tăng 6,6% so với năm 2015. Kết quả trên là rất đáng trân trọng đặc biệt là khi nền kinh tế nước ta gặp phải nhiều khó khăn từ kinh tế thế giới cũng như phải giải quyết các vấn đề nội tại.

Tăng trưởng GDP toàn cầu ▲ 2,3%

Tăng trưởng GDP Việt Nam ▲ 6,21%

Tăng trưởng GDP nông nghiệp Việt Nam ▲ 1,2%

Tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước đạt 349,2 tỷ đồng, trong đó:

Xuất khẩu ngành nông nghiệp: 32,1 tỷ đồng

Xuất khẩu rau quả: 2,4 tỷ đồng

Năm 2016 cũng là một năm khó khăn đối với ngành nông nghiệp Việt Nam.

Trong suốt năm 2016, quý nào cũng xảy ra thiên tai và đều ở mức độ khốc liệt, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp. Đầu năm, trận rét đậm, rét hại lịch sử trong vòng 60 năm đã gây ra thiệt hại rất lớn cho sản xuất nông nghiệp ở 14 tỉnh miền núi phía Bắc. Sau đó, lần lượt là các đợt hạn hán lớn ở các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cũng như đợt xâm nhập mặn lịch sử (lớn nhất trong vòng 100 năm trở lại đây) ở Đồng bằng sông Cửu Long. Gần đây nhất, từ đầu tháng 10/2016 đến nay, 8 tỉnh Nam Trung Bộ hứng chịu 5 đợt mưa lũ lịch sử với lượng mưa lên đến 2.300 mm - 2.700 mm.

Bên cạnh những thiệt hại to lớn do thiên tai, năm qua Việt Nam còn phải gánh chịu hậu quả nặng nề do sự cố môi trường biển ở 4 tỉnh miền trung là Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Theo ước tính, sự cố này đã khiến cho tăng trưởng ngành nông nghiệp sụt giảm 0,18%.

Vượt qua những khó khăn thử thách, năm 2016 ngành nông nghiệp Việt Nam vẫn thu được những kết quả đáng ghi nhận. Theo đó, tốc độ tăng GDP toàn ngành đạt khoảng 1,2% thấp hơn mức tăng 2,41% năm trước. Giá trị sản xuất của toàn ngành nông nghiệp tăng 1,44%. Tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành ước đạt 32,1 tỷ USD, tăng 1,7 tỷ USD so với năm 2015. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu rau quả của nước ta năm 2016 lần đầu tiên đạt 2,4 tỷ USD được đánh giá là một “đấu ấn” đối với ngành rau quả Việt Nam.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết, bước sang năm 2017, mặc dù khó khăn thách thức được dự báo vẫn chưa giảm nhưng toàn ngành nông nghiệp tiếp tục thực hiện một số chỉ tiêu. Theo đó, mục tiêu tốc độ tăng trưởng GDP nông, lâm, thủy sản đạt 2,5 - 2,8%; tốc độ tăng giá trị sản xuất của ngành 3 - 3,2%; Kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 32 - 32,5 tỷ USD.

## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2016	TH 2016	TH 2016/KH 2016
1	Doanh thu thuần	Triệu Đồng	640.000	460.507	71,95%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu Đồng	70.000	60.460	86,37%
3	Cổ tức	%	10%	5%	50,00%

Một số kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm qua như: Doanh thu thuần đạt 460,51 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 60,50 tỷ đồng và trả cổ tức 5% bằng tiền mặt và đang hoàn tất thủ tục hồ sơ để trả cổ tức 5% bằng cổ phiếu. Dù là kết quả chưa đạt so với mức kế hoạch song đáng ghi nhận trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh chung gặp nhiều khó khăn, đặc biệt sự tăng trưởng doanh thu các dòng sản phẩm chủ đạo là rất đáng khích lệ. Cụ thể:

- Nước quả chanh leo cô đặc đông lạnh – tăng tỷ trọng từ 38,04% trong tổng doanh thu năm 2015 lên 63,21% trong tổng doanh thu năm 2016. Doanh thu của mặt hàng này năm 2016 tăng trưởng vượt bậc với mức tăng 44,16% so với năm 2015;
- Cây giống chanh leo - tăng tỷ trọng từ mức 12,35% tổng doanh thu năm 2015 lên 19,25% tổng doanh thu năm 2016. Doanh thu bán cây giống chanh leo năm 2016 tăng 35,19% so với năm 2015;
- Nước quả Gấc Puree – tăng tỷ trọng gấp đôi từ mức 2,32% tổng doanh thu năm 2015 lên 4,90% tổng doanh thu năm 2016. Mặc dù chiếm tỷ trọng khiêm tốn nhưng là mặt hàng có mức tăng trưởng cao.

### Hoạt động đầu tư

Năm 2016, tiếp tục kiên định với Tầm nhìn và Sứ Mệnh cũng như chiến lược phát triển chuỗi giá trị xanh và khép kín, hoạt động đầu tư của Nafoods Group cũng có nhiều chuyển biến tích cực với nhiều dự án mới:

- Khởi công xây dựng Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu tại Long An với tổng mức đầu tư gần 380 tỷ đồng. Dự án dự kiến hoàn thành và đi vào sản xuất từ quý IV năm 2017;

- Hoàn thành và đưa vào hoạt động dự án mở rộng quy mô Viện giống Công nghệ cao với năng suất 3,5 triệu cây giống/năm;
- Triển khai đầu tư vốn thành lập thêm 2 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc và Công ty Cổ phần Nafoods Pleiku để thực hiện dự án đầu tư liên kết phát triển nguyên liệu chanh leo.

### Hoạt động Quản trị và tổ chức nhân sự:

- Triển khai Dự án xét soát Bản chiến lược phát triển 5 năm (giai đoạn 2017-2021);
- Tiếp tục rà soát và hoàn thiện Mô hình quản trị phù hợp với chiến lược phát triển và hệ thống phương pháp BSC - KPI một cách khoa học và có hiệu quả nhất sau một thời gian đưa vào vận hành và áp dụng để phát triển cân bằng, quản trị tốt mục tiêu và đo lường hiệu quả công việc của Người lao động;
- Triển khai chương trình ESOP nhằm khuyến khích Người lao động làm việc lâu dài cho công ty, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Tuy nhiên việc này chưa được hoàn thành trong năm 2016 do đang dở dang về hồ sơ thủ tục.

### Hoạt động nghiên cứu phát triển:

- Xây dựng dự thảo đề án thành lập Trung tâm R&D (tức là: Viện Nghiên cứu và phát triển) và Ban phát triển kinh doanh;
- Ký kết Thỏa thuận chuyển giao công nghệ phân tích và kiểm soát virus trên cây chanh leo, giữa Nafoods Group và Trường Đại học Quốc gia Chung Hsing;
- Triển khai Dự án nghiên cứu 2 giống chanh leo mới mang thương hiệu Nafoods có khả năng kháng bệnh, cho năng suất cao, phù hợp với khí hậu Miền Trung và Miền Bắc Việt Nam.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Những mặt làm được

Trong năm qua, Ban TGD đã tiếp thu và tuân thủ một cách nghiêm túc những chỉ đạo từ các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện các hoạt động SXKD của Công ty.

Năm 2016 quả thực là 1 năm khó khăn của Ngành nông nghiệp Việt Nam, rất nhiều công ty trong cùng ngành gặp khó khăn dẫn đến bị thua lỗ. Trong hoàn cảnh khó khăn chung nói đó, Ban TGD Nafoods Group vẫn vững vàng chỉ đạo công ty hoàn thành tốt nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh. Mặc dù kết quả doanh thu, lợi nhuận chưa đạt được như kế hoạch đã xây dựng, nhưng trong bối cảnh này, đây vẫn là một kết quả đáng khích lệ.

Trong năm 2016, Ban TGD đã rà soát và hoàn thiện hệ thống quản trị theo phương pháp BSC - KPI một cách khoa học và có hiệu quả nhất sau một thời gian đưa vào vận hành và áp dụng. Đặc biệt, Công ty đã triển khai xây dựng chiến lược trong giai đoạn 5 năm 2017 – 2021 với tôn chỉ “kiên định, tập trung và bền vững” tạo sức bật cho một chiến lược dài hạn tiếp theo.

### Những mặt chưa làm được & Nguyên nhân

Công tác thu hút Nhân sự cao cấp đã được Ban TGD quan tâm, tuy nhiên công tác tuyển dụng, thu hút nhân tài và hoàn thiện bộ máy nhân sự cao cấp trong năm 2016 Công ty đã chưa thực sự hiệu quả. Năm 2016, công ty đã liên tục tuyển dụng bổ sung một số nhân sự cao cấp, song nhiều nhân sự chưa phù hợp với vị trí tuyển dụng và không phát huy được năng lực cần thiết.

Nguyên nhân chính của việc này chính là khâu tuyển dụng đầu vào chưa thực sự kỹ càng và Công ty chưa có chiến lược sử dụng và đào tạo nhân sự cao cấp hiệu quả.

### Tổng kết

Trong 1 năm với rất nhiều khó khăn của Ngành nông nghiệp cả nước nói chung, Công ty vẫn có được kết quả kinh doanh đáng khích lệ. Đây cũng là năm đầu tiên Công ty tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi đã chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán HOSE từ tháng 10/2015.

Với sự kiên định trong việc triển khai chiến lược phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp xanh khép kín từ khâu sản xuất giống, trồng trọt, chế biến và tiêu thụ. Trước những khó khăn của năm 2016, với những kết quả đã đạt được, đã thể hiện sự đoàn kết, đồng tâm hợp lực và quyết tâm cao của Ban Lãnh đạo Nafoods Group; sự phối hợp ăn ý, nhịp nhàng trong tất cả các “mắt xích” của 1 chuỗi giá trị nông nghiệp không ít thách thức mà Nafoods Group đã chọn và tâm huyết.

Bên cạnh hoạt động SXKD, Nafoods Group không những luôn quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho toàn thể CBCNV mà còn tích cực tham gia các hoạt động từ thiện xã hội và các hoạt động đoàn thể. Cụ thể: Chương trình Nafoods Group “MANG XUÂN VỀ” Tết Nguyên đán Bính Thân cho các hộ nghèo vùng biên giới Việt – Lào tại huyện Quế Phong, Nghệ An; Tham gia chương trình “Tết vì người nghèo – Xuân Đình Dậu” do Tỉnh Nghệ An tổ chức; Ký kết hợp đồng “hợp tác đào tạo sinh viên” với Khoa Nông học – Trường Đại học Nông lâm Huế; Tổ chức Công đoàn Công ty CP Nafoods Group đã vinh dự được nhận bằng khen: Công đoàn cơ sở có thành tích xuất sắc trong phong



trào thi đua lao động và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2015 và vinh dự được Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng Bằng khen với thành tích là Công đoàn cơ sở đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh 2016; Tham gia và được giải Hội thi tiết kiệm năng lượng do công đoàn ngành công thương Nghệ An tổ chức;...

HĐQT cùng Ban TGD tin tưởng đây chuỗi giá trị mà Công ty theo đuổi sẽ có nhiều đột phá, hứa hẹn mang lại sự phát triển bền vững, đưa Nafoods Group có vị thế vững chắc trên thương trường, mang lại nhiều giá trị cho cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động và xã hội.

## MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2017

Đánh giá năm 2017 là năm quan trọng, mở đầu thực hiện chiến lược 5 năm (2017-2021) – một giai đoạn chiến lược “**kiên định, tập trung và bền vững**”. HĐQT Công ty phấn đấu thực hiện tốt các công việc đã được ĐHCĐ phê chuẩn, trong đó thực hiện và chỉ đạo Ban TGD thực hiện Mục tiêu kế hoạch năm 2017 như sau:

1. Doanh thu 528 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế: 70 tỷ đồng, chia cổ tức bằng tiền mặt 10% - 12%;
2. Hoàn thành các hạng mục công việc còn tồn đọng theo các Nghị quyết của 2016;
3. Phê duyệt Bản chiến lược phát triển của Nafoods Group 2017-2021. Kiện toàn hoạt động của HĐQT, Ban TGD, hệ thống kiểm soát nội bộ... theo một hệ thống quản trị mới, hiện đại, phù hợp với mô hình chuỗi giá trị dọc, Công ty M - Con;
4. Về thị trường, duy trì và phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao mang thương hiệu Nafoods trên thị trường Châu Âu, Mỹ, Úc, Nhật, Hàn Quốc... phát triển thêm các thị trường xuất khẩu tiềm năng như Dubai, Trung Quốc và Đông Âu;
5. Tăng cường nghiên cứu thị trường, xây dựng báo cáo khả thi dự án tiêu thụ các sản phẩm có giá trị gia tăng cao mang thương hiệu Nafoods vào thị trường trong nước. Đồng thời, tập trung công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, nhằm đưa ra những dòng sản phẩm nước uống bổ dưỡng từ Gấc có lợi ích tốt nhất cho sức khỏe người tiêu dùng;
6. Áp dụng triệt để hệ thống KPI/BSC quản trị hoạt động SXKD nhằm đem lại hiệu quả cao nhất;
7. Chú trọng tối ưu hóa việc ứng dụng công nghệ thông tin để quản trị cơ sở dữ liệu và điều hành hệ thống;
8. Triển khai và đưa vào vận hành đúng tiến độ Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu Long An;
9. Xây dựng trung tâm nghiên cứu phát triển Chanh leo Việt Nam; Thành lập và đưa vào hoạt động 2 bộ máy chức năng quan trọng, đó là: Viện R&D Nafoods và Ban Phát triển kinh doanh;
10. Xây dựng mô hình 10 ha Chanh leo công nghệ cao; Lập Báo cáo khả thi và triển khai Dự án dây chuyền phân loại, bảo quản, đóng gói quả chanh leo tươi tại Pleiku, Gia Lai;
11. Khôi phục Văn phòng đại diện Nafoods Group tại Hà Nội và thành lập Văn phòng đại diện Nafoods tại Hồ Chí Minh đảm bảo hai Văn phòng hoạt động hiệu quả;
12. Tập trung thu hút, tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực quản lý.

HĐQT tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát Ban TGD triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT nhằm đạt được các mục tiêu định hướng của Công ty năm 2017. Bên cạnh đó, HĐQT sẽ theo sát diễn biến của nền kinh tế trong nước và thế giới, chủ động phân tích, nắm bắt tình hình để có những nhận định đúng đắn từ đó kịp thời đưa ra những quyết sách phù hợp nhằm chỉ đạo Ban TGD tổ chức thực hiện nhiệm vụ tốt nhất.

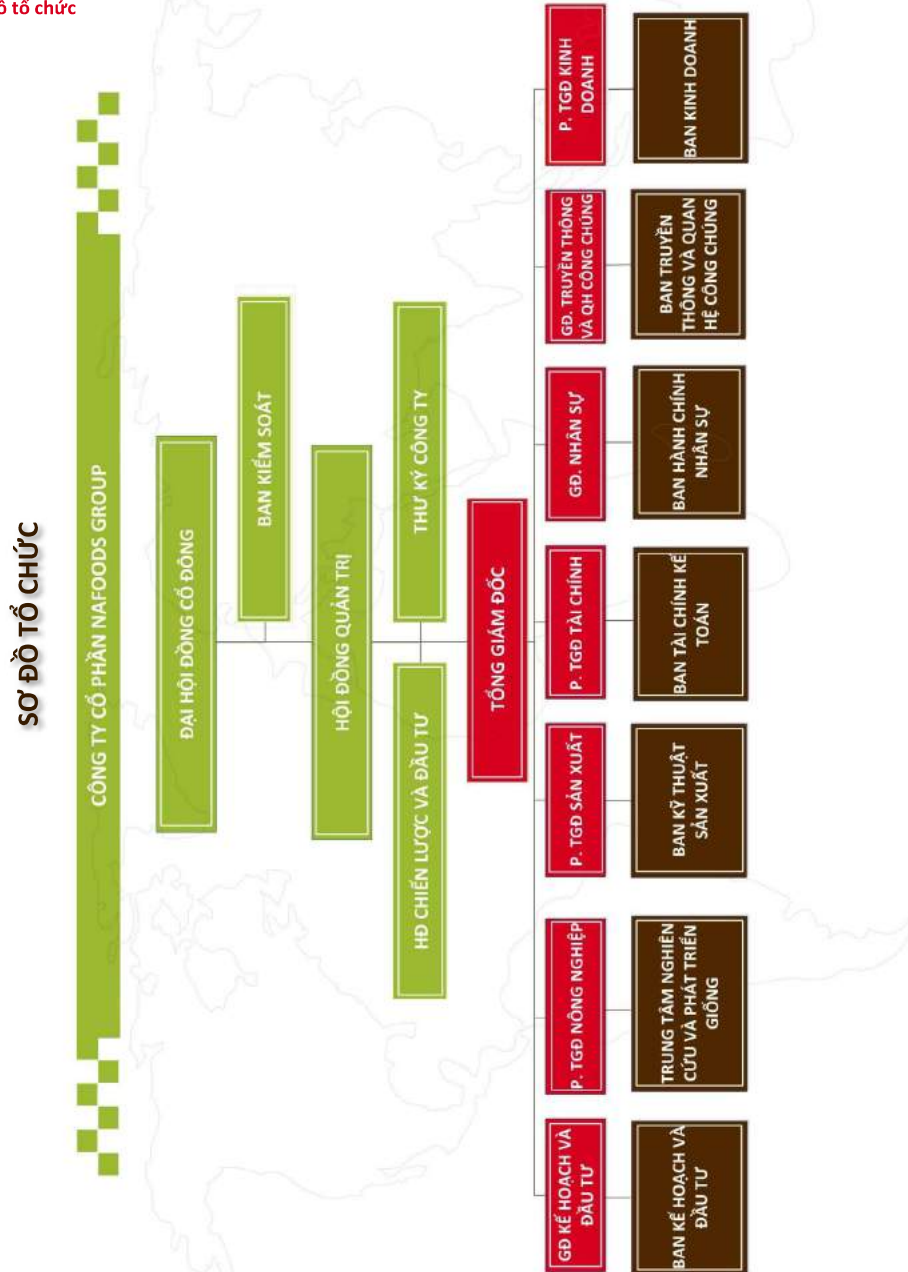


## D. QUẢN TRỊ CÔNG TY



**MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Sơ đồ tổ chức



**Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận**

Công ty Cổ phần Nafoods Group hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với cơ cấu như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông:**  
ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định: thông qua định hướng phát triển công ty; tỷ lệ trả cổ tức hàng năm; thông qua báo cáo tài chính hàng năm; bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; tổ chức lại và giải thể Công ty.
- **Hội đồng quản trị:**  
Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban kiểm soát:**  
BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ.
- **Ban Tổng giám đốc:**  
Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty.
- **Các ban chức năng:** Thực hiện tham mưu và quản lý chuyên môn. Cụ thể như sau:
  - **Ban kế hoạch và đầu tư:**
    - Điều phối xây dựng và theo dõi chiến lược phát triển của tập đoàn;
    - Lập kế hoạch để theo dõi và điều phối nguồn lực cho các đơn vị thực thi;
    - Xây dựng và theo dõi kế hoạch đầu tư dự án;
    - Xây dựng kế hoạch đầu tư tài chính và quản lý danh mục đầu tư tài chính.
  - **Trung tâm thử nghiệm giống:**
    - Nghiên cứu thử nghiệm các giống cây trồng mới phục vụ cho chuỗi sản xuất;
    - Nghiên cứu thử nghiệm công nghệ mới trong chăm sóc phát triển giống;
    - Quản lý công nghệ trồng trọt.
  - **Ban kỹ thuật sản xuất**
    - Quản lý xu hướng đầu tư công nghệ, xây dựng và triển khai quy trình kỹ thuật sản xuất.
  - **Ban kế toán tài chính**
    - Xây dựng và giám sát kế hoạch tài chính hàng năm của tập đoàn;
    - Vận hành & kiểm soát hệ thống hạch toán báo cáo;
    - Nghiệp vụ thu chi, hạch toán, lập báo cáo tài chính kế toán;
    - Quản lý vốn, thu xếp nguồn, đánh giá hiệu quả tài chính toàn hệ thống;
    - Lập các báo cáo kế toán quản trị.
  - **Ban hành chính nhân sự**
    - Xây dựng các chính sách nhân sự, quản lý thực hiện các chính sách; quản lý nguồn nhân lực;
    - Phát triển nguồn nhân lực, tạo nguồn cán bộ quản lý cho tập đoàn;
    - Hành chính quản trị, hậu cần doanh nghiệp.
  - **Ban truyền thông và quan hệ cổ đông (PR&IR)**
    - Quản trị thương hiệu, truyền thông, sự kiện;
    - Quan hệ cộng đồng, đối tác;
    - Quản lý quan hệ cổ đông của tập đoàn và công ty thành viên.
  - **Ban kinh doanh**
    - Lập và theo dõi thực hiện chiến lược kinh doanh;
    - Điều hành hoạt động kinh doanh của các công ty bán hàng;
    - Điều hành hoạt động marketing tại các công ty bán hàng.

**Các biện pháp quản trị**

**Tuân thủ pháp luật về quản trị công ty**

Nafoods Group luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật trong quản trị công ty như:

- Xây dựng Điều lệ và Quy chế quản trị cập nhật với Luật doanh nghiệp 2014 và các quy định hiện hành;
- Công bố thông tin công khai, minh bạch, đầy đủ và kịp thời;
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông đúng trình tự, thủ tục.



**Đào tạo về quản trị công ty:**

Công ty cũng luôn chú trọng việc đào tạo về quản trị công ty cho các thành viên ban lãnh đạo cũng như các cán bộ quản lý để nâng cao hiệu quả quản trị công ty. Cụ thể:

- Công ty cũng tham gia đầy đủ các khóa học về quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức;
- Tham gia các chương trình hội thảo, đào tạo do các công ty tư vấn chứng khoán tổ chức mời tham dự;
- Làm việc với tổ chức tư vấn xây dựng hệ thống quản lý (Công ty quản lý tư vấn OCD) để tiếp tục hoàn thiện bộ công cụ quản lý và điều hành cho Công ty;
- Tổ chức các chương trình hội thảo nội bộ về từng chủ đề gắn với từng mảng hoạt động của Công ty để lắng nghe các ý kiến đề xuất, kiến nghị, các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động từ các phòng ban chuyên môn và các bộ phận liên quan, cụ thể như: Hội thảo thu mua, Hội thảo về công tác kinh doanh giống, Hội thảo đối với các bộ phận hậu cần...;
- Tham gia các chương trình hội thảo về quản lý phù hợp với doanh nghiệp do VCCI, Hội doanh nghiệp trẻ tổ chức;

- Tham gia các chương trình hội thảo về quản lý trong lĩnh vực nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp tổ chức;
- Tham gia các chương trình hội thảo gặp mặt các nhà đầu tư.

**Quản trị sản xuất**

Hiện nay, Nafoods Group đang thực hiện quản trị sản xuất bằng hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn ISO 22000:2005, Tiêu chuẩn AUN, Tiêu chuẩn BRC, Tiêu chuẩn HALAL, Tiêu chuẩn KOSHER, Tiêu chuẩn SGF, Tiêu chuẩn HACCP.

**o Hiệu quả thực hiện:**

- Quản lý hoạt động theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005 và tiêu chuẩn HACCP giúp Công ty kiểm soát hiệu quả công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm thỏa mãn nhu cầu khách hàng và các thị trường khó tính;
- Việc áp dụng tiêu chuẩn ISO 22000:2005 và BRC tạo uy tín của Công ty và góp phần cho việc hợp tác lâu dài giữa Công ty và khách hàng cũng như các tổ chức liên quan đến sản xuất, chế biến, vận chuyển, bao gói, lưu kho, cung cấp thiết bị & dịch vụ... thực phẩm nhằm hỗ trợ cho việc trao đổi thông tin và kinh nghiệm về việc thống nhất hóa các chuẩn mực quốc tế về an toàn thực phẩm;
- Hệ thống tài liệu, hồ sơ được sắp xếp và kiểm soát chặt chẽ giúp việc sử dụng thuận tiện và nhanh chóng, khắc phục những thiếu sót trong quá trình giải quyết công việc;
- Lãnh đạo Công ty và tập thể cán bộ, công nhân viên các đơn vị đã và đang tham gia tích cực trong việc xây dựng, áp dụng và duy trì HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005 và BRC vào hoạt động sản xuất ngày càng hiệu quả.



**➤ Kế hoạch cải tiến**

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ý thức về sự tuân thủ cho đội ngũ công nhân viên thực hiện công tác quản lý, vận hành hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005, BRC và các tiêu chuẩn khác đặc biệt là các nhân viên mới;
- Cải tiến một số quy trình, hạng mục công việc, cơ sở hạ tầng đã không phù hợp với tiêu chuẩn hiện hành.

**Quản lý kế hoạch sản xuất – kinh doanh:**



Hiện tại Công ty áp dụng công cụ quản lý BSC/KPI để quản lý kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, theo bộ công cụ này nhân sự Công ty được quản trị:

- Từ mô hình quản trị xây dựng Cơ cấu tổ chức Công ty và thiết lập ma trận phân bổ chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, phòng ban;
- Từ ma trận chức năng xây dựng hệ thống bản mô tả công việc cho từng cá nhân;
- Từ chiến lược của Công ty xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả theo mục tiêu (BSC): Hệ thống chỉ tiêu công ty (KPI công ty) => Hệ thống chỉ tiêu bộ phận (KPI bộ phận) => Hệ thống chỉ tiêu cá nhân (KPI cá nhân), đồng thời xây dựng bộ năng lực cốt lõi của Nafoods Group;

- Xây dựng hệ thống đánh giá BSC/KPI;
- Từ năng lực cốt lõi của tổ chức xây dựng hệ thống đánh giá năng lực cán bộ công nhân viên;
- Áp dụng chính sách trả lương, thưởng cho người lao động theo vị trí công việc, năng lực cá nhân, mức độ hoàn thành mục tiêu, kế hoạch cá nhân nhằm đảm bảo sự công bằng và tạo động lực cho người lao động, thúc đẩy hoàn thành mục tiêu của tổ chức – còn gọi là chính sách trả lương 3 Ps .

**Ứng dụng Công nghệ thông tin**

- Áp dụng các phần mềm hỗ trợ công việc như: phần mềm kế toán online của FAST, các sản phẩm phần mềm kê khai thuế, bảo hiểm, hải quan do Nhà nước triển khai;
- Xây dựng các hệ quản trị cơ sở dữ liệu hướng tới áp dụng công nghệ lưu trữ điện toán đám mây trên các server. Đưa kế hoạch áp dụng các sản phẩm phần mềm bản quyền từ Google: Hệ thống Email, hệ thống họp trực tuyến, xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi cây trồng,...

**➤ Kế hoạch cải tiến:**

- Xây dựng hệ thống họp trực tuyến;
- Chuyển đổi hệ thống email và triển khai môi trường cộng tác (Office 365 hoặc Google app);
- Lắp đặt hệ thống camera để điều hành sản xuất;
- Nâng cấp hệ thống mạng LAN;
- Xây dựng hệ thống công cụ phục vụ vận hành và kiểm soát quy trình bằng Excel;
- Trang bị bổ sung, nâng cấp thiết bị văn phòng cho các công ty thành viên Quý;
- Xây dựng Data Center dựa trên công nghệ điện toán đám mây (Thuê cơ sở hạ tầng máy chủ);
- Nâng cấp đồng bộ đường truyền Internet.



**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Thành viên hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu
1	<b>Ông Nguyễn Mạnh Hùng</b>	Chủ tịch	25,0000%
2	<b>Bà Phan Thị Minh Châu</b>	Phó chủ tịch	4,8000%
3	<b>Ông Nguyễn Tiến Chinh</b>	Thành viên	0,0167%
4	<b>Ông Lê Văn Minh</b>	Thành viên	0,0000%
5	<b>Ông Nguyễn Văn Bộ</b>	Thành viên	0,0000%

**Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2016**

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Nafoods Group đã tổ chức 05 cuộc họp HĐQT (Theo định kỳ mỗi Quý tổ chức 1 cuộc họp và 1 cuộc họp mang tính chất bổ sung) để thông qua các nội quan trọng trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.

Tại cuộc họp Đại hội đồng thường niên diễn ra ngày 23/04/2016, Đại hội đã tiến hành miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT là ông Hoàng Tất Thắng, bầu bổ sung 01 thành viên khác là ông Nguyễn Văn Bộ, do đó danh sách HĐQT tham dự các cuộc họp liệt kê theo bảng như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch	5/5	100%	
2	Bà Phan Thị Minh Châu	Phó chủ tịch	5/5	100%	
3	Ông Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên	5/5	100%	
4	Ông Lê Văn Minh	Thành viên	5/5	100%	
5	Ông Hoàng Tất Thắng	Thành viên	1/5	100%	(Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2016)
6	Ông Nguyễn Văn Bộ	Thành viên	4/5	100%	(Bầu bổ sung, thay thế ông Hoàng Tất Thắng từ ngày 23/4/2016)

**Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm:**

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	10/2016/NQ-HĐQT	22/01/2016	- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016; - Đề xuất tổ chức ĐHCĐ thường niên và đưa ra những quyết định về các vấn đề liên quan đến việc tổ chức ĐHCĐ thường niên; - Phê chuẩn trước báo cáo thường niên của công ty.

2	11/2016/NQ-HĐQT	10/06/2016	- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 4 tháng đầu năm và kế hoạch kinh doanh Quý III của Công ty Cổ phần Nafoods Group;  - Thông qua chủ trương thành lập Trung tâm nghiên cứu của Nafoods Group;  - Thông qua việc góp 1.400.000.000 VNĐ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) để thành lập Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc;  - Thông qua việc góp 3.500.000.000 VNĐ (Ba tỷ năm trăm triệu đồng) để thành lập Công ty Cổ phần Nafoods Pleiku.
3	12/2016/NQ-HĐQT	30/09/2016	- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 8 tháng đầu năm của Công ty Cổ phần Nafoods Group và kế hoạch kinh doanh Quý IV/2016;  - Thông qua báo cáo cập nhật tiến độ triển khai dự án xây dựng Nhà máy chế biến hoa quả xuất khẩu tại Long An.
4	13/2016/NQ-HĐQT	10/12/2016	- Thông qua một số nội dung phương án phát hành theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông đối với phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nhằm mục đích thực hiện dự án;  - Thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ sau khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để huy động vốn thực hiện dự án;  - Thông qua việc phát hành cổ phần mới và danh sách người lao động theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)  - Thông qua việc chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Nafoods Group tại Hà Nội theo Sổ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động 2900326375-001 ngày cấp 10/03/2015 nơi cấp Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội. Lý do chấm dứt hoạt động: Do cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công ty không còn cần thiết phải có văn phòng đại diện tại Hà Nội.
5	14/2016/NQ-HĐQT	27/12/2016	Chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐQT ngày 10/12/2016 theo đề nghị của Ủy ban chứng khoán nhà nước theo Công văn số 8442/UBCK-QLCB về hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng của NAF ngày 21/12/2016.

**Kết quả thực hiện các nghị quyết của HĐQT và HĐQT**

Bên cạnh kết quả thực hiện kế hoạch SXKD như đã nêu ở trên, về cơ bản các chỉ đạo của HĐQT trong các Nghị Quyết đã được Ban TGD thực hiện, ngoại trừ còn một vài nội dung như:

- Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2015 (5% vốn điều lệ);
- Phát hành cổ phiếu mới để tăng vốn Điều lệ (10% vốn điều lệ);
- Phát hành cổ phiếu (5% vốn điều lệ) theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP).

Nguyên nhân do một số yếu tố khách quan trong quá trình triển khai đầu tư Dự án xây dựng nhà máy xuất khẩu rau quả Long An thuộc Công ty Cổ Phần Nafoods Miền Nam dẫn đến việc bổ sung hồ sơ phát hành với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bị chậm trễ, tiến độ phát hành không đảm bảo theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2016. Hiện tại hồ sơ phát hành cổ phiếu của Công ty đang tiếp tục được theo dõi, bổ sung tài liệu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngoài ra, chưa thực hiện trích quỹ dự phòng tài chính (5% Lợi nhuận sau thuế của 2015) do Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 đã hướng dẫn không thực hiện trích Quỹ Dự phòng tài chính, mà số quỹ dự phòng tài chính trước đó đã trích sẽ được kết chuyển sang Quỹ Đầu tư Phát triển. Do đó, số lợi nhuận tương ứng để trích Quỹ dự phòng tài chính vẫn đang treo tại Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.**

Công ty hiện nay có 2 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là ông Lê Văn Minh và ông Nguyễn Văn Bộ. Hai thành viên trên đều rất nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp vì là lãnh đạo cao cấp các Bộ ngành vừa nghỉ hưu, nay tiếp tục cống hiến cho sự phát triển của Công ty Nafoods Group.

**Hoạt động giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc**

Trong năm 2016 HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban Tổng giám đốc tích cực triển khai công tác huy động vốn thông qua các Ngân hàng, các Quỹ, các tổ chức tín dụng để vay vốn, kêu gọi hợp tác đầu tư nhằm đảm bảo nguồn vốn kinh doanh ngắn hạn, trung và dài hạn cho toàn hệ thống Nafoods. Công ty đã có những kết quả tích cực khi đã tiến hành mời được Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam bảo lãnh và cho vay vốn đối với Dự án xây dựng Nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu tại Long An đồng thời đang trong quá trình đàm phán các bước tiếp theo với một số Quỹ đầu tư nước ngoài đầu tư vào Công ty.

Năm 2016 cũng là năm để đánh giá kết quả việc triển khai hệ thống BSC/KPI của toàn hệ thống Nafoods trong những năm vừa qua. Với chiến lược sử dụng KPI như là một công cụ hiệu quả để thực hiện công tác giám sát của HĐQT đối với Ban TGD Công ty, HĐQT đã nghiêm túc chỉ đạo Ban TGD Công ty mời Chuyên gia đầu ngành về làm việc để đánh giá, soát xét lại hệ thống BSC/KPI được thực hiện trong thời gian qua, đồng thời hoàn chỉnh bổ sung và thiết lập BSC và hệ thống đánh giá KPI mới cho toàn bộ hệ thống trong năm 2017, xây dựng Bản chiến lược Công ty Cổ phần Nafoods Group trong giai đoạn 5 năm 2017 - 2021.

**BAN KIỂM SOÁT**

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Nguyễn Thị Phương Hồng	Trưởng BKS	0,0334%
2	Ông Hồ Minh Tuấn	Thành viên BKS	0,0100%
3	Ông Hồ Quốc Công	Thành viên BKS	0,0167%

**Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016**

**Nội dung tổng quát:**

Trong năm 2016 Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

- Giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban TGD theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty;
- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Kiểm tra, giám sát công tác điều hành tài chính và lập báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm soát việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư của các dự án; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông thường niên;
- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông;
- Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông.
- **Thống kê các buổi họp:**

Trong năm 2016, BKS đã thực hiện 04 phiên họp định kỳ hàng quý với 100% số lượng thành viên tham dự. Ngoài ra các thành viên BKS còn thường xuyên trao đổi công việc qua điện thoại, email, ... để làm rõ những vấn đề chuyên môn liên quan và giải quyết kịp thời các công việc đột xuất.

STT	Ngày	Nội dung	Số thành viên tham dự
1	25/04/2016	Phân công trách nhiệm theo dõi giám sát cho từng thành viên BKS Thống nhất kế hoạch làm việc của BKS năm 2016.	4/4
2	04/07/2016	Tổng kết công tác 6 tháng đầu năm. Đưa ra kế hoạch làm việc 6 tháng tiếp theo.	4/4
3	30/11/2016	Rà soát các quy chế, quy trình Công ty đề ra. Báo cáo công tác điều hành của Ban TGD.	4/4
4	15/01/2017	Kiểm tra, rà soát các hoạt động góp vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc và Công ty Cổ phần Nafoods Pleiku Tổng kết các hoạt động của BKS trong năm 2016.	4/4

**Hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty trong năm 2016**

- Các chỉ tiêu chủ yếu:

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị: Đồng

TÀI SẢN		Số cuối năm 2016	Số đầu năm 2016
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>420.102.591.899</b>	<b>452.087.836.379</b>
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	17.337.566.349	30.050.674.202
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	33.000.000.000	33.000.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	309.960.035.799	335.629.482.944
IV	Hàng tồn kho	37.866.749.950	33.813.697.606
V	Tài sản ngắn hạn khác	21.938.239.801	19.593.981.627
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200.191.125.135</b>	<b>99.286.300.356</b>
I	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
II	Tài sản cố định	89.263.579.732	27.862.884.647
	- Tài sản cố định hữu hình	28.465.421.189	27.758.209.918
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- TSCĐ vô hình	60.798.158.543	104.674.729
III	Bất động sản đầu tư	-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	32.488.494.169	1.867.784.935
V	Đầu tư tài chính dài hạn	57.993.945.846	53.984.775.132
VI	Tài sản dài hạn khác	20.445.105.388	15.570.855.642
VI	Lợi thế thương mại	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>620.293.717.034</b>	<b>551.374.136.735</b>

NGUỒN VỐN		Số cuối năm 2016	Số đầu năm 2016
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>193.267.554.819</b>	<b>150.415.213.457</b>
I	Nợ ngắn hạn	185.692.790.356	141.838.753.926
II	Nợ dài hạn	7.574.764.463	8.576.459.531
<b>B</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>427.026.162.215</b>	<b>400.958.923.278</b>
I	Vốn chủ sở hữu	427.026.162.215	400.958.923.278
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>620.293.717.034</b>	<b>551.374.136.735</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>462.720.610.452</b>	<b>533.498.770.416</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2.213.856.888	2.773.068.362
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>460.506.753.564</b>	<b>530.725.702.054</b>
4. Giá vốn hàng bán	334.307.860.889	419.365.035.766
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>126.198.892.675</b>	<b>111.360.666.288</b>

6. Doanh thu hoạt động tài chính	7.224.937.274	10.273.767.010
7. Chi phí tài chính	10.557.754.271	12.484.778.301
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>5.466.151.884</i>	<i>7.486.102.764</i>
8. Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	143.945.846	(15.224.868)
9. Chi phí bán hàng	29.388.390.221	26.663.995.216
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.797.456.248	13.070.869.044
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>67.824.175.055</b>	<b>69.399.565.869</b>
12. Thu nhập khác	185.790.307	449.938.109
13. Chi phí khác	335.747.031	670.983.820
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>(149.956.724)</b>	<b>(221.045.711)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>67.674.218.331</b>	<b>69.178.520.158</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.177.724.302	3.394.045.536
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.036.980.528	346.665.841
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60.459.513.502</b>	<b>65.437.808.781</b>
<i>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>11.669.307.146</i>	<i>20.054.844.183</i>
<i>Lợi ích của cổ đông Công ty mẹ</i>	<i>48.790.206.356</i>	<i>45.382.964.598</i>
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>1.626</b>	<b>1.751</b>

**Đánh giá của BKS về kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính:**

- Báo cáo tài chính năm 2016 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định.
- Các báo cáo tài chính năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.
- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty “đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”
- Công tác báo cáo, công bố thông tin định kỳ và theo yêu cầu của UBCKNN; Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được thực hiện theo đúng nội dung quy định của một Công ty niêm yết.
- Công ty đã thực hiện tương đối tốt các nhiệm vụ công tác SXKD, đầu tư mở rộng các quỹ theo đúng quy định. Tính đến thời điểm 31/12/2016, các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển.
- Tại thời điểm 31/12/2016, vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 427 tỷ đồng. Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành 30.000.000, lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu 1.640 đ/cổ phiếu.
- Sau khi xem xét, thẩm tra, Ban kiểm soát hoàn toàn đồng ý với Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K.

**Kết quả hoạt động giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGĐ và các cấp quản lý của Công ty trong năm 2016**

- Qua giám sát, Ban Kiểm Soát đánh giá công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban Điều Hành đã tuân thủ đầy đủ quy định pháp lý liên quan tới hoạt động SXKD cũng như phù hợp với Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, không có dấu hiệu bất thường.
- Báo cáo hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty, các văn bản, Nghị quyết của HĐQT phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, báo cáo đã nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả đạt được, những vấn đề còn tồn tại chưa hoàn thành và đưa ra các giải pháp thực hiện trong năm 2017 như xây dựng chiến lược kinh doanh và kế hoạch mục tiêu năm 2017. Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc trong năm 2016.
- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2016 thông qua.
- Thực hiện phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2015 số tiền: 15 tỷ đồng.
- Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ từ lợi nhuận: Trích lập quỹ đầu tư phát triển: 2.844.098.766 đồng; Trích lập quỹ khen thưởng: 2.844.098.766 đồng.
- Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2016. Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.
- Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2016 theo đúng mức đã

được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua.

- Các quy trình hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo đúng pháp luật; các chế độ, quyền lợi của người lao động được thực hiện theo đúng Luật lao động.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cụ thể:
  - Thực hiện ký kết hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật lao động;
  - Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trả lương hàng tháng được kịp thời đầy đủ, ngoài ra các chế độ phúc lợi khác như xét khen thưởng cuối năm hoặc đột xuất luôn được duy trì đúng quy định và trình tự xét duyệt, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ việc, ốm đau, bệnh tật được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động trong Công ty;
  - Các tổ chức chính trị xã hội: Công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên đã được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước, Luật Doanh nghiệp;
  - Trong năm 2016, Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động kinh doanh. Không phát sinh mâu thuẫn, xung đột lợi ích với những người có liên quan;
  - Đối với cổ đông: Trong năm 2016, Ban kiểm soát Công ty không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty.

**Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm**

Với tinh thần trách nhiệm xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của các cổ đông giao cho, BKS luôn phối hợp trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với HĐQT, BTDH trong việc xây dựng các quy chế, nghị quyết, quyết định.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao, đối với cổ đông Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Nhìn chung trong năm 2016 HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã có nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, các Đơn vị trực thuộc, Phòng/Ban nghiệp vụ đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD có lãi, đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, duy trì và bảo toàn vốn của các cổ đông.

**Những kết quả đạt được:**

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban và toàn thể CBCNV của Công ty CP Nafoods Group. Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2016 theo chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ hoạt động của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông giao, đồng thời các thành viên Ban kiểm soát cũng đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2016 theo bảng phân công công việc của Ban kiểm soát.

**Kiến nghị và phương hướng hoạt động của BKS đối với 2017**

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của các phòng ban Công ty; Tăng cường vai trò của Hệ thống kiểm soát nội nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định, giảm thiểu sai sót, nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong sản xuất kinh doanh;
- Tăng cường công tác quản lý và điều hành hiệu quả các dự án đầu tư;
- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính ĐHĐCĐ giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- Trong công tác điều hành, Ban Tổng Giám đốc cần có biện pháp để nâng cao khả năng thanh toán cho Công ty, quản lý tốt lượng tiền mặt và tài sản ngắn hạn sao cho vừa đảm bảo tỷ lệ thanh khoản hợp lý, vừa không gây lãng phí cho công ty;
- Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo đủ vốn, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty;
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện hành phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả, vừa thực hiện đúng Điều lệ Công ty và đúng pháp luật;
- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty;
- Tổ chức học tập, nâng cao nhận thức về an toàn lao động và tăng cường công tác giám sát kiểm tra an toàn nhằm giảm thiểu tối đa tai nạn lao động tại hiện trường;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa, hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính;
- Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

**Phương hướng hoạt động của BKS đối với 2017**

Trong năm 2017, Ban kiểm soát tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty;
- Thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh, triển khai các dự án đầu tư của Công ty. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trình Đại hội cổ đông;
- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ban điều hành nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- Giám sát sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát;
- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

**LƯƠNG, THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS NĂM 2016**

	Họ và tên	Chức danh	Thù lao
Hội đồng quản trị	1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch	72.000.000
	2. Bà Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch	60.000.000
	3. Ông Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên	48.000.000
	4. Ông Nguyễn Văn Bộ	Thành viên	48.000.000
	5. Ông Lê Văn Minh	Thành viên	48.000.000
	<b>Tổng</b>		<b>276.000.000</b>
Ban kiểm soát	1. Bà Nguyễn Thị Phương Hồng	Trưởng Ban	36.000.000
	2. Ông Hồ Quốc Công	Thành viên	24.000.000
	3. Ông Hồ Minh Tuấn	Thành viên	24.000.000
	<b>Tổng</b>		<b>84.000.000</b>

**GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

Kể từ sau khi niêm yết, Công ty đã có 2 giao dịch của cổ đông nội bộ như sau:

- Giao dịch của cổ đông nội bộ: Bà Đặng Thị Loan (Nguyên Trưởng ban kiểm soát) đã thực hiện mua và bán 50.450 cổ phiếu NAF từ ngày 18/02/2016 đến ngày 15/03/2016;
- Giao dịch của người liên quan: Ông Nguyễn Văn Tuấn (Người có liên quan với Bà Nguyễn Thị Trang - Kế toán trưởng) đã thực hiện mua và bán 18.190 cổ phiếu NAF từ ngày 22/02/2016 đến ngày 16/03/2016.

**QUẢN TRỊ RỦI RO**

STT	Rủi ro	Xu hướng/giải pháp phòng ngừa rủi ro
1.	<p><b>Rủi ro kinh tế</b></p> <p>Rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất,... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng trưởng kinh tế: Là một bộ phận của nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của Công ty luôn gắn liền với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Những biến động trong kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng ngay đến tốc độ đầu tư của nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Nafoods Group;</li> <li>- Lạm phát: Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến sức mua của người tiêu dùng;</li> <li>- Lãi suất: Công ty sử dụng nguồn vốn vay từ các ngân hàng thương mại để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh vì vậy những biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến Công ty.</li> </ul>	<p>Kinh tế vĩ mô của Việt Nam những năm qua cơ bản ổn định: Tốc độ tăng trưởng GDP tuy có chậm lại trong năm 2016 tuy vẫn ở mức tương đối tốt; lạm phát được kim chế ở mức thấp; lãi suất ngân hàng thấp và ổn định. Đây là những điều kiện thuận lợi để Công ty tận dụng và phát triển.</p>
2	<p><b>Rủi ro luật pháp</b></p> <p>Rủi ro phát sinh do việc không kịp thời nắm bắt các quy định của pháp luật dẫn tới các tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất kinh doanh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên còn nhiều hạn chế cũng như thường xuyên thay đổi;</li> <li>- Để hạn chế những tác động này, Nafoods Group đã xây dựng điều lệ và quy chế quản trị cập nhật với những văn bản pháp luật mới nhất.</li> </ul>
3	<p><b>Rủi ro chuỗi cung ứng</b></p> <p>Là rủi ro phát sinh khi nguồn cung cấp nguyên liệu không có sẵn và/hoặc thiếu gây ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục và tăng giá thành sản phẩm.</p>	<p>Nafoods Group chủ động xây dựng vùng nguyên liệu cũng như kết hợp với bà con nông dân trong việc bao tiêu nông sản để hạn chế rủi ro này.</p>
4	<p><b>Rủi ro vận hành chuỗi giá trị</b></p> <p>Kết quả không tốt tại một khâu nào đó trong chuỗi giá trị sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống.</p>	<p>Nafoods Group thực hiện chuỗi giá trị từ việc lựa chọn giống, chăn nuôi, trồng trọt, đến sản xuất và xuất khẩu. Mô hình này đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng và đồng bộ của toàn hệ thống. Công ty nhận thức rõ tầm quan trọng của các khâu, quy trình vận hành và đưa</p>



		ra phương thức quản trị tốt nhằm giảm thiểu rủi ro này.
5	<b>Rủi ro trong vận chuyển và bảo quản thành phẩm</b>  Quá trình vận chuyển gặp trục trặc dẫn đến chất lượng sản phẩm không được đảm bảo khi tới tay khách hàng.	Nafoods Group giảm thiểu thời gian vận chuyển từ vùng nguyên liệu tới nhà máy chế biến để hạn chế rủi ro này.  Bên cạnh đó, quá trình bảo quản và vận chuyển sản phẩm cũng được kiểm tra kỹ lưỡng và chặt chẽ.
6	<b>Rủi ro thời tiết</b>  Là rủi ro phát sinh khi các tác động xấu của thời tiết ảnh hưởng xấu đến nguồn nguyên liệu trực tiếp và gián tiếp của Công ty.	Thời tiết hiện nay bị ảnh hưởng nhiều của biến đổi khí hậu và thay đổi khó lường trước. Công ty đã thực hiện những biện pháp trồng trọt và bảo quản nhằm giảm ảnh hưởng của rủi ro thời tiết.
7	<b>Rủi ro tỷ giá</b>  Tỷ giá thay đổi ảnh hưởng đến dư nợ vay USD và giá bán bằng USD của các sản phẩm xuất khẩu.	Xu hướng đồng USD tăng giá có lợi cho Nafoods Group do Công ty xuất khẩu và thu doanh thu bằng USD.
8	<b>Rủi ro cạnh tranh</b>  Cạnh tranh của các thương hiệu khác tại Việt Nam và quốc tế.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xu hướng cạnh tranh ngày càng gia tăng cùng với quá trình toàn cầu hóa;</li> <li>- Các giải pháp giảm thiểu rủi ro đã được triển khai như phát triển sản phẩm thuộc thị trường ngách, độc quyền duy nhất trên thị trường, giá cả hợp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.</li> </ul>
9	<b>Rủi ro truyền thông đại chúng</b>  Ảnh hưởng của dư luận, xã hội tác động không tốt đến hình ảnh của Nafoods Group.	Người tiêu dùng hiện đại có xu hướng bị ảnh hưởng bởi thông tin đại chúng, mạng xã hội. Giải pháp của Nafoods Group: Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng chu đáo, giải quyết thắc mắc của khách hàng kịp thời; duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động quan hệ nhà đầu tư.
10	<b>Rủi ro chất lượng sản phẩm</b>  Sản phẩm trong quá trình sản xuất gặp vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng.	Sản phẩm của Nafoods Group được kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế như: ISO 22000:2005, AIJN, BRC, HALAL, KOSHER, SGF, HACCP và ngoài ra còn có kiểm soát chất lượng nội bộ của Nafoods Group. Rủi ro này đang được kiểm soát hiệu quả.



# E. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



## MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Những năm qua, Nafoods Group đã có những bước phát triển ấn tượng; trở thành một trong những doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu các sản phẩm nước ép trái cây và rau củ quả lớn nhất tại Việt Nam và đang không ngừng nỗ lực chinh phục thị trường quốc tế. Nafoods Group luôn xác định nguyên tắc kinh doanh là gắn kết một cách hài hòa giữa mục tiêu kinh doanh và trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và môi trường.

Vì vậy, suốt 22 năm qua, Công ty luôn theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững với tâm niệm đưa sản phẩm của một chuỗi giá trị nông nghiệp xanh, khép kín với một mô hình quản trị theo hướng chuyên môn hóa mang thương hiệu và bản sắc văn hóa Nafoods – “**trọn vẹn từ thiên nhiên**” đến với khách hàng, cùng với bảo vệ môi trường và tạo ra những tác động tích cực đến cộng đồng & xã hội.

## PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ NÔNG NGHIỆP XANH VÀ KHÉP KÍN

### Mô hình chuỗi giá trị nông nghiệp xanh và khép kín

Nafoods Group là doanh nghiệp tiên phong trong việc áp dụng chuỗi giá trị nông nghiệp xanh cạnh tranh toàn cầu, phát triển bền vững từ giống - trồng trọt đến sản xuất, chế biến và tiêu thụ.



Nghiên cứu và phát triển cây giống



Không ngừng mở rộng vùng nguyên liệu



Sản xuất theo dây chuyền khép kín, hiện đại



Xuất khẩu tới 60 quốc gia trên thế giới

### Chính sách hợp tác với bà con nông dân và chính quyền địa phương

giao các kiến thức khoa học và kỹ thuật mới.

#### Hợp tác với bà con nông dân

Hiện tại Công ty Cổ phần Nafoods Group đang hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, với một chu trình khép kín “Giống, trồng, sản xuất, xuất khẩu”. Để đảm bảo được nguyên liệu đủ và chất lượng cho sản xuất và xuất khẩu, nên Nafoods Group xác định việc hợp tác với bà con nông dân là điều kiện cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phát triển nông nghiệp đã và sẽ tiếp tục được Nafoods Group tổ chức các chương trình hướng dẫn các hộ dân sản xuất có nhu cầu về quy trình sản xuất các loại rau quả an toàn, thu mua tiêu thụ sản phẩm; hướng dẫn và hỗ trợ thủ tục chứng nhận VietGap và hỗ trợ tài chính. Với việc kiểm soát khép kín từ đồng ruộng đến tiêu thụ về đến nhà máy sản xuất, Chương trình sẽ cắt giảm được tối đa các khâu trung gian, tập trung nâng cao chất lượng nông sản cung ứng cho sản xuất của Nafoods Group.

Cụ thể, Nafoods Group tổ chức đào tạo định kỳ kỹ thuật sản xuất, kiến thức sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, hướng dẫn cách ghi chép nhật ký đồng ruộng. Các hộ sản xuất sẽ được kết nối và hướng dẫn cách tuân thủ tiêu chuẩn và làm thủ tục đăng ký VietGap. Quan trọng nhất, để bảo đảm đầu ra ổn định cho các hộ sản xuất, với những sản phẩm đạt chuẩn an toàn, Nafoods Group đã thu mua sản phẩm theo sản lượng đã cam kết với người dân.

Các diện tích đất trên vùng nguyên liệu cũng được công ty tổ chức lấy mẫu, phân tích miễn phí thành phần hóa học đất. Trên cơ sở phân tích đất, Công ty sẽ tư vấn công thức, cách thức bón phân hoặc hướng dẫn nông dân đầu tư các loại phân bón phù hợp để bổ sung các chất dinh dưỡng đất đang thiếu hụt.

Mặt khác, Nafoods Group đã lựa chọn những nông dân, xóm trưởng tiêu biểu tổ chức đào tạo dài hạn theo hướng chuyên sâu để họ trở thành “Khuyến nông viên cơ sở” tại từng địa bàn, hỗ trợ công ty trong quá trình chuyển

Bên cạnh đó, Công ty còn đầu tư trang thiết bị để ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, bảo đảm minh bạch hóa thông tin về địa điểm sản xuất, chủ hộ sản xuất. Người tiêu dùng có thể dễ dàng tra cứu thông tin nông sản. Đặc biệt, đối với những hộ sản xuất đủ điều kiện, Nafoods Group hỗ trợ tài chính một phần cho các hộ có điều kiện kinh tế khó khăn.

Tổng Giám đốc Nafoods đã chỉ đạo thực hiện: “Mục tiêu lớn nhất của chương trình là cung cấp thực phẩm sạch cho người tiêu dùng; thứ hai là hỗ trợ bà con nông dân tiếp cận với kỹ thuật, công nghệ tiên tiến nhằm thay đổi và tối ưu hóa sản xuất nông nghiệp; tiến tới từng bước xây dựng được các thương hiệu nông sản Việt có tầm Quốc tế”.

Nafoods Group đang vận động nông dân cam kết trồng theo quy trình ít sử dụng thuốc bảo vệ thực vật,... bảo đảm an toàn thực phẩm. Khuyến khích nông dân tham gia các mô hình hợp tác để nhận được hỗ trợ của doanh nghiệp. Ngoài ra, Nafoods Group sẽ phối hợp các bộ, ngành để giám sát và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm về an toàn thực phẩm, ảnh hưởng tới sức khỏe, tính mạng của người dân.

#### Phối hợp với chính quyền địa phương

Trong quá trình phát triển, Nafoods Group luôn xác định phát triển vùng nguyên liệu, nhà máy sản xuất theo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước mà đại diện trực tiếp quản lý đó là Chính quyền địa phương sở tại.

Nghiên cứu và cập nhật các văn bản Nhà nước thường xuyên liên tục để phát triển vùng nguyên liệu heo đúng quy định.

Thường xuyên cùng chính quyền địa phương tổ chức hội nghị, nghiên cứu để định hướng, quy hoạch vùng trồng nguyên liệu phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng cũng như tập tục canh tác của người dân bản địa.

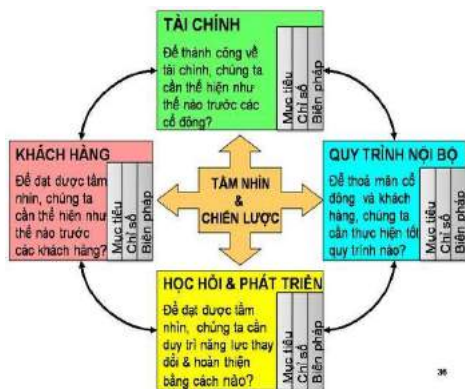
## QUẢN TRỊ MỤC TIÊU VÀ ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP BẰNG PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ HIỆN ĐẠI

Áp dụng Thẻ điểm cân bằng (BSC) để quản trị mục tiêu và điều hành hệ thống

Ý thức được để một chuỗi giá trị dọc đặc biệt là chuỗi giá trị nông nghiệp phát triển bền vững là một thách thức lớn đối với người Lãnh đạo.

Nafoods Group hiểu rằng yếu tố “cân bằng” sẽ góp phần rất quan trọng để hướng tới sự phát triển bền vững. Bởi vậy, cách đây 5 năm, Nafoods Group đã tiếp cận và ứng dụng phương pháp Thẻ điểm cân bằng để quản trị mục tiêu và điều hành toàn hệ thống.

Ở Nafoods Group, bốn khía cạnh Tài chính, Khách hàng, Quy trình nội bộ, Học tập – Phát triển của Thẻ điểm cân bằng được cấu trúc xuyên suốt từ Sứ mệnh, Các giá trị cốt lõi, Tầm nhìn, Chiến lược và Kế hoạch của tổ chức thông qua Bản đồ chiến lược; được áp dụng xuyên suốt từ công ty Mẹ đến các công ty thành viên, từ cấp Lãnh đạo cao nhất đến nhân viên.



Thông điệp về quan hệ Nhân – Quả của Thẻ điểm cân bằng đã được thấm nhuần từ Lãnh đạo cấp cao đến các vị trí quản lý cấp trung và xuống đến từng người nhân viên – công nhân của Nafoods Group. Rằng: Để hiện thực hóa được Tầm nhìn - Sứ mệnh đã tuyên bố, những mục tiêu kế hoạch đã đề ra, những năm qua Nafoods Group đã tập trung chú trọng phát triển năng lực nguồn nhân lực nội tại, không ngừng hoàn thiện, chuẩn hóa mô hình quản trị và hệ thống quy trình nội bộ để hướng tới sự chuyên nghiệp. Làm được điều đó, chuỗi giá trị nông nghiệp của Nafoods Group mới đáp ứng những đòi hỏi khắt khe và mang lại những lợi ích tốt nhất cho Khách hàng.



Ở Nafoods Group, BSC và KPI là “đôi bạn” cùng đồng hành.



Song song với việc áp dụng BSC để phát triển doanh nghiệp cân bằng, Nafoods Group chọn KPI làm công cụ để đánh giá, đo lường hiệu quả làm việc của các công ty, các phòng ban và mỗi cá nhân từ người công nhân/ nhân viên cho tới Lãnh đạo cấp cao.

Tương ứng trên từng khía cạnh của Thẻ điểm cân bằng, hàng năm Nafoods Group xây dựng: (i) các mục tiêu cụ thể, (ii) thước đo cho từng mục tiêu, (iii) chương trình hành động cho từng mục tiêu cụ thể cho từng bộ phận/ đơn vị và mỗi một cá nhân.

Đã 5 năm, mỗi một cá nhân hay bộ phận/ đơn vị thuộc Nafoods Group luôn nhận thức được lợi ích của người lao động gắn liền với hiệu quả của doanh nghiệp, mà hiệu quả của doanh nghiệp lại được tích lũy từ sự cống hiến và hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân. Bởi vậy, tinh

thần “cồng bằng” đã được thấm nhuần tới mỗi một thành viên của Nafoods Group, đó là: sự đăi ngộ đi đôi với mức độ & hiệu quả cống hiến; và, lợi ích cá nhân đi đôi với lợi ích doanh nghiệp.

### Thỏa mãn nhu cầu “Khách hàng nội bộ”

Vì mỗi mắt xích của chuỗi giá trị mà Nafoods Group đang vận hành đảm nhận một chức năng riêng của chuỗi, mà sản phẩm của mắt xích trước là đầu vào của mắt xích sau. Bởi vậy, để sản phẩm của Nafoods Group mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng, trước hết ngay trong nội bộ, Nafoods Group quản trị hệ thống bằng việc phải coi và ứng xử với nhau như khách hàng để đáp ứng và thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của nhau thông qua việc giao KPI đúng trọng tâm và thực hiện ký kết Hợp đồng kinh tế gắn với các chế tài giữa các công ty trong hệ thống. Đây cũng là một trong những giải pháp quản trị kế hoạch của toàn hệ thống mà Nafoods Group đang áp dụng.



## PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Người lao động với đủ Tâm – Tầm – Tài là yếu tố hàng đầu góp phần nên sự thành công của Nafoods Group ngày hôm nay. Chính công cụ KPI đã tạo ra những sân chơi công bằng để người lao động được làm chủ và thể hiện sức mình, đồng thời có những chế độ đãi ngộ và làm việc hợp lý để người lao động luôn tâm huyết, gắn bó, công hiến với Công ty và coi Công ty như là ngôi nhà chung của mình.



Thống kê số lao động và mức lương trung bình



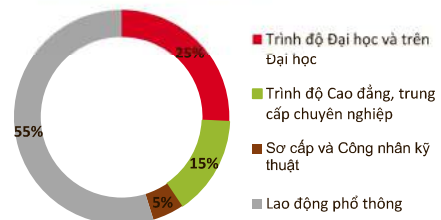
420 lao động\*

(\* Chưa bao gồm khoảng 1000 lao động thời vụ mỗi năm.

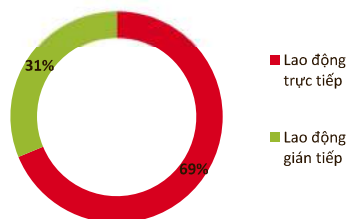


Mức lương trung bình: 5,8 triệu đồng/người/tháng

Cơ cấu lao động theo trình độ



Cơ cấu theo đối tượng lao động



## Đảm bảo an toàn, sức khỏe và phúc lợi cho người lao động

Xác định người lao động là yếu tố then chốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Nafoods luôn chú trọng để đảm bảo an toàn, sức khỏe và phúc lợi cho người lao động với những chính sách hợp lý như:

- Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh lao động, đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc;
- Chính sách lương – thưởng hợp lý, minh bạch và tạo động lực cho người lao động;
- Trích nộp đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp;
- Chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động với các hoạt động đoàn thể, văn hóa – thể thao và các đợt thăm quan, nghỉ mát.



## Đào tạo người lao động

Lấy phương pháp thẻ điểm cân bằng BSC để điều hành doanh nghiệp, trong đó Nafoods Group tập trung vào khía cạnh gốc rễ “Học hỏi và Phát triển”, vì vậy chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là đào tạo nội bộ.

Số giờ đào tạo trung bình năm 2016: 7,06 giờ/người/năm



Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa học trong và ngoài nước có chương trình phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.



Bên cạnh đó, Nafoods Group cũng chú trọng tạo nguồn nhân sự bằng việc hợp tác với trường Đại học Nông Lâm Huế. Trong chương trình hợp tác, các bạn sinh viên được trải nghiệm thực tế công việc của bà con nông dân trồng chanh leo cũng như thăm quan quy trình chế biến của Nafoods.

**Bình đẳng giới**



Nafoods Group luôn chú trọng đến vấn đề bình đẳng giới – bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, với các minh chứng cụ thể như sau:

- Mức lương bình quân của người lao động nữ tương đương với mức lương bình quân của lao động nam;
- Các lao động nữ không gặp bất kỳ rào cản nào trong công việc cũng như phát triển sự nghiệp. Nhiều chị em đã giữ những vị trí chủ chốt, thành phần các cấp lãnh đạo/quản lý của Nafoods Group từ HĐQT, Ban TGĐ cho đến Quản lý cấp trung đều có sự tham gia của nữ giới;
- Định kỳ hàng năm, Công ty có các chương trình dành riêng cho chị em phụ nữ nhân các dịp như Quốc tế phụ nữ 08/03 và Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10.

**Tạo dựng văn hóa doanh nghiệp**

Nafoods Group đã và đang từng ngày hoàn thiện và xây dựng một văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng, khởi tạo một nền tảng vững chắc, với 5 tôn chỉ:



**TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Cổ đông**

Nafoods Group nỗ lực và cố gắng hết mình nhằm tối ưu hóa nguồn vốn và lợi ích cho các cổ đông. Công ty xây dựng một chính sách cổ tức hợp lý, ổn định và bền vững.

**Khách hàng**

Hiện nay, Nafoods Group đang mang những sản phẩm của mình phục vụ hơn 60 quốc gia trên Thế giới và hướng tới quyết tâm phục vụ người dùng dùng Việt.

Nafoods Group luôn luôn giữ vững uy tín, giữ vững chất lượng sản phẩm để tạo niềm tin tuyệt đối cho khách hàng. Tất cả khách hàng lớn của Nafoods Group trên thị trường thế giới đều trở thành là người bạn đồng hành, là đối tác truyền thống và trung thành của Nafoods.

**Nhà nước**

Nafoods Group luôn tuân thủ tốt các quy định của Nhà nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đảm bảo hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế.

**Cộng đồng – xã hội:**

Nafoods Group luôn cố gắng chia sẻ những giá trị của mình đến với cộng đồng xã hội. Trong năm 2016, Công ty đã có những hoạt động hết sức thiết thực như:

- Tạo công ăn việc làm
- Hệ thống Nafoods Group có hàng trăm CBCNV là con em dân tộc thiểu số và vùng sâu vùng xa;
- Chuỗi giá trị nông nghiệp của Nafoods Group đã tạo công ăn việc làm cho hàng vạn bà con nông dân từ các vùng miền Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ, Tây Bắc,...
- Chương trình Nafoods Group “MANG XUÂN VỀ” Tết Nguyên đán Bình Thuận cho các hộ nghèo vùng biên giới Việt – Lào tại huyện Quế Phong, Nghệ An;
- Tham gia chương trình “Tết vì người nghèo – Xuân Đình Dậu” do Tỉnh Nghệ An tổ chức;
- Là nơi đào tạo thực hành cho nhiều thế hệ sinh viên: Các công ty thuộc hệ thống Nafoods Group từ lâu đã trở thành cái nôi đào tạo thực tế cho sinh viên các trường Đại học với đa dạng các chuyên ngành như Kỹ sư Nông học, Thực vật học, Cơ khí, Điện, Tự động hóa, Công nghệ Thực phẩm, Ngoại thương, Tài chính – Kế toán, Quản trị Nhân sự,... thông qua chương trình thực tập. Đặc biệt, Nafoods Group đã chính thức ký hợp đồng “hợp tác đào tạo sinh viên” với Khoa Nông học – Trường Đại học Nông lâm Huế, gần như tháng nào các công ty sản xuất Nông nghiệp của Nafoods Group cũng đón nhận vài chục sinh viên về thực tập.



## TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Bảo vệ môi trường đang là xu hướng tất yếu của cả thế giới quan tâm, trong khi Việt Nam lại là 1 trong 10 đất nước chịu tác động nhiều nhất từ biến đổi khí hậu. Nhận thức rõ điều đó, mục tiêu bảo vệ môi trường luôn được Nafoods Group đặt lên hàng đầu. Nafoods Group thực hiện mục tiêu bảo vệ môi trường dưới nhiều hành động thiết thực, như: chiến lược chọn chuỗi giá trị nông nghiệp XANH; hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty Nông nghiệp chuỗi luôn đi đôi với việc bảo vệ môi trường và bảo tồn các tài nguyên thiên nhiên; hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy chế biến luôn hướng tới bảo vệ môi trường, tiết kiệm và tránh lãng phí nguyên liệu, triển khai các chương trình tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng sạch; tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn nước,...

Hoạt động SXKD các công ty sản xuất nông nghiệp trong chuỗi Nafoods Group luôn đi đôi với việc bảo vệ môi trường và bảo tồn các tài nguyên thiên nhiên. Để đạt được mục tiêu này, Nafoods Group tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, nhằm giảm thiểu tối đa các chất hóa học gây hại cho nguồn nước, đất, môi trường không khí, đảm bảo được tính an toàn tránh tác động xấu đến môi trường, cụ thể:

- Chọn giống cây trồng phù hợp với điều kiện đất của từng vùng, tìm các giải pháp tốt hạn chế tác động đến môi trường;
- Tăng cường phân bón hữu cơ, giảm thiểu tối đa lượng phân bón vô cơ và thuốc hóa học;
- Nâng cao hệ thống quản lý rủi ro và dự đoán nguy cơ do môi trường thời tiết biến đổi;
- Tận dụng tối đa nguồn cây cỏ dại, xác thực vật (cây chanh leo, cây gấc, vỏ chanh leo, vỏ gấc...) làm phân xanh bón cho cây trồng nhằm tăng độ mùn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

- Áp dụng công nghệ tưới nước nhỏ giọt của Israel, tưới tự chảy đến từng gốc cây từ đó tiết kiệm nguồn nước sử dụng trong quá trình sản xuất và hạn chế tối đa dư lượng phân bón, thuốc trừ sâu ngấm vào trong đất, góp phần giảm thiểu mức độ gây tác động xấu đến đất đai và mạch nước ngầm;
- Xây dựng khu nhà kính công nghệ cao chuyên dụng để sản xuất cây giống, nhằm loại bỏ các tác nhân ảnh hưởng từ bên ngoài như sâu hại, nấm hại... từ đó làm giảm thiểu việc sử dụng các loại thuốc BVTV;
- Hiện nay, Nafoods Group hướng tới sản xuất sản phẩm theo hướng đạt các tiêu chuẩn GlobalGAP, Organic (chanh leo, gấc) nhằm ngăn ngừa và hạn chế rủi ro từ các mối nguy ô nhiễm ảnh hưởng đến sự an toàn, chất lượng sản phẩm quả, môi trường, sức khỏe, an toàn lao động và phúc lợi xã hội của người lao động trong



sản xuất, thu hoạch và xử lý sau thu hoạch; Các diện tích đất dự kiến để phát triển sản xuất cây nguyên liệu cho Nafoods Group là những diện tích đồi núi trọc và nương rẫy của bà con dân tộc thiểu số nên sẽ không ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái. Thậm chí việc phát triển trồng Chanh leo, Gấc tại đây còn có tác dụng tích cực trong việc ổn định sinh kế, hạn chế việc vào rừng săn bắn và đốt phá rừng làm nương rẫy của người đồng bào; tăng diện tích phủ xanh đất trống đồi núi trọc.

### Một số chỉ tiêu liên quan đến bảo vệ môi trường của Nafoods trong năm 2016:

#### Sử dụng nguyên liệu

Nguyên liệu chính mà Nafoods Group sử dụng là các nông sản để chế biến như: chanh leo, gấc, dưa, xoài,...

Đối với chanh leo và gấc, Công ty đã chủ động được một phần nguyên liệu đầu vào. Phần nguyên liệu chanh leo, gấc và các loại nông sản khác công ty tiến hành thu mua từ bà con nông dân theo các hợp đồng liên kết.

- Tái chế phụ/phế phẩm sau hoạt động sản xuất chế biến



#### Tái chế 100 % Bã và hạt chanh leo

**Phương pháp tái chế:** Đem sấy khô rồi đốt để thay thế than, làm nhiên liệu đốt lò hơi. Giải pháp này vừa góp phần lớn bảo vệ môi trường vừa tiết kiệm nhiên liệu/năng lượng đốt lò hơi.

#### Năng lượng sử dụng

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	2015	2016
1	Điện năng (Kwh)	2.670.303	<b>2.312.727</b>
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	9.613.090.909	<b>8.325.818.182</b>
	Chi phí điện năng (triệu đồng)	4.005	<b>3.469</b>
2	Dầu (lít)	2222	<b>1800</b>
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	78.130.853	<b>63.292.320</b>
	Chi phí dầu (triệu đồng)	30,7	<b>19</b>
3	Gas (Kg)	2390	<b>2040</b>
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	105.160.000	<b>89.760.000</b>
	Chi phí Gas (triệu đồng)	45	<b>36,8</b>
4	Năng lượng khác - mùn cưa (tấn)	473	<b>468</b>
	Tổng năng lượng tiêu thụ (Kjun)	-	<b>-</b>
	Chi phí (triệu đồng)	340,56	<b>307</b>

• Sáng kiến tiết kiệm năng lượng



- Cải tiến công nghệ thanh trùng sản phẩm gấc
- Cải tiến hệ thống quạt gió và chắn tuyết trên dàn lạnh hầm cấp đông IQF
- Giải pháp khắc phục nhiệt độ không ổn định và chống cháy sản phẩm trong bản ví cô đặc

STT	Sáng kiến giúp tiết kiệm năng lượng	Nội dung chi tiết	Năng lượng tiết kiệm (KJun)
1	Cải tiến công nghệ thanh trùng sản phẩm gấc	- Thanh trùng nâng nhiệt 2 giai đoạn với tổng thời gian 3 phút, giai đoạn một bằng ống lồng ống trên thiết bị gia nhiệt tại trích ly và giai đoạn 2 bằng tấm bản trên thiết bị thanh trùng. Với việc tích hợp này chỉ tiêu vi sinh vật tổng số đã giảm <300 CFU/g, nhiều mẫu có kết quả bằng không. - Nâng công suất rót bằng việc tối ưu hóa nhiệt lạnh: Sử dụng môi chất làm lạnh là Glycol để làm lạnh nước lạnh rồi dùng nước lạnh có nhiệt độ thấp trao đổi nhiệt với sản phẩm bằng cơ chế trao đổi tấm bản. Việc này đã hoàn toàn loại bỏ rủi ro sản phẩm lẫn vào Glycol mà trước đây đã mắc phải và nhiệt độ sản phẩm được trao đổi nhiệt tốt hơn nên công suất rót được tăng lên góp phần giảm điện năng của thiết bị lạnh	64.260.000
2	Cải tiến hệ thống quạt gió và chắn tuyết trên dàn lạnh hầm cấp đông IQF	Nghiên cứu cải tiến hệ thống dẫn hướng gió từ các quạt dàn lạnh trong hầm cấp đông IQF, gia công tấm chắn làm kín đầu ra và đầu vào bằng tài sản phẩm và lắp đặt tấm chắn tuyết hai đầu dàn lạnh, không gây ảnh hưởng đến quá trình đối lưu nhiệt của dàn. Từ đó tập trung nhiệt lượng trao đổi với sản phẩm, hạn chế tuyết sinh ra trong hầm cấp đông đồng thời tấm chắn tuyết hút và giữ tuyết không cho tuyết phủ lên dàn lạnh làm cho quá trình trao đổi nhiệt trong hầm tăng lên nâng cao công suất sản xuất sản phẩm.	78.824.160
3	Giải pháp khắc phục nhiệt độ không ổn định và chống cháy sản phẩm trong bản ví cô đặc	Gia công lắp lưới lọc có kích thước Φ1 mm phía trướcбет phun. Lưới lọc có nhiệm vụ loại bỏ toàn bộ các mối nguy vật lý làm tắcбет do gỉ sét trong hệ thống hơi, các mảnh vụn từ zoăng đệm, đảm bảoбет phun hoạt động ổn định.	4.908.600

**Tiêu thụ nước**

Nguồn nước được hoạt động sản xuất chế biến của Nafoods Group sử dụng là nguồn nước mặt, được khai thác từ hồ tự nhiên sau đó tiến hành các công đoạn xử lý nghiêm ngặt, đảm bảo vệ sinh và đưa vào phục vụ cho hoạt động sản xuất cũng như sinh hoạt của Nhà máy.

	Đơn vị tính	Khối lượng
<b>Khối lượng nước sử dụng</b>	M <sup>3</sup>	<b>43762</b>
- Nước phục vụ sản xuất	M <sup>3</sup>	32530
- Nước phục vụ sinh hoạt	M <sup>3</sup>	11232
<b>Khối lượng nước tái chế</b>	M <sup>3</sup>	<b>4000</b>
<b>Tỷ lệ nước tái chế</b>	%	<b>9,14%</b>

• **Tái chế nước:**

Hiện nay, hoạt động sản xuất chế biến của Nafoods Group đang tái chế nước chủ yếu bằng phương pháp ngưng tụ cô đặc nước sau quá trình sản xuất. Khối lượng nước được tái chế năm 2016 là khoảng 4000 M<sup>3</sup>, tương đương 9,14% tổng khối lượng nước sử dụng

• **Xử lý nước:**

Đối với lượng nước sử dụng không qua tái chế, hoạt động sản xuất chế biến của Nafoods Group có hệ thống xử lý nước để đảm bảo các tiêu chuẩn cũng như các quy định của pháp luật. Nguồn nước sau khi đã xử lý được xả thải đúng chỗ và đảm bảo không gây các tác động xấu tới môi trường.

**Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường**

Hoạt động sản xuất chế biến của Nafoods Group luôn tuân thủ nghiêm ngặt cũng như thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường. Vì vậy, trong suốt quá trình hoạt động, Công ty chưa từng bị nhắc nhở, xử phạt trong các vấn đề đối với môi trường.





## F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900326375 lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở chính: Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.

SĐT: 02383 853 322

Fax: 02383 853 902

#### Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày lập báo cáo

##### Công ty con

Công ty CP Chanh leo NAFOODS  
(trước đây là Công ty CP Đầu tư và  
Phát triển Nông nghiệp NAPAGA)

Công ty CP Đầu tư LMC

Công ty CP Gác Tân Thắng

Công ty TNHH MTV Quốc tế  
NAFOODS

Công ty CP NAFOODS Miền Nam

##### Địa chỉ

Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Số 162A Nguyễn Tuấn, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Ấp Hóc Thơm 1, xã Hòa Khánh Tây, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

##### Công ty liên doanh, liên kết

Công ty CP Dược liệu Quế Phong

Công ty CP Nông Nghiệp La Giang

Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng

Công ty CP Giống Nafoods

Công ty CP NAFOODS Pleiku

Công ty CP NAFOODS Tây Bắc

Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An

##### Địa chỉ

Bản D1 Minh Châu, Xã Tri Lễ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Tổ dân phố 6, Thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.

Xóm Bắc Thắng, Xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Bản D1 Minh Châu, Xã Tri Lễ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Số 49 Hùng Vương, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Tiểu khu 84-85 thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Số 47, Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

### Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT
Bà Phan Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tiến Chinh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Bộ	Thành viên HĐQT
Ông Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Chinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Thái	Phó Tổng Giám đốc

### Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính:

Thực hiện các nội dung đã thống nhất trong biên bản họp HĐQT ngày 10 tháng 06 năm 2016. Trong năm 2016 Công ty đã thực hiện việc góp vốn vào Công ty Cổ phần NAFOODS Pleiku và Công ty Cổ phần NAFOODS Tây Bắc với mục đích đầu tư phát triển vùng trồng nguyên liệu cho các sản phẩm chính của Công ty qua đó Công ty Cổ phần NAFOODS Pleiku và Công ty Cổ phần NAFOODS Tây Bắc trở thành Công ty liên kết của Công ty với tỷ lệ vốn bị sở hữu là: 35%.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng ngoài sự kiện phát sinh sau năm tài chính nêu trên, không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K**  
**THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY**  
Địa chỉ: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT, CAHN, ngõ 299 phố Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: 04 44500668 / Fax: 04 44500669 / Email: thanglongkiemtoan@gmail.com  
Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

Số: 166A2./BCKT - TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
*Về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP*

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP được lập ngày 20/03/2017, từ trang 06 đến trang 40, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

**Phó Tổng Giám đốc**  
  
**LIU ANH TUAN**  
Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán  
Số: 1026-2014-045-1

**Kiểm toán viên**

**NGUYỄN TRUNG KIÊN**  
Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán  
Số: 1129-2014-045-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016*

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>420.102.591.899</b>	<b>452.087.836.379</b>
<i>I Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.01</i>	<i>17.337.566.349</i>	<i>30.050.674.202</i>
1 Tiền	111		17.337.566.349	30.050.674.202
<i>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>33.000.000.000</i>	<i>33.000.000.000</i>
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02a	33.000.000.000	33.000.000.000
<i>III Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>309.960.035.799</i>	<i>335.629.482.944</i>
1 Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.03a	155.476.451.456	146.734.434.544
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04a	66.340.773.277	44.197.970.735
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05a	75.460.144.996	128.740.013.708
6 Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	<i>V.06a</i>	19.795.156.417	22.428.969.684
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(7.161.088.267)	(6.519.890.798)
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139	<i>V.07</i>	48.597.920	47.985.071
<i>IV Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>37.866.749.950</i>	<i>33.813.697.606</i>
1 Hàng tồn kho	141	V.09	37.866.749.950	33.813.697.606
<i>V Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>21.938.239.801</i>	<i>19.593.981.627</i>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	417.791.711	129.894.409
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.418.718.643	19.464.087.218
3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		101.729.447	-
<b>B Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>200.191.125.135</b>	<b>99.286.300.356</b>
<i>I Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>II Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>89.263.579.732</i>	<i>27.862.884.647</i>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	28.465.421.189	27.758.209.918
- Nguyên giá	222		39.187.581.973	34.275.602.493
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.722.160.784)	(6.517.392.575)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 TSCĐ vô hình	227	V.12	60.798.158.543	104.674.729
- Nguyên giá	228		60.831.483.818	115.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(33.325.275)	(10.325.271)
<i>III Bất động sản đầu tư</i>	<i>230</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>IV Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>	<i>V.13</i>	<i>32.488.494.169</i>	<i>1.867.784.935</i>
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		32.488.494.169	1.867.784.935
<i>V Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	<i>V.02b</i>	<i>57.993.945.846</i>	<i>53.984.775.132</i>
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		57.993.945.846	53.984.775.132
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.100.000.000	3.100.000.000
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3.100.000.000)	(3.100.000.000)
<i>VI Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>20.445.105.388</i>	<i>15.570.855.642</i>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	<i>V.10b</i>	20.445.105.388	15.570.855.642
<i>VI Lợi thế thương mại</i>	<i>269</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>620.293.717.034</b>	<b>551.374.136.735</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016*

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>193.267.554.819</b>	<b>150.415.213.457</b>
<i>I Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>185.692.790.356</i>	<i>141.838.753.926</i>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15a	18.659.996.852	56.028.354.516
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16a	1.296.001.145	1.728.215.194
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17a	14.031.895.421	11.120.552.974
4 Phải trả người lao động	314		3.920.584.999	3.526.530.588
5 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	5.683.327.763	4.347.546.655
6 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	139.256.885.410	65.087.553.999
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.844.098.766	-
<i>II Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>7.574.764.463</i>	<i>8.576.459.531</i>
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	139.618.095	151.293.690
2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	6.051.500.000	8.078.500.000
3 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.383.646.368	346.665.841
<b>B Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>427.026.162.215</b>	<b>400.958.923.278</b>
<i>I Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>V.19</i>	<i>427.026.162.215</i>	<i>400.958.923.278</i>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		2.866.202.541	22.103.775
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.017.757.243	56.881.975.320
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.493.375.288	12.964.899.734
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		71.524.381.955	43.917.075.586
4 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		39.142.202.430	44.054.844.183
<i>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	<i>430</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>620.293.717.034</b>	<b>551.374.136.735</b>

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Đặng Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>462.720.610.452</b>	<b>533.498.770.416</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	2.213.856.888	2.773.068.362
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>460.506.753.564</b>	<b>530.725.702.054</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	334.307.860.889	419.365.035.766
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>126.198.892.675</b>	<b>111.360.666.288</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	7.224.937.274	10.273.767.010
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	10.557.754.271	12.484.778.301
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.466.151.884</i>	<i>7.486.102.764</i>
8. Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		143.945.846	(15.224.868)
9. Chi phí bán hàng	25		29.388.390.221	26.663.995.216
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		25.797.456.248	13.070.869.044
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>67.824.175.055</b>	<b>69.399.565.869</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.06	185.790.307	449.938.109
13. Chi phí khác	32	VI.07	335.747.031	670.983.820
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(149.956.724)</b>	<b>(221.045.711)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>67.674.218.331</b>	<b>69.178.520.158</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	6.177.724.302	3.394.045.536
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.09	1.036.980.528	346.665.841
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>60.459.513.502</b>	<b>65.437.808.781</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		11.669.307.146	20.054.844.183
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		48.790.206.356	45.382.964.598
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>	<b>VI.10</b>	<b>1.626</b>	<b>1.751</b>
<b>20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>71</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Đặng Thị Loan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>	<b>67.674.218.331</b>	<b>69.178.520.158</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	4.227.768.213	3.615.806.715
- Các khoản dự phòng	3	5.826.100.104	2.106.273.071
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(1.455.198.853)	1.756.544.239
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(3.778.034.564)	(7.682.958.600)
- Chi phí lãi vay	6	5.466.151.884	7.486.102.764
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>	<b>77.961.005.115</b>	<b>76.460.288.348</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(34.003.494.473)	(107.655.807.369)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.053.052.344)	(16.990.104.017)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(36.569.605.653)	44.226.058.900
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(5.162.147.048)	4.621.652.170
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.142.486.794)	(7.476.252.765)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.359.938.449)	(1.736.105.544)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16	453.612.632	212.617.776
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	17	(1.223.132.017)	(512.887.976)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(10.099.239.031)</b>	<b>(8.850.540.477)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(96.249.740.224)	(6.753.296.380)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	18.359.640.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(210.484.389.373)	(218.157.896.082)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	263.764.258.085	82.391.555.126
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.850.000.000)	(56.400.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.400.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.135.944.970	3.580.306.735
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(43.683.926.542)</b>	<b>(174.579.690.601)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Năm 2016**

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	3.872.250.000	206.929.400.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	432.288.681.053	224.715.819.759
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(360.146.349.642)	(230.124.483.263)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(34.991.697.704)	(9.319.233.949)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>41.022.883.707</b>	<b>192.201.502.547</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(12.760.281.866)</b>	<b>8.771.271.469</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>30.050.674.202</b>	<b>21.359.746.729</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	47.174.013	(80.343.996)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>17.337.566.349</b>	<b>30.050.674.202</b>

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900326375 lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2010 và Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở chính: Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.

SĐT: 02383 853 322

Fax: 02383 853 902

Tổng số Công ty con tại ngày hợp nhất: 05 Công ty

Số Công ty con hợp nhất: 05 Công ty

**Danh sách các Công ty con hợp nhất :**

STT	Tên Công ty	Ngày có quyền kiểm soát	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ phần biểu quyết năm giữ (%)	Ngành nghề chính
1	Công ty CP Chanh leo NAFOODS	20/01/2015	Nghệ An	65,0	65,0	Trồng trọt, Sản xuất giống cây trồng
2	Công ty CP Đầu tư LMC	10/06/2015	Hà Nội	65,0	65,0	Kinh doanh thương mại đồ uống, thực phẩm
3	Công ty CP Gấc Tân Thắng	01/03/2015	Nghệ An	65,0	65,0	Trồng trọt chăn nuôi hỗn hợp; Chi tiết: trồng gấc
4	Công ty TNHH MTV Quốc tế NAFOODS	30/12/2015	Nghệ An	100,0	100,0	Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và rau củ quả đông lạnh; kinh doanh giống cây trồng.
5	Công ty CP NAFOODS Miền Nam	18/12/2015	Long An	65,0	65,0	Sản xuất chế biến các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh.

**2. Các hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty và các Công ty con là:**

- Sản xuất chế biến và xuất khẩu các loại sản phẩm nước ép hoa quả và sản phẩm rau củ quả đông lạnh;
- Sản xuất kinh doanh giống cây trồng;
- Kinh doanh thương mại đồ uống, thực phẩm;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu:   
Đặng Thị Loan

Kế toán trưởng:   
Nguyễn Thị Trang

Tổng Giám đốc:   
Nguyễn Mạnh Hùng



- Hoạt động dịch vụ trồng trọt.

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và các Công ty con bằng đồng Việt Nam (VND).

## III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về việc hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

#### Công ty con:

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

#### Công ty liên kết:

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia và việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản vốn góp liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản vốn góp của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

#### Lợi thế thương mại:

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

#### Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

#### 2.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Tỷ giá hối đoái thực tế áp dụng để quy đổi lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo được xác định như sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): tỷ giá mua ngoại tệ tại ngày lập báo cáo được niêm yết bởi ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi ngân hàng.
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (các khoản phải trả và các khoản vay): tỷ giá bán ngoại tệ tại ngày lập báo cáo được niêm yết bởi ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi ngân hàng.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

**3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**4.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**4.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất .

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: *Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.*

## 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

### 5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
- Tài sản cố định khác	13 - 16 năm
- Phần mềm kế toán	10 năm

## 6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

### Chi phí trả trước:

*Chi phí trả trước ngắn hạn* : là công cụ dụng cụ thuộc loại tài sản lưu động xuất dùng một lần phải phân bổ nhiều tháng trong một năm.

*Chi phí trả trước dài hạn* : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm :

- Chi phí công cụ dụng cụ có giá trị lớn
- Chi phí khai hoang
- Chi phí đền bù đất
- Chi phí chuyển giao công nghệ
- Các chi phí khác

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 3 năm.

## 7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

### Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

### Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

## 9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Nguyên tắc ghi nhận cổ tức:** Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

## 10. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:



Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

#### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### 11.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**11.2. Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

##### Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.  
Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

#### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### 14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất:** Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính hợp nhất do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

**Các bên liên quan:** Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty và các công ty con nếu có khả năng kiểm soát Công ty và các công ty con hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty và các công ty con.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm	Đầu năm
<b>1. Tiền</b>		
- Tiền mặt	9.333.668.858	8.332.581.085
- Tiền gửi Ngân hàng:	8.003.897.491	21.718.093.117
<b>Cộng</b>	<b>17.337.566.349</b>	<b>30.050.674.202</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>	-	-	-	-	-	-
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>-</b>
b1) Ngắn hạn	33.000.000.000	33.000.000.000	-	33.000.000.000	33.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	33.000.000.000	33.000.000.000	-	33.000.000.000	33.000.000.000	-
				<b>Đầu năm</b>		
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị đầu tư tại Công ty</b>	<b>Lãi lỗ phát sinh</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị đầu tư tại Công ty</b>	<b>Lãi lỗ phát sinh</b>
<b>c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>57.850.000.000</b>	<b>57.993.945.846</b>	<b>143.945.846</b>	<b>54.000.000.000</b>	<b>53.984.775.132</b>	<b>(15.224.868)</b>
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	57.850.000.000	57.993.945.846	143.945.846	54.000.000.000	53.984.775.132	(15.224.868)
+ Công ty CP Dược liệu Quê Phong	12.000.000.000	11.999.018.700	(981.300)	12.000.000.000	11.997.423.600	(2.576.400)
+ Công ty CP Nông nghiệp La Giang	12.000.000.000	11.999.061.737	(938.264)	12.000.000.000	11.999.912.000	(88.000)
+ Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng	6.000.000.000	5.998.662.180	(1.337.820)	6.000.000.000	5.987.857.533	(12.142.467)
+ Công ty CP Giồng NAFOODS	24.000.000.000	23.901.264.773	(98.735.227)	24.000.000.000	23.999.581.999	(418.001)
+ Công ty CP NAFOODS Tây Bắc	1.400.000.000	1.399.230.542	(769.458)	-	-	-
+ Công ty CP NAFOODS Pleiku	2.450.000.000	2.696.707.914	246.707.914	-	-	-

**115 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào đơn vị khác;	3.100.000.000	-	(3.100.000.000)	3.100.000.000	-	(3.100.000.000)
+ Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	3.100.000.000	-	(3.100.000.000)	3.100.000.000	-	(3.100.000.000)

Tên Công ty	Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Ngành nghề chính		Nơi thành lập
				Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Công ty CP Dược Liệu Quê Phong	40.000.000.000	30	30	Trồng cây gia vị, cây dược liệu.		Nghệ An
Công ty CP Nông Nghiệp La Giang	40.000.000.000	30	30	Trồng trọt.		Hà Tĩnh
Công ty CP Chăn Nuôi Tân Thắng	20.000.000.000	30	30	Chăn nuôi khác; Chi tiết: Chăn nuôi bò sữa và các gia súc khác.		Nghệ An
Công ty CP Giồng NAFOODS	60.000.000.000	40	40	Sản xuất giống cây trồng; Hoạt động dịch vụ trồng trọt.		Nghệ An
Công ty CP NAFOODS Tây Bắc	4.000.000.000	35	35	Trồng trọt		Sơn La
Công ty CP NAFOODS Pleiku	7.000.000.000	35	35	Trồng trọt		Gia Lai

- Tóm tắt tình hình hoạt động của các Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

Các Công ty liên kết của Công ty đều đang trong quá trình đầu tư hoặc bắt đầu đi vào hoạt động do đó chưa có nhiều doanh thu từ các hoạt động chính của Công ty.

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>3. Phải thu khách hàng</b>		
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>155.476.451.456</b>	<b>146.734.434.544</b>
Công ty Cổ phần Tân Tân	4.176.437.050	4.176.437.050
Công ty TNHH Màu xanh đôi mới	1.260.000.000	1.260.000.000
FLAGFOOD	62.356.323.029	42.608.124.400
Bà con nông dân mua giống	30.102.614.839	34.812.900.000
Thương lái	2.504.500.000	23.400.140.000
Trần Thị Thủy	276.364.285	1.921.568.000
World Foods and Flavors Slu	38.532.226.810	23.799.883.029
Công ty CP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	500.000.000	-
Nguyễn Văn Hải	819.000.000	-
JV Sales	615.349.350	2.786.269.500
Công ty CP Nafoods Pleiku	212.500.000	-
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	663.771.000	-
Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An	3.795.000	83.623.100
Các khách hàng khác	13.453.570.093	11.885.489.465
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>880.066.000</b>	<b>83.623.100</b>
Công ty CP Nafoods Pleiku	212.500.000	-
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	663.771.000	-
Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An	3.795.000	83.623.100

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>4. Trả trước người bán</b>		
<b>a) Trả trước người bán ngắn hạn</b>	<b>66.340.773.277</b>	<b>44.197.970.735</b>
Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An	12.282.477.938	17.912.590.724
Đình Ngọc Thạch	2.914.000.000	-
Công ty CP Đầu Tư và Giao Nhận Vận Tải Toàn Cầu	1.682.304.127	-
Công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Ngọc Trang	548.106.003	-
DNTN Bảo Long Đức Trọng	4.221.169.082	7.845.519.000
Công ty TNHH MTV Nông Sản Anh Đức	12.073.228.537	8.004.787.805
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	6.354.234.450	-
Công ty CP Giống Nafoods	9.000.000.000	-
Nhà cung cấp khác	17.265.253.140	10.435.073.206
<b>b) Trả trước người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c) Trả trước người bán là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>5. Phải thu về cho vay</b>		
<b>a) Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>75.460.144.996</b>	<b>128.740.013.708</b>
<b>Cho vay ngắn hạn</b>	<b>75.460.144.996</b>	<b>128.740.013.708</b>
Ông Nguyễn Xuân Cường	-	6.682.506.307
Công ty CP Chăn Nuôi Tân Thắng (1)	39.638.920.000	48.245.920.000
Công ty CP Đầu tư VSC	1.000.000.000	-
Công ty CP Giống Nafoods (2)	24.960.804.911	36.651.868.603
Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An (3)	4.834.840.085	15.159.718.798
Công ty cổ phần Nafoods - Miền nam	-	22.000.000.000
Công ty CP Nông nghiệp La Giang	20.580.000	-

Công ty CP Dược liệu Quế Phong (4)	5.005.000.000	-
<b>b) Phải thu về cho vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c) Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>	<b>74.460.144.996</b>	<b>100.057.507.401</b>
Công ty CP Chăn Nuôi Tân Thắng	39.638.920.000	48.245.920.000
Công ty CP Giống Nafoods	24.960.804.911	36.651.868.603
Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An	4.834.840.085	15.159.718.798
Công ty CP Nông nghiệp La Giang	20.580.000	-
Công ty CP Dược liệu Quế Phong	5.005.000.000	-

Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn:

- (1) - Hợp đồng hợp tác đầu tư số 27/HTĐT/NFG - CN ngày 10/06/2015 giữa Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng và Công ty CP NAFOODS GROUP số tiền: 50.000.000.000 đồng; lãi suất: 1%;
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 153/HTĐT/NFG-GN ngày 17/06/2015 giữa Công ty CP Giống Nafoods và Công ty CP NAFOODS GROUP số tiền: 17.501.397.964 đồng; lãi suất: 1%;
- (2) - Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01.2016/HTĐT/NFG - GNF ngày 25/01/2016 giữa Công ty CP Giống Nafoods và Công ty CP NAFOODS GROUP số tiền: 1.041.400.000 đồng; lãi suất: 1%;
- (3) - Hợp đồng hợp tác đầu tư số 58/2016/NFG - TP ngày 30/08/2016 giữa Công ty CP Thực phẩm Nghệ An và Công ty CP NAFOODS GROUP số tiền: 1.910.600.000 đồng; lãi suất: 5%/năm
- (4) - Hợp đồng vay từng lần với lãi suất: 0%; thời hạn thanh toán: 1 năm; mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động; tài sản đảm bảo: tín chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoàn, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>6. Phải thu khác</b>	<b>19.795.156.417</b>	<b>769.885.698</b>	<b>22.428.969.684</b>	<b>769.885.698</b>
<i>a) Ngân hạn</i>	769.885.698	769.885.698	769.885.698	769.885.698
- Phải thu về lãi trả chậm	21.473.617	21.473.617	21.473.617	21.473.617
+ Công ty Cổ phần tư vấn Maya – Viet	347.873.081	347.873.081	347.873.081	347.873.081
+ Công ty Cổ phần Tân Tân	400.539.000	400.539.000	400.539.000	400.539.000
+ Công ty TNHH Mầu xanh đối mới	3.746.488.879	-	3.116.798.760	-
- Các khoản phải thu hợp tác đầu tư	658.072.653	-	352.790.032	-
+ Công ty CP Thực phẩm NA	1.743.825.928	-	1.292.336.695	-
+ Công ty CP Chân núi Tân Thắng	1.344.590.298	-	915.001.027	-
+ Công ty CP Giồng NAFOODS	-	-	556.670.986	-
+ Các đối tượng khác	12.760.448.877	-	16.697.504.750	-
- Phải thu người lao động;	-	-	1.829.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ;	2.518.332.963	-	15.780.476	-
- Phải thu khác.	-	-	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>19.795.156.417</b>	<b>769.885.698</b>	<b>22.428.969.684</b>	<b>769.885.698</b>
<b>Cộng</b>				

**7. Tài sản thiếu chờ xử lý**

Tài sản khác.

Số lượng	Cuối năm	Giá trị	Số lượng	Đầu năm	Giá trị
		48.597.920			47.985.071

**119 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016****8. Nợ xấu**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Đổi tượng nợ	Giá gốc	Đổi tượng nợ
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;	6.407.634.519	-	5.766.437.050	-
Từ 1 đến 2 năm	641.197.469	-	-	-
Trên 3 năm	330.000.000	-	-	-
Trên 3 năm	4.176.437.050	-	4.176.437.050	-
Trên 3 năm	1.260.000.000	-	1.260.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.407.634.519</b>	<b>-</b>	<b>5.766.437.050</b>	<b>-</b>

**9. Hàng tồn kho**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu;	2.885.917.615	-	666.077.871	-
- Công cụ, dụng cụ;	1.145.739.605	-	640.966.856	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	25.008.120.530	-	25.356.010.815	-
- Thành phẩm;	46.245.840	-	887.548.806	-
- Hàng hóa;	5.379.398.311	-	6.259.956.494	-
- Hàng gửi bán;	3.401.328.049	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>37.866.749.950</b>	<b>-</b>	<b>33.813.697.606</b>	<b>-</b>

	Cuối năm	Đầu năm
<b>10. Chi phí trả trước</b>		
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>417.791.711</b>	<b>129.894.409</b>
- Công cụ dụng cụ	417.791.711	129.894.409
<i>b) Dài hạn</i>	<b>20.445.105.388</b>	<b>15.570.855.642</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	6.581.528.198	2.527.556.534
Chi phí chuyển giao công nghệ	5.287.561.153	5.400.062.454
Chi phí khai hoang	1.296.874.050	1.325.221.024
Chi phí đền bù đất	1.150.000.004	1.175.000.004
Chi phí sử dụng đất	3.836.734.695	3.918.367.348
Chi phí tư vấn, thiết kế	724.999.998	-
Sửa chữa văn phòng	49.354.984	154.376.439
Chi phí khác	1.518.052.306	1.070.271.839
<b>Cộng</b>	<b>20.862.897.099</b>	<b>15.700.750.051</b>

**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
					Cộng	Cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
Số dư đầu năm	22.250.589.766	190.822.511	5.277.418.672	6.556.771.544	34.275.602.493	
- Mua trong năm	-	-	657.747.636	3.831.004.571	4.488.752.207	
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	454.967.273	-	-	-	454.967.273	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(31.740.000)	(31.740.000)	
Số dư cuối năm	22.705.557.039	190.822.511	5.935.166.308	10.356.036.115	39.187.581.973	
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	3.165.324.355	29.751.905	259.690.084	3.062.626.231	6.517.392.575	
- Khấu hao trong năm	1.033.189.171	19.137.096	788.357.392	2.376.504.550	4.217.188.209	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(12.420.000)	(12.420.000)	
Số dư cuối năm	4.198.513.526	48.889.001	1.048.047.476	5.426.710.781	10.722.160.784	
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>						
1. Tại ngày đầu năm	19.085.265.411	161.070.606	5.017.728.588	3.494.145.313	27.758.209.918	
2. Tại ngày cuối năm	18.507.043.513	141.933.510	4.887.118.832	4.929.325.334	28.465.421.189	

12. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Phần mềm kế toán	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>115.000.000</b>	-	<b>115.000.000</b>
- Mua trong năm	-	-	-
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	60.716.483.818	60.716.483.818
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>115.000.000</b>	<b>60.716.483.818</b>	<b>60.831.483.818</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>10.325.271</b>	-	<b>10.325.271</b>
- Khấu hao trong năm	23.000.004	-	23.000.004
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>33.325.275</b>	-	<b>33.325.275</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>			
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>104.674.729</b>	-	<b>104.674.729</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>81.674.725</b>	<b>60.716.483.818</b>	<b>60.798.158.543</b>

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Nhà xưởng	213.636.364	213.636.364
Dự án nhà máy bột lạc	316.070.000	316.070.000
Hệ thống nhà vườn ươm	16.893.484.496	-
Nhà thích nghi 2	153.316.227	182.378.182
Trồng chanh leo VP Vinh	103.407.202	89.095.202
Trồng dược liệu	501.773.224	423.271.861
Trồng măng bát độ	41.645.000	-
Trồng gác Hà Tĩnh	449.050.927	349.759.538
Trồng gừng	168.619.903	168.169.903
Trồng các sản phẩm khảo nghiệm	618.709.063	52.615.202
Hàng rào bảo vệ	722.737.247	-
Hệ thống tưới nước	307.291.218	-
Hệ thống phun sương, tưới nhỏ giọt D1	599.510.844	-
Nhà ở công nhân D1	1.272.167.964	-
Nhà ươm cây giống D1	591.948.455	-
Nhà WC D1	535.073.266	-
Dự án: Nhà máy Nafoods Miền Nam – Giai đoạn I	5.478.024.300	-
Công trình khác	3.522.028.469	72.788.683
<b>Cộng</b>	<b>32.488.494.169</b>	<b>1.867.784.935</b>

14. Vay và nợ thuê tài chính	Cuối năm		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>139.256.885.410</b>	<b>139.256.885.410</b>	<b>358.207.781.053</b>	<b>284.038.449.642</b>	<b>65.087.553.999</b>	<b>65.087.553.999</b>
+ Ngân hàng VNĐ	21.471.000.000	21.471.000.000	54.873.360.000	33.428.203.999	25.843.999	25.843.999
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Hà Tĩnh (*)	19.850.000.000	19.850.000.000	20.000.000.000	150.000.000	-	-
+ Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An	-	-	-	9.843.999	9.843.999	9.843.999
+ Công ty CP Nafoods Tây Bắc	300.000.000	300.000.000	300.000.000	-	-	-
+ Các cá nhân khác	1.321.000.000	1.321.000.000	34.573.360.000	33.268.360.000	16.000.000	16.000.000
Vay ngắn hạn USD	117.785.885.410	117.785.885.410	303.334.421.053	250.610.245.643	65.061.710.000	65.061.710.000
+ NH TMCP Ngoại thương Nghệ An (**)	71.269.201.500	71.269.201.500	229.257.589.993	222.824.698.493	64.836.310.000	64.836.310.000
+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	46.516.683.910	46.516.683.910	74.076.831.060	27.560.147.150	-	-
+ Wast Co., LTD	-	-	-	225.400.000	225.400.000	225.400.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>6.051.500.000</b>	<b>6.051.500.000</b>	<b>3.021.000.000</b>	<b>5.048.000.000</b>	<b>8.078.500.000</b>	<b>8.078.500.000</b>
- Vay dài hạn VNĐ	6.051.500.000	6.051.500.000	3.021.000.000	5.048.000.000	8.078.500.000	8.078.500.000
+ NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vinh (***)	6.000.000.000	6.000.000.000	-	2.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
+ Các cá nhân khác	51.500.000	51.500.000	3.021.000.000	3.048.000.000	78.500.000	78.500.000
<b>Cộng</b>	<b>145.308.385.410</b>	<b>145.308.385.410</b>	<b>361.228.781.053</b>	<b>289.086.449.642</b>	<b>73.166.053.999</b>	<b>73.166.053.999</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**

Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, T. Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Chi tiết một số hợp đồng vay như sau:**

(\*) Hợp đồng tín dụng từng lần số 034/2016/3000/TT ngày 16 tháng 12 năm 2016, số tiền vay 20 tỷ, thời hạn vay tối đa 88 ngày kể từ lần rút vốn vay được ghi trên giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất khoán vay là 6,2%, tài sản đảm bảo là 1.542.550 có phiếu của Công ty Nafoods Group do bên đảm bảo đứng tên.

(\*\*) Theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 278/HĐHM16-VIN-KHDN ngày 09/06/2016. Hạn mức cho vay theo Phụ lục Hợp đồng tra đổi bổ sung số 02/278/HĐHM16-VIN-KHDN là 3.500.000 USD. Thời hạn vay: 4 tháng kể từ ngày rút vốn vay và được ghi trên Giấy nhận nợ. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng nông sản thực phẩm và chi trả các chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 298632 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 23/10/2013;
- Tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 621539 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 18/06/2013;
- Máy móc thiết bị, dây chuyền chanh leo IQF, máy phát điện;
- 01 Ô tô Toyota Fortuner;
- 01 Ô tô Mitsubishi Triton;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Đình Hùng và bà Nguyễn Thị Trang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC572787 do UBND thành phố Vinh cấp ngày 15/07/2016;

- Quyền sử dụng đất của ông Phạm Duy Thái và Bà Hoàng Thị Như Quỳnh đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL960459 do UBND huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An cấp ngày 28/06/2008.

(\*\*\*) Theo hợp đồng tín dụng số 1934/HĐTD-VIN-KHDN ngày 16 tháng 12 năm 2014. Hạn mức cho vay: 10.000.000.000 đồng, lãi suất: thả nổi theo từng thời kỳ, thời hạn vay: 60 tháng, tài sản đảm bảo là khu vườn ươm giống chanh leo.

**15. Phải trả người bán****125 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số khả năng trả nợ	Giá trị	Số khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	18.659.996.852	18.659.996.852	56.028.354.516	56.028.354.516
Công ty CP Đầu tư và Giao nhận vận tải Toan Cầu	3.102.366.676	3.102.366.676	2.419.066.856	2.419.066.856
Công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Ngọc Trang	850.321.000	850.321.000	275.140.000	275.140.000
Công ty TNHH nước giải khát Delta	-	-	9.327.864.150	9.327.864.150
Cty TNHH MTV Thương mại Nghĩa Đức Đắk Nông	-	-	1.490.754.500	1.490.754.500
Cty TNHH MTV Thuận Tâm Đắk Nông	-	-	876.128.534	876.128.534
World Foods & Flavors Slu	56.110.504	56.110.504	5.005.695.596	5.005.695.596
Công ty TNHH Bá Trai	1.713.569.711	1.713.569.711	1.946.013.077	1.946.013.077
Hộ nông dân mua giống	-	-	28.985.440.000	28.985.440.000
Cty TNHH Sơm Tùng	521.436.970	521.436.970	-	-
Cty CP Thực phẩm Nghệ An	538.586.700	538.586.700	-	-
Cty CP Giống Nafoods	2.461.093.740	2.461.093.740	-	-
Công ty CP thương mại và dịch vụ Nhật Hoàng Gia	585.821.435	585.821.435	546.400.000	546.400.000
Công ty TNHH MTV Thương Mại Nghĩa Đức Đắk Nông	963.279.844	963.279.844	-	-
Công ty TNHH Nước Giải Khát Delta	811.822.702	811.822.702	-	-
Nguyễn Tiến Dương	1.184.115.650	1.184.115.650	-	-
Các đối tượng khác	5.871.471.920	5.871.471.920	5.155.851.803	5.155.851.803
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>18.659.996.852</b>	<b>18.659.996.852</b>	<b>56.028.354.516</b>	<b>56.028.354.516</b>

	Cuối năm	Đầu năm
<b>16. Người mua trả tiền trước</b>		
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>1.296.001.145</b>	<b>1.728.215.194</b>
TAEKYUNG NONGSAN Co.,Ltd	-	1.558.703.500
Waiola Life	503.106.471	-
Ken Well Trading	302.456.520	-
MAU LIN FOOD CO., LTD	107.499.630	-
ACai GMBH	148.138.956	-
Miki oz Asakim	149.526.563	-
Khách hàng khác	85.273.005	169.511.694
<b>b) Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	-	-
<b>c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	-	-

**17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp	11.120.552.974	35.815.073.951	32.903.731.504	14.031.895.421
Thuế GTGT phải nộp	8.386.489.330	24.166.950.362	27.269.898.471	5.283.541.221
Thuế XNK	-	2.118.452.597	2.118.431.069	21.528
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.400.385.230	6.257.196.384	2.359.938.449	6.297.643.165
Thuế thu nhập cá nhân	333.678.414	2.477.344.506	689.471.552	2.121.551.368
Tiền thuế đất	-	734.099.836	408.442.836	325.657.000
Các loại thuế khác	-	61.030.266	57.549.127	3.481.139
<b>Cộng</b>	<b>11.120.552.974</b>	<b>35.815.073.951</b>	<b>32.903.731.504</b>	<b>14.031.895.421</b>

**18. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.683.327.763</b>	<b>4.347.546.655</b>
- Kinh phí công đoàn	223.714.357	79.715.829
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	426.012.637	201.464.387
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	19.565.000
- Cổ tức phải trả	462.500.000	2.440.200.585
- Ngân hàng Vietcombank - CN Bắc Hà Tĩnh	13.777.778	-
- Phải trả khác	4.557.322.991	1.606.600.854
<b>Cộng</b>	<b>5.683.327.763</b>	<b>4.347.546.655</b>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>139.618.095</b>	<b>151.293.690</b>
- Ký quỹ, ký cược	139.618.095	151.293.690
<b>Cộng</b>	<b>139.618.095</b>	<b>151.293.690</b>

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>A</b>	<b>1</b>	<b>7</b>		<b>8</b>
- Số dư đầu năm trước	104.000.000.000	12.987.003.509	-	116.987.003.509
- Tăng vốn trong năm trước	196.000.000.000	-	24.000.000.000	220.000.000.000
- Lãi tăng trong năm trước	-	45.382.964.598	20.054.844.183	65.437.808.781
- Giảm khác	-	(1.465.889.012)	-	(1.465.889.012)
<b>- Số dư đầu năm nay</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>56.904.079.095</b>	<b>44.054.844.183</b>	<b>400.958.923.278</b>
- Tăng vốn năm nay	-	-	3.872.250.000	3.872.250.000
- Lãi tăng trong năm	-	48.790.206.356	11.669.307.146	60.459.513.502
- Tăng khác	-	2.877.871.866	-	2.877.871.866
- Giảm khác (*)	-	(20.688.197.532)	(20.454.198.899)	(41.142.396.431)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>87.883.959.785</b>	<b>39.142.202.430</b>	<b>427.026.162.215</b>

Đơn vị tính: VND

(\*) - Chi tiết giảm khác:

Trả cổ tức	15.000.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	2.844.098.766
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.844.098.766
<b>Cộng</b>	<b>20.688.197.532</b>



**b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	300.000.000.000	104.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	196.000.000.000
+ Vốn góp giảm cuối năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	300.000.000.000
<b>- Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>35.454.198.899</b>	<b>-</b>

**c) Cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
<b>- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
<b>- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>- Số lượng cổ phiếu đã mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cộng</b>		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/ cổ phiếu

**d) Các quỹ của doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
- Quỹ đầu tư phát triển	2.844.098.766	22.103.775

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
a) Doanh thu	<b>462.720.610.452</b>	<b>533.498.770.416</b>
- Doanh thu bán hàng;	462.720.610.452	533.498.770.416
<b>Cộng</b>	<b>462.720.610.452</b>	<b>533.498.770.416</b>
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	<b>1.870.621.000</b>	
Công ty CP Nafoods Pleiku	701.250.000	
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	1.169.371.000	
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2.213.856.888</b>	<b>2.773.068.362</b>
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán;	2.213.856.888	1.517.269.802
- Hàng bán bị trả lại.	-	1.255.798.560

	Năm nay	Năm trước
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	334.307.860.889	419.365.035.766
<b>Cộng</b>	<b>334.307.860.889</b>	<b>419.365.035.766</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.172.623.677	7.297.891.725
- Lãi chênh lệch tỷ giá	3.052.313.597	2.975.875.285
<b>Cộng</b>	<b>7.224.937.274</b>	<b>10.273.767.010</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	5.466.151.884	7.486.102.764
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.847.221.689	4.785.543.086
- Chi phí tài chính khác	244.380.698	213.132.451
<b>Cộng</b>	<b>10.557.754.271</b>	<b>12.484.778.301</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>6. Thu nhập khác</b>		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	197.426.784
- Tiền hỗ trợ kinh phí nghiên cứu	-	100.000.000
- Các khoản khác	185.790.307	152.511.325
<b>Cộng</b>	<b>185.790.307</b>	<b>449.938.109</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>7. Chi phí khác</b>		
- Hàng hóa hỏng	139.916.826	386.524.089
- Các khoản khác	195.830.205	284.459.731
<b>Cộng</b>	<b>335.747.031</b>	<b>670.983.820</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.177.724.302	3.394.045.536
+ Công ty Cổ phần NAFOODS GROUP	5.943.916.668	1.214.818.843
+ Công ty Cổ phần Quốc tế NAFOODS	233.807.634	-
+ Công ty Cổ phần Chanh leo NAFOODS	-	1.603.357.244
+ Công ty Cổ phần Gác Tân Thắng	-	575.869.449
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.177.724.302	3.394.045.536

	Năm nay	Năm trước
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết.	1.036.980.528	346.665.841
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.	1.036.980.528	346.665.841

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	48.790.206.356	45.382.964.598
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ	48.790.206.356	45.382.964.598
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000	25.916.667
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.626</b>	<b>1.751</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty phát sinh các giao dịch với bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị giao dịch		Ghi chú
			Năm 2016	Năm 2015	
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	Công ty liên kết	35%	1.400.000.000	-	Thực hiện nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị số 11/2016/BB-HĐQT ngày 10/06/2016
Công ty CP Nafoods Pleiku	Công ty liên kết	35%	2.450.000.000	-	Thực hiện nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị số 11/2016/BB-HĐQT ngày 10/06/2016
<b>Giao dịch cho vay</b>					
Công ty CP Chăn nuôi Tân Thăng	Công ty liên kết	65%	-	89.084.416.325	
Công ty CP Giồng Nafoods	Công ty liên kết	40%	1.140.900.000	51.517.546.695	
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	Công ty liên kết	5%	12.454.444.582	37.566.869.630	
<b>Thu nợ gốc vay</b>					
Công ty CP Chăn nuôi Tân Thăng	Công ty liên kết	65%	43.481.993.877	4.186.627.722	
Công ty CP Giồng Nafoods	Công ty liên kết	40%	8.607.000.000	3.271.626.695	
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	Công ty liên kết	5%	13.505.010.881	915.001.027	
<b>Lãi cho vay phát sinh trong năm</b>					
Công ty CP Chăn nuôi Tân Thăng	Công ty liên kết	30%	1.096.120.173	2.418.796.821	
Công ty CP Giồng Nafoods	Công ty liên kết	40%	432.190.629	1.292.336.695	
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	Công ty có vốn đầu tư	5%	382.589.271	915.001.027	
<b>Lãi vay đã thu được</b>					
Công ty CP Giồng Nafoods	Công ty liên kết	40%	281.340.273	211.459.099	
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	Công ty có vốn đầu tư	5%	1.041.400	27.189.174	
	Công ty có vốn đầu tư	5%	1.041.400	27.189.174	

<b>Giao dịch đi vay</b>						<b>300.000.000</b>	
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	Công ty liên kết			35%		300.000.000	-
<b>Lãi đi vay phát sinh</b>						<b>4.200.000</b>	<b>270.198.370</b>
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	Công ty liên kết			35%		4.200.000	-
Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An	Công ty liên kết			5%			270.198.370
<b>Chi trả lãi vay</b>						-	<b>270.198.370</b>
Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An	Công ty có vốn đầu tư			5%			270.198.370

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị giao dịch	
			Năm nay	Năm trước

<b>Giao dịch thuê giá công (bao gồm cả VAT)</b>							
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	Công ty có vốn đầu tư	5%	55.463.704.426				39.424.348.595

#### Mua hàng

Công ty CP Giống Nafoods	Công ty liên kết	40%	4.516.104.621				-
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	Công ty liên kết	35%	676.582.700				-

#### Trả tiền hàng

Công ty CP Giống Nafoods	Công ty liên kết	40%	11.055.010.881				-
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	Công ty liên kết	35%	7.030.817.150				-

#### Bán hàng

Công ty CP Nafoods Pleiku	Công ty liên kết	35%	701.250.000				-
Công ty CP Nafoods Tây Bắc	Công ty liên kết	35%	1.169.371.000				-

#### Thu tiền

Công ty CP Nafoods Tây Bắc	Công ty liên kết	35%	505.600.000				-
Công ty CP Nafoods Pleiku	Công ty liên kết	35%	488.750.000				-

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Năm nay	Năm trước
---------------	-------------	--------------------------	---------	-----------

#### Thu nhập của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã nhận trong năm

Thù lao của HĐQT	HKQT		360.000.000	-
Thù lao của Ban kiểm soát	BKS		276.000.000	-
			84.000.000	-

## 2. Báo cáo bộ phận

Bộ phận khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác Việt Nam ("Xuất khẩu").

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	N 2016	N 2015	N 2016	N 2015	N 2016	N 2015
Doanh thu thuần bán hàng	100.992.902.734	214.000.064.502	359.513.850.830	316.725.637.552	460.506.753.564	530.725.702.054
Giá vốn hàng bán	42.727.179.238	139.929.240.964	291.580.681.651	279.435.794.802	334.307.860.889	419.365.035.766
<b>Thu nhập theo bộ phận</b>	<b>58.265.723.496</b>	<b>74.070.823.538</b>	<b>67.933.169.179</b>	<b>37.289.842.750</b>	<b>126.198.892.675</b>	<b>111.360.666.288</b>

**3. Công cụ tài chính**

**3.1 Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3.2. Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
- Tiền, các khoản tương đương tiền	17.337.566.349	17.337.566.349
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	33.000.000.000	33.000.000.000
- Đầu tư tài chính dài hạn	61.093.945.846	57.993.945.846
- Các khoản phải thu khách hàng	155.476.451.456	155.476.451.456
- Trả trước cho người bán	66.340.773.277	66.340.773.277
- Phải thu khác	19.795.156.417	19.795.156.417

**3.3. Công nợ tài chính**

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo nội dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<b>Cuối năm</b>
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn dài hạn	145.308.385.410
- Phải trả người bán	18.659.996.852
- Người mua trả tiền trước	1.296.001.145
- Phải trả khác	5.683.327.763

**3.4. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro đồng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp để phục cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng một số lượng lớn từ các nhà cung cấp, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Bên cạnh đó Công ty có rủi ro về tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là tiền tệ kế toán của Công ty, là VNĐ, Đơn vị tiền tệ này chủ yếu là đô la Mỹ USD và Euro (EUR). Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức độ có thể chấp nhận được thông qua việc mua và bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

<b>Đối tượng</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
- Phải trả người bán	18.659.996.852	-	18.659.996.852
- Người mua trả trước	1.296.001.145	-	1.296.001.145
- Phải trả khác	5.683.327.763	-	5.683.327.763
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	139.256.885.410	-	139.256.885.410
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	6.051.500.000	6.051.500.000

**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty CP NAFOODS GROUP năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Định giá Thăng Long – T.D.K.

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2017

<p>Người lập biểu</p>  <p>Đặng Thị Loan</p>	<p>Kế toán trưởng</p>  <p>Nguyễn Thị Trang</p>	<p>Tổng Giám đốc</p>   <p>Nguyễn Mạnh Hùng</p>
--	---	--